



BA NGÔI THIÊN CHÚA

Viện Thần Học Việt Nam
Westminster, California

Ba ngôi Thiên Chúa



Paris * 08.2025

Bìa : *M. C. P*
Nguồn : *Viện Thần học Việt Nam*

Ba ngôi Thiên Chúa

VIỆN THẦN HỌC VIỆT NAM
WESTMINTER * 2025

MỤC LỤC

0. Viện Thần học	11
Lời giới thiệu	
1. Chương 1	13
Bản thể THƯỢNG ĐẾ	
2. Chương 2	32
THƯỢNG ĐẾ vô hạn	
3. Chương 3	61
THƯỢNG ĐẾ thánh khiết, chính trực và công bình	
4. Chương 4	84
THƯỢNG ĐẾ chân thật, thành tín và yêu thương	

5. Chương 5	112
Công trình của THƯỢNG ĐẾ	
6. Chương 6	139
Tiên thân và sự nhập thể của CHÚA CỨU THẾ GIÊ-XU	
7. Chương 7	166
Thần tính của CHÚA CỨU THẾ GIÊ-XU	
8. Chương 8	193
Sự chết hy sinh của CHÚA CỨU THẾ	
9. Chương 9	220
Sự phục sinh của CHÚA CỨU THẾ	
10. Chương 10	244
Sự tái lâm và ngự trị của CHÚA CỨU THẾ	

11. Chương 11 266

Ngôi vị và quyền năng của ĐỨC THÁNH LINH

12. Chương 12 288

ĐỨC THÁNH LINH và người tin

LỜI GIỚI THIỆU

Ba Ngôi Thiên Chúa là tài liệu học tập của Hiệp Hội Huấn Luyện Giáo sư Tin Lành (Evangelical Teacher Training Association). Tài liệu nhằm giúp cho những người có trách nhiệm lãnh đạo trong Hội Thánh, cũng như cho các tín hữu muốn tăng trưởng vững vàng trong đức tin biết được Đấng mình tin yêu và thờ phượng.

Dù là tài liệu Thần học, nhưng soạn rất dễ hiểu, thích ứng cho đại đa số tín hữu. Viện Thần học mong tài liệu này sẽ giúp ích được nhiều cho Hội Thánh và Tín hữu.

Viện thần học

CHƯƠNG 1

BẢN THỂ THƯỢNG ĐẾ

The Nature of God

Môn học về Thượng Đế là một môn học vĩ đại nhất của con người. Đó là một đề tài không bao giờ tát cạn nổi. Nguồn của mọi hiểu biết về Thượng Đế là chính Thượng Đế. Ngài tự tỏ mình cho con người qua vũ trụ mà Ngài tạo dựng và qua Thánh Kinh do Ngài cảm thúc. Các nhà thần học phân biệt thần tự nhiên (natural theology) những gì biết về Thượng Đế qua thiên

nhiên, và thần học mặc khải (revealed theology) (những gì biết về Thượng Đế qua Thánh kinh)

Khi con người quan sát thế giới quanh mình, họ thấy có một số bằng chứng về Thượng Đế. Đối với những người có mắt để nhìn, thì “các tầng trời rao truyền sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, bầu trời giải tỏ công việc của tay Ngài làm” (Thi 19: 1). Thế giới bao la trong đó chúng ta đang sống đây cần có một Thượng Đế. Vì vậy Ngài phải hiện hữu. Giải thích cội tạo vật không có Đấng Tạo Hóa cũng giống như liện dây thừng vào khoảng không rồi leo lên, hay xây một ngôi tháp trên không khí vậy. Nhưng hiểu biết về thiên nhiên hay thần học tự nhiên có đủ giúp ta biết về Thượng Đế không? Hãy đọc Rô ma 1: 18-25. Đoạn này mô tả hình ảnh dân ngoại biết về Thượng Đế qua thiên

nhiên. Lời Phao-lô nói “ Thế gian bởi sự khôn ngoan riêng chẳng biết Đức Chúa Trời (I Cô 1: 21) rất đúng với lịch sử các hệ thống tôn giáo. Không một tôn giáo nào thể hiện được một quan niệm trọn vẹn về Thượng Đế, dầu nhiều tôn giáo có những ý niệm rất đặc sắc về Ngài. Con người cần sự mạc khải của Lời Thượng Đế và Con Ngài để hiểu biết về Ngài.

THƯỢNG ĐẾ LÀ HỮU THỂ SỐNG (God is a Living Being)

Thiên Nhiên Chứng Tỏ (Shown By Nature)

Trong thiên nhiên có nhiều bằng chứng tán trợ cho niềm tin về Thượng Đế. Trải qua nhiều thế kỷ, các nhà thần học Cơ-đốc đã lấy những sự kiện trong

thiên nhiên về lập thành những luận cứ xác chứng sự hiện hữu của Thượng Đế. Những lập luận tồn tại lâu hơn hết là:

Vũ trụ luận (cosmological argument)

Cũng có thể gọi là nhân quả luận. hễ có quả ắt phải có nhân tương ứng. Đã có vũ trụ là hệ quả, tất phải có một nguyên nhân sinh ra nó. Nguyên nhân đó chính là Thượng Đế.

Cứu cánh luận (teleological argument)

Thế giới này có sự hài hòa và có chủ đích. Từ các nhà thiên văn quan sát bầu trời cho đến các nhà vật lý, quan sát không nguyên tử hay tế bào, đều thấy mọi sự vật có sự sắp xếp kỳ diệu và có mục đích, như vậy phải kết luận rằng có một vị trí khôn sáng tạo ra chúng.

Đạo đức luận (moral argument)

Vì con người là vật có đạo đức, biết phân biệt phải trái, nên phải có một Đấng toàn thiện tạo dựng và phán xét họ

Thực thể luận (ontological argument)

Trong suy tư của con người thì cần phải có một Đấng tuyệt đối, yếu tính căn bản của Đấng tuyệt đối là hiện hữu như vậy trong thực tế phải có Đấng đó. Nếu không, mọi lý luận của con người đều chỉ là tương đối, chẳng đi tới đâu hết. Chữ *Hi lạp* *ontos* có nghĩa là “trên thực tế” hay “thật ra”.

Tôn giáo luận (religious argument)

Các nhà khảo cổ và nhân chủng nhận thấy rằng con người ở đâu, thời nào

cũng đều có tôn giáo. Vì hiện tượng tôn giáo có Thượng Đế ính cách phổ quát nư vậy nên nó phải có phần đúng. Có lẽ trong các lập luận nên không có lập luận nào tự nó có đủ bằng chứng thuyết phục, nhưng nếu tổng hợp lại, chúng đủ sức chứng tỏ niềm tin nơi Thượng Đế là hữu lý.

Kinh Thánh Xác Nhận (Affirmed By Scripture)

Kinh Thánh xác nhận hiển nhiên là có Thượng Đế. Câu đầu tiên của Kinh Thánh “ Ban đầu Đức Chúa Trời “ đặt cú điểm cho toàn bộ Kinh Thánh, sau đó không có chỗ nào chối bỏ hay bàn cãi sự kiện đó cả. Mỗi trang sách Thánh đều ghi đậm hình ảnh của Thượng Đế Hằng Sống, nên nếu chấp nhận giáo huấn của Kinh Thánh ắt phải xem vô thần là tà ngụy. Kinh Thánh có chỗ nói rằng kẻ vô

thần là ngụ đại, lý luận của hần phát xuất từ tấm lòng hơn là từ trí óc (Thi 14: 1, 53: 1)

THƯỢNG ĐẾ LÀ HỮU THỂ HỮU VỊ (God is a Personal Being)

Sự kiện Thượng Đế là một ngôi vị đưa lại những hệ quả quan trọng. Chính vì Ngài là một ngôi vị nên sự mặc khải, tương giao, và cầu nguyện, mới có ý nghĩa. Thượng Đế không phải chỉ là năng lực mù quáng, cũng không phải là tổng hợp của mọi sự vật. Nhưng Ngài là một Đấng có thể nói, nghe, sai phái, ban phước, và có nhiều hoạt động khác nữa. Vì Ngài là một ngôi vị, nên người ta có thể biết Ngài, tin cậy Ngài, yêu thương Ngài, tôn thờ Ngài, và phục vụ Ngài. Kinh Thánh tỏ rõ rằng Thượng Đế là một ngôi vị.

Những suy luận Từ Kinh Thánh (The Multitude of Biblical Inferences)

Khắp trong Kinh Thánh, nơi nào nói về Thượng Đế đều dùng tên và nhân xưng đại danh từ, điều đó chứng tỏ Ngài là một đẳng bậc (ngôi vị). Thêm vào đó, nhiều chỗ trong Kinh Thánh mô tả Ngài có ba đặc điểm thiết yếu của cá tính: trí tuệ, tình cảm và ý chí (xem Thi 139: 1-6, Na-hum 1: 2, 3; I Tê 4: 3; 5: 18)

Lời tuyên bố rõ ràng của Kinh Thánh (Xuất 3: 13, 14) The Explicit Biblical Statement)

Khi Môi-se hỏi tên Thượng Đế là gì để ông nói lại cho dân Y-sơ-ra-ên biết, Ngài đáp rằng: “Ta là Đấng Tự hữu hằng hữu”

Tên đó rất có ý nghĩa, vì nó cho thấy

Thượng Đế tự có vĩnh cửu và là một ngôi vị, là Đấng “hiện có, trước đã có, và còn mãi về sau” (Khải 11: 17), Hình như đó là nguyên ngữ của chữ Giê-hô-va, là tên gọi Thượng Đế của người Do Thái. Cựu Ước nhắc đến tên này hơn 6.000 lần. Mỗi lần nhắc là một lời chứng về vị phẩm của Thượng Đế.

THƯỢNG ĐẾ LÀ HỮU THỂ THẦN LINH (God is a Spirit Being)

Lời Dạy Của Chúa Giê-xu (Lu 24: 39; Giăng 4: 24) (The Teaching of Christ)

Câu Chúa trả lời cho người đàn bà Sa-ma-ri “Đức Chúa Trời là thần” là một câu rất đơn giản về văn phạm, nhưng lại rất sâu sắc về thần học. Trong nguyên ngữ Hi-lạp không có bất định mạo tự

“một.” Ngài không phải là một vị thần, mà Ngài là thần linh: Bản thể của ngài là thần linh.

Thần linh có nghĩa đối lập với vật chất hay thể xác, như trong lời Chúa nói với môn đồ sau khi Ngài sống lại. Họ hoảng sợ tưởng mình thấy một vị thần nên Ngài trấn an họ: “Thần thì không có thịt và xương, mà các người thấy ta có.” Chính vì Thượng Đế là thần nên “chẳng có ai từng thấy Đức Chúa Trời bao giờ” (Giăng 1: 18).

Điều Răn Thứ Hai (Xuất 20: 4, 5; Thi 145: 3)(The Second Command-ment)

Muốn hiểu Mười Điều Răn thì phải biết bản thể của Thượng Đế. Điều răn thứ hai minh giải nguyên tắc này. Vì Ngài là thần linh nên không một thứ gì vật chất có thể đại diện trung thực cho

Ngài được. Một vật hữu hình, dù chạm trở tinh vi khéo léo đến đâu, cũng làm lệch lạc nhận thức về Thượng Đế của người thờ phượng. Chẳng những làm lệch lạc mà còn thu hẹp nữa. Cái gì thuộc về vật chất đều bị giới hạn trong thời gian và không gian, trong khi Thượng Đế là thần linh nên không bị hạn chế trong cái gì cả.

Hình Ảnh Thượng Đế (II Cô 4: 4
Cô-lô-se (1: 15) (The Image of God)

Nếu Thượng Đế có bản thể vật chất hay có cơ thể, thì ta có thể mô phỏng hình dạng Ngài được, nhưng Thượng Đế không cùng bản chất với thế giới vật chất vì ta không thể thấy Ngài được với con mắt vật chất (Giăng 1: 18). Thực tế là Môi-se còn được chỉ dạy là không ai có thể nhìn vào mặt Thượng Đế là thần linh thì câu nói “con người được dựng

nên theo hình ảnh Thượng Đế”. Có nghĩa gì (Sáng 1: 27)? Những nơi khác trong Kinh Thánh cho biết hình ảnh đó bao gồm sự công chính, tri thức, thánh khiết (Cô-lô-se 3: 10; Ê-phê-sô 4: 24). Như vậy hình ảnh Thượng Đế nơi con người là phẩm vị, là đạo đức chứ không phải là hình thể vật chất.

THƯỢNG ĐẾ LÀ HỮU THỂ ĐỘC NHẤT (God is One Being)

Cơ-đốc giáo và đa thần giáo (Phục 6: 4, 5, I Vua 8: 60; Ê-sai 42: 8, 9; 44: 6-8; 45: 5, 6, 12; 46: 9; Mác 12: 29, 30; Giăng 10: 30; I Cô 8: 4; Ê-phê-sô 4: 6, I Ti 2: 5)

Điều răn thứ nhất vang nên tại đỉnh Si-nai là bởi có lý do xác đáng. Sự thờ lạy mặt trời, một vật thể có nhiều năng

lực nhất trong thiên nhiên, rất phổ biến trong các dân tộc của thế giới cổ. Người Ai-cập nhờ mặt trời dưới danh hiệu thần Ra. Thần Ba-anh của người Phê-ni-xi, Mô-lóc của người Am-môn, Ha-đát của người Sy-ri, Ben của người Ba-by-lôn, đều là những vị thần mặt trời. Sự thờ lạy mặt trời, mặt trăng và các thiên thể, là một trong nhữn tội bị Kinh Thánh lên án không tiếc lời. Ngay từ đầu, dân Y-sơ-ra-ên đã được cảnh cáo là phải coi chừng «kéo các người ngược mắt lên trời, thấy mặt trời, mặt trăng và ngôi sao cùng các cơ binh trên trời mà đem lòng thờ lạy, phục sự chúng chẳng» (Phục Truyền 4: 19). Kinh Thánh nói trước nếu dân tộc nào vi phạm điều răn này sẽ bị ném bỏ. Đối với cá nhân cũng vậy, bất kỳ nam, phụ, lão, ấu, nếu thờ lạy mặt trời, mặt trăng hoặc các cơ binh trên trời, thì sẽ bị xử tử vì đã làm một «điều gớm ghiếc

đường ấy» (Phục Truyền 17: 2-5)

Dân Do Thái sống giữa các dân tộc đa thần (Giô-suê 24: 2, 14, 15; Quan Xét 10: 6; II Vua 17: 33), Ta có thể thấy sở dĩ họ được kêu gọi, biệt riêng ra là cốt để họ làm chứng cho tính cách độc nhất của Thượng Đế. Không có sự thật nào nổi bật hơn điều này trong Cựu Ước. Hơn năm mươi khúc sách thánh dạy rằng Thượng Đế là một, chẳng có ai khác, và chẳng có ai sánh được với Ngài.

Nếu Thượng Đế là Thần duy nhất, thì điều răn đầu tiên tất nhiên là con người phải tập trung mọi năng lực mà yêu kính Thượng Đế (Phục Truyền 6: 4, 5; Mác 12: 29-30). Một Thượng Đế bất phân ly (undivided God) hẳn nhiên đòi hỏi sự tuân phục, phụng thờ chuyên nhất (undivided allegiance) của tạo vật Ngài. Ngài không chấp nhận bất cứ ai đòi

hưởng vinh dự thiên thượng của Ngài: “Ta chẳng nhường sự vinh hiển ta cho đấng nào khác, cũng không nhường sự tôn trọng ta cho các tượng chạm” (Ê-sai 42: 8). Tôn giáo nào của con người không dành cho Thượng Đế sự thờ phượng độc tôn, là điều gớm ghiếc đối với Thượng Đế, ta không cần phải bỏ công tìm tòi xem có bao nhiêu cái tốt trong đó. Thượng Đế không chấp nhận một chỗ ngồi giữa hội các thần. Ngài phải là tất cả hoặc không có gì cả.

Cơ-đốc giáo và thuyết độc vị nhất thần (Unitarianism) (Sáng 1: 26, 3: 32; Ê-sai 6: 8; Mat 3: 16, 17 ; II Cô 13: 14).

Từ những thế kỷ đầu tiên, người tin đồ Cơ-đốc đã nhấn mạnh giáo lý Ba Ngôi. A. H. Strong đã định nghĩa giáo lý ấy như sau: “Trong bản thể của Thượng Đế có ba biệt thể vĩnh cửu (three eter-

nal distinctions) bình đẳng: đó chẳng phải là ba vị trong một, hoặc ba Thượng Đế trong một, cũng chẳng phải Thượng Đế tỏ mình bằng ba cách. Đây là ba biệt thể thiết yếu (three essential distinction) trong sự hiện hữu của Thượng Đế; “Trải qua nhiều thế kỷ, những người chủ trương độc vị nhất thần thường tấn công giáo lý Ba Ngôi, cho rằng giáo lý ấy chủ trương tam thần hay chỉ là giáo lý đa thần ngụ ý trang tính vi, bởi đó xúc phạm tính cách độc nhất của Thượng Đế.

Dẫu rằng từ ngữ Ba Ngôi không có trong Kinh Thánh, giáo lý Ba Ngôi phát xuất từ Kinh Thánh. Đó là một sản phẩm mặc khải mà trí tuệ con người không tài nào phát minh ra được. Sỡ dĩ ta tin giáo lý ấy vì Kinh Thánh đã dạy nó. Đó là một trong những bí ẩn sâu nhiệm và khó hiểu nhất của lời Thượng Đế. Dẫu giáo lý Ba

Ngôi ở ngoài tầm hiểu biết và giải thích của trí tuệ con người, nó đã được dạy rõ ràng trong Kinh Thánh. Về phương diện này, ta không thể đem một cái gì trong thiên nhiên để so sánh với Thượng Đế được. Những thí dụ thường dùng như: vòng tròn chia ba; ánh sáng, nhiệt, và năng lực, ba nốt nhạc hợp thành hòa âm, nước, hơi nước, và nước đá; thân, hồn, thần của con người, tất cả đều không thể làm sáng tỏ hoàn toàn chân lý Ba Ngôi được.

Dẫu Cựu Ước không minh thị hẳn như Tân Ước, nó có những điểm suy diễn ta chỉ có thể giải thích được bằng giáo lý Ba Ngôi. Đại danh từ số nhiều “chúng ta” trong Sáng 1: 26; 11: 7; Ê-sai 6: 8 không thể nói về các tạo vật như người hay thiên sứ, như vậy phải nói về Thượng Đế. Các khúc sách nói về Đấng

Thiên sai (Ê-sai 9: 6, Mi-chê 5: 2; Thi 45: 6, 7) cho thấy Ngài là một với Đức Giê-hô-va mà vẫn khác biệt với Ngài. Vị thiên sứ của Đức Giê-hô-va cũng được mô tả tương tự (Sáng 16: 9, 13; 22: 11, 16; 31: 11-13; 48: 15, 16; Xuất 4: 2; 4, 5; Quan xét 13: 20 -22). Chữ Ê-lô-him, tiếng Do Thái để gọi Thượng Đế, là số nhiều, dấu nó thường đi với động từ số ít.

Tân Ước thì dạy rõ ràng về Thần tánh của Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh mà vẫn phân biệt cả ba. Chỉ có giáo ba lý Ba Ngôi mới kết hợp được những lời dạy rõ ràng trong Tân ước. Chỉ cần đối chiếu Kinh Thánh với nhau, ta có thể biết được giáo lý ấy, dầu không thể hiểu được hoàn toàn. Trong những bài học sau này, chúng ta sẽ thấy Kinh Thánh dạy, chẳng những Chúa Giê-xu và Đức Thánh Linh có những

yếu tính của Thượng Đế Đức Chúa Cha, mà còn bình đẳng với Ngài về quyền lực và vinh hiển. Ở đây ta chỉ cần đưa ra một dẫn chứng.

Đức chúa Cha là Thượng Đế - Rô ma 1: 7

Đức Chúa Con là Thượng Đế - Hê bơ rơ 1: 8

Đức Thánh linh là Thượng Đế - Công vụ các sứ đồ 5: 3, 4

Cả Tân Ước nhìn nhận mỗi ngôi vị trong Ba Ngôi đều là Thượng Đế, và nội dung của nó được đặt trên nền tảng đó.

CHƯƠNG 2

THƯỢNG ĐẾ VÔ HẠN

(The Infinitude of God)

Tác giả Thi Thiên viết “Đức Giê-hô-va là lớn và đáng ngợi khen thay; sự cao cả Ngài không thể dò lường được” (Thi 145: 3) Ngay cả thời đại nguyên tử với bao nhiêu kiến thức khoa học này cũng không thể nào thay đổi được câu nói khiêm tốn đó. Kinh Thánh nêu rõ những thuộc tính của Thượng Đế, nhưng đặc tính nào của Ngài cũng vượt quá tầm hiểu biết của con người. Cái gì

ở nơi Thượng Đế cũng đều toàn vẹn và vô hạn. Trí hiểu biết hữu hạn của con người không tài nào đo lường Thượng Đế được. Con người chỉ có thể đứng kinh ngạc trước sự vĩ đại của Thượng Đế. Nói đến chiều kích này là nói đến sự vô hạn của Thượng Đế.

THƯỢNG ĐẾ VĨNH HẰNG (god is Eternal)

Xưng nhận Thượng Đế vĩnh hằng là xác nhận Thượng Đế có sự sống vô hạn.

Chúng ta không thể nào đo được tương lai chưa tới, nhưng chúng ta có thể đem trí tưởng tượng trở về quá khứ thật xa thẳm để hình dung ra cõi vĩnh cửu. Chúng ta bảo sách Sáng Thế ký là sách của những khởi đầu: khởi đầu cuộc

Tạo Hóa, khởi đầu của con người, của các dân tộc. Nhưng đó chưa hẳn là khởi đầu. Chúng ta còn có các dân tộc. Nhưng đó chưa hẳn là khởi đầu. Chúng ta còn có thể lui về thời kỳ tạo dựng các thiên sứ, những Con Trai của Thượng Đế mà ngay từ buổi bình minh của công cuộc Tạo Hóa, họ đã có mặt rồi (Gióp 38: 7). Nhưng đó cũng không phải là khởi đầu nữa. Chúng ta còn có thể đi vào cõi đời đời, khi Đấng Tạo Hóa chỉ có một mình, tất cả mọi tạo vật chỉ mới có trong ý nghĩ Ngài. Chúng ta có thể để cho trí tưởng tượng bay tới mãi, nhưng không bao giờ đến chỗ khởi đầu, vì cõi đời đời không có điểm đầu cũng không có điểm cuối.

Con người có quá khứ, hiện tại, và tương lai, nhưng Thượng Đế chỉ có hiện tại. Quá khứ và tương lai đều là “bây giờ” đối với Ngài. Loài người còn lại mãi mãi

(everlasting) nhưng Thượng Đế là vĩnh cửu (eternal) (Phục truyền 32: 40; Thi 90: 2; I Ti 6: 16)

Trong Khải huyền 1: 8 Chúa xưng mình là An-pha và Ô-mê-ga là chữ đầu và chữ cuối trong bộ mẫu tự Hi lạp, nguyên ngữ của Kinh Thánh Tân Ước. Như vậy Thượng Đế vừa là khởi đầu, vừa là cuối cùng của thời gian. Cõi đời tôi không có đầu và cuối, còn thời gian thì có cả hai. Trong Thượng Đế, thời gian bị nuốt chửng trong cõi đời đời và không một ai hiểu được cõi vĩnh cửu ngoài Thượng Đế vĩnh hằng.

THƯỢNG ĐẾ BẤT BIẾN (God is Immutable)

Thượng Đế không thay đổi và chẳng

ai thay đổi được. Ngài Thượng Đế vượt lên trên mọi nguyên nhân đổi thay và tình huống đổi thay. Tính bất biến này liên hệ với tính vô hạn của Ngài trong thời gian cũng như không gian. Thế giới này luôn đổi thay, “song Chúa không hề biến cải” Thi 102: 26, 27)

Thượng Đế không thay đổi bản chất (Nature) Của Ngài

Thượng Đế không thể tăng thêm hay giảm đi. Ngài không nằm trong qui luật phát triển hay tiến hóa nào cả. Trí thức và quyền năng của Ngài chẳng có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn. Ngài chẳng có thể khôn ngoan hơn hay thánh thiện hơn. Ngài chẳng có thể công chính hay nhân từ hơn trước kia hoặc sau này. Ngài vượt lên trên mọi qui luật chi phối thời gian và biến dịch, vì lời Ngài chính là qui luật.

Thượng Đế chẳng thể thay đổi quan hệ giữa Ngài với con người. Ta có thể trông chờ gì ở một kẻ nay thế này mai thế khác? chính vì lòng nhân từ của Chúa không thay đổi nên dân Y-sơ-ra-ên bội đạo mới còn hi vọng. Vì ta là Đức Giê-hô-va, ta không hề thay đổi, bởi có đó các người là con trai Gia cốp, chẳng bị diệt vong “ Mal 3: 6)

Thượng Đế Chẳng Đổi Lời Ngài (Thi 119: 160; Mat 5: 18; Giăng 10: 35b)

Con người thất hứa là chuyện thường tình thế gian. Tại sao giữa bạn bè bà con với nhau mà mỗi một giao dịch thương mại nào cũng làm đầy đủ giấy tờ hợp pháp? Đó chẳng phải vì người ta cho rằng nói miệng dễ bỏ qua hay sao? Chẳng phải vì con người là tạo vật hay thay đổi sao? Có bao nhiêu lần chúng ta bị chính những kẻ mình tin cậy lừa gạt

chúng ta? Con người còn là một tạo vật bị hạn chế nữa. Lắm khi họ là nạn nhân của hoàn cảnh, khiến họ không thể nào hoàn thành bốn phận của mình dù họ rất mong muốn. Nói chung, chuyện con người làm sai lời chẳng những là khả hữu mà còn là chuyện đương nhiên nữa. Trái lại, lời Thượng Đế chẳng bao giờ thay đổi.

Thượng Đế Chẳng Đổi Yù (will) I Sa 15: 11; Giê 26: 13

Nếu Thượng Đế không thể đổi ý, vậy thì sao có nơi trong Kinh Thánh nói Ngài “ăn năn”?

Thái độ ăn năn này của Thượng Đế không có nghĩa là thay đổi bản tính và mục đích. Ngài lúc nào cũng ghét tội lỗi và yêu thương tội nhân. Dù là trước hay sau khi tội nhân ăn năn thì thái độ Ngài

cũng như một. Về căn bản, thái độ Ngài không thay đổi, nhưng Ngài có thể thay đổi cách đối phó với sự thay đổi nơi con người. Ví dụ, thái độ Thượng Đế đối với dân Y-sơ-ra-ên không thay đổi, Ngài ghét tội lỗi họ, và vì họ miệt mài trong tội nên họ phải hứng chịu những trừng phạt của tội lỗi. Nhưng Thượng Đế vẫn yêu thương họ, nên khi họ ăn năn và lìa bỏ tội lỗi thì cách Thượng Đế đối xử với họ cũng do đó mà đổi thay. Như Strong có nói “Tính bất biến của Thượng Đế không phải như một cục đá không có biến động gì bên trong, mà như một cột thủy ngân, lên xuống theo sự thay đổi của nhiệt độ khí quyển xung quanh”.

THƯỢNG ĐẾ TOÀN TRI (God is Ommiscient)

Thượng Đế toàn trí có nghĩa là sự hiểu biết của Ngài thật vô hạn. Sự hiểu biết của Thượng Đế vừa chính xác, tỉ mỉ, chắc chắn, lại vừa bao quát, rộng khắp. Những gì Ngài nói và làm đều tuyệt đối đúng và chân thật. Ngài không thể nào lầm lẫn cũng như không thể nào thất bại. Chúng achỉ có thể ngạc nhiên sững sờ kêu lên như Phao-lô: “ Ôi sâu nhiệm thay là sự giàu có, khôn ngoan và thông biết của Đức Chúa Trời” (Rô 11: 33)

Thượng Đế Biết Hết Quá Khứ (Công 15: 18; I Giăng 3: 20)

Con người là vật hay quên. Dầu có giấy bút sách vở để ghi lại ký ức, họ vẫn không nhớ được bao nhiêu quá khứ. Họ có thể đào bới, khai quật những di tích

cổ của các dân tộc để tìm hiểu chút ít về quá khứ. Nhưng những hiểu biết của họ thật thiếu sót biết bao và họ cũng quên đi nhanh biết bao!

Thượng Đế Biết Hết Hiện Tại

Thượng Đế Biết Rõ Thiên Nhiên
(Sáng 15: 5; Thi 147: 4, 5; Ê-sai 40: 26)

Thượng Đế bảo Áp-ra-ham hãy đến các ngôi sao để hình dung ra số hậu tự đông đúc của ông. Nhưng vào thời Áp-ra-ham, chưa có nhà khoa học nào dám đem số ngôi sao so với cát biển, Hipparchus, một nhà thiên văn xưa, đếm được 1, 022, và Ptolemy ghi được 1, 026. Lời Giê-rê-mi nói rằng các đạo binh trên trời không thể đếm được (Giê 33: 22) có thể bị cho là phản khoa học, nếu người ta không nhờ các dụng cụ tối tân tìm ra vô số ngôi sao không thể nào tưởng tượng

nổi. Dù cho con người ngày nay vẫn chưa đếm nổi số ngôi sao, Thượng Đế chẳng những biết số mà còn biết tên từng ngôi sao một.

Thượng Đế Biết Rõ Con Người

(1) Đường lối loài người (Thi 119: 168; 139: 3) Gióp 24: 23; Châm 5: 21; Hê 4: 13)

(2) Lời nói con người(Thi 19: 14 l; 139: 4)

(3) Tư tưởng con người (Thi 139: 2; Lu 11: 17; I Cô 3: 20)

(4) Ước muốn của con người (Công 1: 24; Rô 8: 27)

Thượng Đế Biết Hết Tương Lai(Ê-sai 41: 21-23; 42: 9; 46: 10; 48: 5-7)

Không gì có thể chứng tỏ Kinh

Thánh là lời Thượng Đế cho bằng những mặc khải trong đó cho thấy Thượng Đế biết trước mọi sự. Hơn một phần tư Kinh Thánh là lời tiên tri. Chúng ta chỉ cần đọc những gì Thượng Đế nói về kết cuộc của các đô thị Ba-by-lôn và Ni-nive, rồi bước qua những di tích hoang tàn của những nơi đã từng là kinh thành tráng lệ đó, chúng ta mới thấy được sự biết trước của Thượng Đế.

Không có vị tiên tri nào cho ta cái nhìn rõ ràng về sự biết trước của Thượng Đế cho bằng Ê-sai. Các vị tiên tri khác đều có nói Giu-đa sẽ bị các đạo quân hùng mạnh của Ba-by-lôn khuất phục, nhưng chỉ có Ê-sai là thách đố các thần của Ba-by-lôn, nếu thật là thần thì hãy nói trước những việc sẽ xảy ra.

Ê-sai đã tiên báo tử mĩ về Si-ru, người chinh phục đế quốc Ba-by-lôn (45: 1-4;

46: 11). Lời tiên tri ấy đã nói ra từ thời đế quốc A-sy-ri đang hưng thịnh, chớ chưa phải là đế quốc Ba-by-lôn. và nói về nước Ba-tư lúc ấy hãy còn là một tiểu nhược quốc. Tên vua Si-ru đã được nhắc đến từ 180 năm trước khi ông ra đời.

Chúa Giê-xu nhiều lần nói trước Ngài sẽ chết trên thập tự giá và sẽ sống lại (Mat 16: 21; 17: 22, 23; 20: 17-19; 26: 1-2). Như vậy chẳng những Ngài chứng tỏ Ngài có thể biết trước tương lai, mà còn là Thượng Đế nữa. Những lời tiên báo đó chẳng những khó có thể xảy ra mà còn là chuyện không thể có đến nỗi các môn đồ nghe cũng không hiểu (Mác 8: 31 -33; 9: 31, 32; 10: 33)

Chẳng có một việc gì xảy ra trong những ngàn năm tới mà tâm trí vô hạn của Thượng Đế không biết đến.

Thượng Đế Sử Dụng Đúng Dẫn Tri Thức Của Ngài (Ê-sai 40: 13, 14)

Với tất cả kiến thức, nhưng con người lại thiếu sự khôn ngoan cần thiết để sử dụng đúng dẫn tri thức đó. Con người luôn luôn lầm lỗi. Nhưng Thượng Đế không như vậy; sự khôn ngoan của Ngài là vô hạn. Chỉ có Thượng Đế là nằm ngoài vòng sai lầm. Ngài chẳng bao giờ thí nghiệm; Ngài chẳng bao giờ thay đổi kế hoạch. Thời gian chẳng dạy Ngài được điều gì. Những gì Ngài đã làm thì chẳng cần phải tu chỉnh, vì sự khôn ngoan của Ngài bảo đảm mọi sự đều hoàn hảo.

Sự khôn ngoan của Thượng Đế Trong Công Cuộc Sáng Tạo (Châm 3: 19; Ê-sai 40: 12)

Một nhạc cụ trước hết đòi hỏi tài khéo của người thợ chế tạo, rồi kỹ thuật

người nghệ sĩ lên dây đàn, cuối cùng là tài hoa của người nhạc sĩ diễn tả cái đẹp của âm thanh. Cũng vậy, trong công cuộc sáng tạo chúng ta thấy sự khôn ngoan của Thượng Đế trước hết là trong sự tạo hình vũ trụ, rồi trong sự vận hành hài hòa của nó, và cuối cùng là tinh cách ích dụng kỳ diệu của muôn loài, dưới sự tế trị khôn ngoan của Ngài. Sự khôn ngoan của công cuộc Tạo Hóa bày tỏ trong:

Tính Đa Dạng (Thi 104: 24; I Cô 15: 41)

Người ta không bao giờ học hết môn động vật học hay thực vật học, vì có vô số các chủng loại sinh vật cũng như cây cỏ. Có rất nhiều thứ giống nhau, nhưng cũng có những khác biệt lạ lùng ngay giữa hai lá cùng mọc trên một cây. Cả các ngôi sao cũng vậy, “Vinh quang

của ngôi sao này khác vinh quang của ngôi sao khác. “

Vẻ Đẹp và Sự Hài Hòa (Truyền 3: 11)

Hoa huệ ngoài đồng còn đẹp dễ thơm tho hơn đóa hoa nhân tạo tinh xảo nhất. Các tinh tú vận hành rất hài hòa nhịp nhàng, nhờ vậy thái dương hệ mới được an toàn.

Tính Ích Dụng (Châm 30: 24-28)

Sự khôn ngoan thiên thượng chẳng những tạo dựng mà còn ban cho tạo vật một chủ đích. Có con nhện trên tường, nhưng nó chẳng lưới để bắt giồng ruồi dơ bẩn. Có loài vật nhỏ xíu dưới biển, nhưng lại làm thành cả hải đảo. Ngôi sao trên trời có thể chỉ đường cho những chiếc tàu lớn trên đại dương.

Sự Khôn Ngoan Của Thượng Đế Trong Công Cuộc Bảo Toàn (Thi 104: 13, 14, 27, 28).

Điều này tỏa trong nhiều cách, lấy một ví dụ là trái đất. Chúng ta biết bề mặt trái đất được bao phủ bởi một lớp khí quyển thật mỏng, đó là cái vỏ làm bằng nhiều thứ khí để duy trì sự sống. Ít ai để ý tới ích lợi của khí quyển vì nó quá dư dật, nhưng nó chính là trung gian dẫn truyền ánh sáng và âm thanh, làm trung hòa nhiệt độ, và là phương tiện bảo vệ trái đất

Dẫn truyền ánh sáng

Nếu không có lớp không khí bao quanh, trời sẽ tối đen khi ánh mặt trời không chiếu thẳng vào. Khi mặt trời mọc, chỗ ta ở sẽ từ tối đen liền trở nên sáng rực, và trời tối liền khi mặt trời lặn;

như vậy sẽ không có trời bình minh hoặc hoàng hôn.

Dẫn truyền âm thanh

Nếu không có không khí, chúng ta không thể nào tạo ra hay nghe được một âm thanh nào. Tất cả các âm thanh đều do không khí rung chuyển tạo thành và truyền đi.

Điều nhiệt

Lớp khí quyển giống như các mền giữ trái đất khỏi sức nóng của mặt trời. Nếu không có nó, ban ngày sẽ quá nóng và ban đêm quá lạnh khó có sự sống tồn tại trên đất. Nhờ có khí quyển, con người mới tạo ra lửa và nhiệt được.

Phương tiện bảo vệ

Nếu không có khí quyển, hàng ngàn

vẫn thạch bay trong không gian bị trái đất hút vào sẽ rơi xuống mặt đất với tốc độ kinh hồn. Khi quyển giống như tấm đệm cản bớt tốc độ và làm giảm độ rơi khủng khiếp của chúng.

Sự Khôn Ngoan Của Thượng Đế Trong Công Cuộc Cứu Chuộc

Chúa Cứu Thế, Sự Khôn Ngoan Của Thượng Đế (II Cô 1: 24)

Thượng Đế chọn máng cỏ tồi tàn thay vì cung điện nguy nga làm nơi ra đời của con Ngài. Theo tiêu chuẩn trần gian thì chẳng còn ai nghèo nàn hơn, thấp hèn hơn. Như vậy, chẳng ai có thể nói Cơ-đốc giáo chỉ dành cho kẻ thông thái, người giàu có hay quý phái. Thượng Đế làm thế nào để cho mọi tội nhân đều có thể được cứu, và khiến cho sự cứu rỗi không tùy thuộc vào sự khôn ngoan mà

vào đức tin của họ.

Hội Thánh, Sự Khôn Ngoan Của
Thượng Đế (I Cô1: 21)

Chúa chọn mười hai người thất học đi truyền Tin Lành cho thế giới, để chứng tỏ rằng không phải sự khôn ngoan của con người mà là sự khôn ngoan của Tin Lành chinh phục được lòng người. Thượng Đế chọn những kẻ yếu đuối truyền giảng Tin Lành, và sứ điệp “ngu dại” của họ đã chinh phục được các lục địa. Họ quảng bá Tin Lành, và Chúa - không phải các sứ đồ - được vinh hiển.

THƯỢNG ĐẾ TOÀN NĂNG (God
is Omnipotent)

Quyền năng Thượng Đế là vô hạn

và không chấp bất kỳ một hạn chế hay ràng buộc nào chỉ trừ ra khi Ngài muốn. Đối với Ngài, nghĩ là làm; quyết định là thi hành. Ngài phán điều gì thì có ngay điều ấy. Vì Ngài là toàn vẹn nên không phải thí nghiệm, mà thực hiện công tác một lần đủ cả không cần phải tu chỉnh.

Quyền Năng Thượng Đế Trong Công Cuộc Sáng Tạo (Thi 33: 4-9; Ê-sai 40: 12-17)

Chương đầu của sách Sáng thế ký không phải là chỗ duy nhất trong Kinh Thánh để lại công cuộc sáng tạo. Sự khôn ngoan và quyền của Thượng Đế trong việc kiến tạo trái đất được nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Tác giả Thi thiên nói rằng các tầng trời bởi lời Đức Chúa Trời tạo thành, và các đạo binh ngôi sao thành hình do “hơi thở của miệng Ngài”

Khi chúng ta cảm thấy thế giới càng ngày càng lớn hơn và con người càng ngày càng vĩ đại hơn, thì nên đọc Ê-sai 40. Chú ý đặc biệt các câu 12-17 tán dương quyền năng của Thượng Đế.

Quyền Năng Của Thượng Đế Trong Công Cuộc Bảo Hộ (Giê 32: 17- 24)

Giê-rê-mi đang ở tù khi ông dâng lên lời cầu nguyện này. Lúc đó vào khoảng cuối cuộc bao vây thành Giê-ru-sa-lem của vua Nê bu cát nết sa. Vì vị tiên tri nhất quyết rằng cuối cùng thành sẽ bị chiếm nên ông bị bỏ tù. Trong cảnh ngộ đó, đức tin ông nơi Đấng Toàn Năng vẫn không lay chuyển. Ông đến với Thượng Đế với niềm tin rằng chẳng có gì là quá khó đối với Đấng dựng nên trời và đất (c. 17). Điều đáng ghi là khi ông cầu nguyện xong thì Thượng Đế trả lời ông bằng thứ ngôn ngữ toàn năng của Ngài

(c. 27). Giê-rê-mi tán dương quyền năng Thượng Đế trong cách Ngài đối xử với dân Y-sơ-ra-ên (c. 20, 24)

Quyền Năng Thượng Đế Trên Thiên Nhiên (Thi 107: 25-29; Ma thi 8: 24-27)

Thi Thiên 107 mô tả một trận bão giữa biển. Những lượn sóng lớn đe dọa nhận chìm chiếc tàu xuống đáy biển. Các thủy thủ lảo đảo trên sàn tàu như “người say rượu”. Nhưng khi người ta kêu cầu Thượng Đế can thiệp thì sóng êm bão lặng ngay. Khi Thượng Đế can thiệp vào định luật thiên nhiên thì đó gọi là phép lạ. Phép lạ không phải chỉ xảy ra trong thời của Chúa Giê-xu, mà ngay trong thời nay, nhiều người cũng làm chứng Thượng Đế nhậm lời cầu nguyện khiến trời đổ mưa, cơn cháy rừng bị đổi hướng.

Quyền Năng Thượng Đế Trên Con

Người (Xuất 5: 2; 12: 30, 31; Đa ni 4: 30-37)

Nhiều bậc quân vương lỗi lạc trên thế giới thách đố Thượng Đế toàn năng nhưng rồi mới biết rằng ngôi vị và quyền hành của mình do Thượng Đế ban cho “Châm 8: 15, 16”. Khi đại đế Napoléon kéo đại quân Âu châu sang chinh phục nước Nga, có người đã nhắc nhở ông rằng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” Vị hoàng đế đã chinh phục cả Âu châu trả lời, “Mưu sự tại ta mà thành sự cũng tại ta”. Đội quân tinh nhuệ của ông đã từng bách chiến bách thắng, nhưng Thượng Đế đã dùng những hoa tuyết nhỏ bé xúi để chôn vùi tên tuổi họ. Thượng Đế cũng đã dùng một cơn bão để triệt hạ Hạm Đội Vô địch của vua Philip II nước Tây Ban Nha.

Quyền Năng Của Thượng Đế Trên

Sa-tan (Gióp 1: 10, 12, 2: 6; Lu 22: 31, 32)

Sa-tan vua của các thế lực mờ tối, được gọi là thần của đời này (II Cô 4: 4), vì vậy nó chế ngự toàn bộ thế gian. Nhưng Sa-tan không có quyền gì trên con cái Thượng Đế chỉ trừ khi Ngài cho phép. Trường hợp Gióp và Phi e rơ cho ta thấy rõ điều đó. Thượng Đế có quyền hạn chế quyền lực của Sa-tan cũng như Ngài có thể chặn đứng những lượn sóng dữ của đại dương. Một ngày kia Thượng Đế sẽ thống trị trời đất, và ma quỷ sẽ bị “ném vào hồ lửa và diêm sinh, nơi con thú và tiên tri giả đang ở, chúng sẽ đau đớn ngày đêm cho đến đời đời” (Khải 20: 10)

Quyền Năng Thượng Đế Trong Công Cuộc Cứu Chuộc

Thượng Đế đã thay đổi nhanh chóng

cuộc đời Sau-lơ, kẻ tàn hại Hội Thánh và người cai ngục thành Phi-líp lúc ông sắp sửa tử tử. Hàng ngàn người ngày nay có thể làm chứng tương tự về quyền năng giải cứu của Thượng Đế. Một trong những câu chuyện tỏ rõ quyền năng Thượng Đế là chuyện của bộ lạc da đỏ Aucas hung dữ đã được biến đổi nhờ ảnh hưởng của Tin Lành sau cái chết tuần đạo của năm nhà truyền giáo ở Ecuador. Câu chuyện được kể lại trong cuốn *The Savage My Kinsman* (Người Man rợ Bà con của tôi) của Elizabeth Elliot)

Quyền Năng Thượng Đế Trong Sự Định Đoạt (God's power to will)

Tính toàn năng của Thượng Đế tùy thuộc vào ý định của Ngài. Chính cá tính toàn hảo kiểm soát năng lực vô biên của Ngài mới là lớn hơn sự toàn năng của Ngài. Tính đạo đức toàn vẹn

của Thượng Đế khiến Ngài không thể lạm dụng sự toàn năng của Ngài. Như vậy ý muốn của Thượng Đế tùy thuộc bản tính của Ngài.

Thượng Đế là khôn ngoan vô hạn nên không thể muốn một điều ngu dại

Thượng Đế là công bình vô hạn nên không thể muốn một điều bất công

Thượng Đế là tốt lành vô hạn nên không thể muốn một điều xấu xa

Thượng Đế là tinh sạch vô hạn nên không thể muốn một điều bất khiết

THƯỢNG ĐẾ TOÀN TẠI (God is Omnipresent)

Tính toàn tại của Thượng Đế đi liền với tính toàn năng và toàn trí của Ngài.

“Có ai ẩn núp nơi bí mật mà ta không thấy được chăng? Há chẳng phải ta đầy dẫy trời đất đó sao? Đức Giê-hô-va phán vậy? (Giê 23: 24). Thượng Đế thấy được mọi sự có nghĩa là Ngài luôn luôn hiện diện. Những người phỉnh thần cho rằng Thượng Đế ở trong mọi sự, nhưng Kinh Thánh dạy rằng Đấng Tạo Hóa ở ngoài tạo vật của Ngài. Các nhà thiên văn không đo được biên giới của vũ trụ cũng vậy, con người không thể nào hiểu được thuộc tính này của Thượng Đế. Thi Thiên 139 nói về sự toàn tri của Thượng Đế (c. 1-6) sự toàn năng của Thượng Đế (c. 13-19), và đặc biệt là sự toàn tại của Thượng Đế (c. 7-12). Những câu này và nhiều nơi khác trong Kinh Thánh dạy rõ rằng Thượng Đế có mặt và hành động ở khắp mọi nơi.

CHƯƠNG 3

THƯỢNG ĐẾ THÁNH KHIẾT, CHÍNH TRỰC VÀ CÔNG BÌNH

(The Holiness, Righteousness, and Justice of God)

Nếu chúng ta tin quyết mình có thể tìm được một người trên thế gian không hề lỗi lầm, chắc chúng ta sẽ tìm đủ mọi cách để gặp được người đó. Nhưng chúng ta biết không thể nào có một người nào như vậy trên đời. Diogenes, một nhà triết học Hi Lạp rất nổi

tiếng về chuyện ông cầm đèn đi rao khắp đường phố kinh đô Athens trong ban ngày để một tìm người lương thiện. Ông không bao giờ tìm được một người như vậy. Thật ra, chính Diogenes cũng đã bị lưu đày biệt xử vì tội làm bạc giả.

Có thể có nhiều người không hề muốn làm một điều sai trái nào, nhưng không hề có một người nào mà ta có thể nói là “không thể làm sai”

Chúng ta đã thấy Thượng Đế không thể sai lầm trong tri thức, vì Ngài là toàn tri. Ngài cũng không thể sai lầm về đạo đức, vì Ngài là thánh khiết. Ngài cũng không thể quyết định sai lầm về lỗi lầm của người khác. Vì ngài là công bình “Đấng phán xét toàn thể gian há chẳng làm điều đúng sao “Đó là câu hỏi của Áp-ra-ham khi ông nghe Chúa sẽ hủy diệt Sô-đôm(Sáng 18: 25). Vâng, Đấng phán

xét toàn thể gian chỉ làm điều đúng, vì chúng ta sẽ thấy rằng bản tính của Ngài là thánh khiết không chỗ trách được, và sự công bình của Ngài khiến cho sự phán xét của Ngài tuyệt đối không thể sai lầm.

SỰ THÁNH KHIẾT CỦA THƯỢNG ĐẾ (God's Holiness)

Thánh khiết có nghĩa không phải chỉ có một vài đức tính mà có đủ tất cả. Ngay cả những người tốt hơn hết, có một số đức tính nổi bật, cũng có những mặt tệ hại khác. Socrates là một nhà hiền triết gương mẫu, nhưng lại bạc đãi vợ con, Aristotle và Plato là những giáo sư dạy điều khôn ngoan, nhưng lại dung chấp thói luông tuông của người đồng hương. Cato nổi tiếng là chân thật, nhưng lại hung dữ với nô lệ, Người mạnh nhất cũng có

những điểm yếu khiến không thể sắp họ vào hạng thánh khiết hoàn toàn Vương niệm tối tôn thuộc về Thượng Đế, không phải vì ta phong cho Ngài, nhưng vì tự Ngài xứng đáng như vậy.

Kinh Thánh Dạy Rõ Về Sự Thánh Khiết Của Thượng Đế (Giô-suê 24: 19; I Sa 2: 2; Gióp 36: 23; Thi 99: 9; Ê-sai 5: 16; Ê-xê 39: 7; Khải 4: 8).

Trong Cựu Ước

Cựu ước nhấn mạnh sự thánh khiết của Thượng Đế. Thượng Đế được gọi là Đấng Thánh của Y-sơ-ra-ên ba mươi lần trong sách Ê-sai và nhiều lần trong Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên. Trái với những dân tộc lân cận thờ thần tượng, tuyển dân của Thượng Đế luôn luôn được nhắc nhở về hai đặc tính lớn của Thượng Đế.

Ngài là Thượng Đế duy nhất.

Ngài là Thượng Đế thánh khiết.

Khi luật pháp đã không thể khiến dân Y-sơ-ra-ên thấy được sự thánh khiết của Thượng Đế, Ngài đã sai các vị tiên tri đến để nhấn mạnh cho dân Y-sơ-ra-ên thấy điều quan trọng hàng đầu này. Đối với các vị tiên tri, Thượng Đế là Đấng thánh khiết tuyệt đối, mắt Ngài tinh sạch không thể nhìn điều ác, Ngài nhanh chóng sửa phạt tội lỗi.

Trong Tân ước

Cả Ba Ngôi đều mang thuộc thánh khiết

Đức Chúa Cha là Đấng Thánh
(Giăng 17: 11)

Đức Chúa Con là Đấng Thánh (Công
3: 4)

Đức Chúa Thánh Linh là Đấng Thánh (Công 13: 52)

Thượng Đế thánh khiết là chân lý căn bản của Kinh Thánh cả Cựu Ước lẫn Tân ước, của Do thái giáo lẫn Cơ-đốc giáo.

Mười Điều Răn Dạy Về Sự Thánh Khiết Của Thượng Đế (Xuất 19: 10-13; 20: 7-11)

Mệnh lệnh nghiêm khắc cấm dân Y-sơ-ra-ên đến gần núi Si-nai khi Thượng Đế đích thân truyền dạy Mười Điều Răn, là để cho dân Y-sơ-ra-ên ý thức được sự thánh khiết của Ngài. Điều răn thứ nhất và thứ nhì nhấn mạnh tính cách độc nhất vô nhị của Thượng Đế, còn điều răn thứ ba và thứ tư nhấn mạnh sự thánh khiết của Ngài. Cái gì thuộc về Thượng Đế - danh Ngài và ngày

của Ngài - đều phải được tôn thánh. Nên nhớ rằng những điều răn này cũng quan trọng như những điều liên quan đến giết người và trộm cắp.

Luật Nghi Lễ (Ceremonial Law)
Dạy Về Sự Thánh Khiết Của Thượng Đế
(Xuất 39: 30; Lê vi 11: 44, 45; 19: 2)

Chủ đề của sách Lê vi là “thánh khiết”, một chữ được dùng đến tám mươi bảy lần trong hai mươi đoạn. Chủ ý của nó là, “Các người phải nên thánh, vì Ta, Giê-hô-va và Đức Chúa Trời người, là thánh” Sách này cùng với các sách của Ngũ Kinh Môi-se nêu rõ sự thánh khiết của Thượng Đế’.

Kiểu Đền tạm cũng trình bày sự thánh khiết của Thượng Đế. Thượng Đế hiện diện trong một gian phòng đặc biệt gọi là Nơi Chí Thánh, tại đây không một

ai được phép vào ngoại trừ vị thượng tế, và ông cũng chỉ được phép vào đó mỗi năm một lần (Xuất 26: 33) ; Lê vi 16: 2)

Các Thị Tượng Cá Nhân (Personal Visions) Cho Thấy Thượng Đế Là Thánh Khiết.

Trong các thị tượng Thượng Đế mặc khải cho con người trong Kinh Thánh, đặc điểm gây ấn tượng mạnh mẽ hơn hết cho họ là sự thánh khiết của ngài.

Thị tượng của Môi-se (Xuất 33: 18-23)

Vinh quang mà Thượng Đế cho Môi-se được nhìn thấy thật ra là vinh quang của sự thánh khiết Ngài.

Thị tượng của Ê-sai (Ê-sai 6: 1-5)

Ê-sai là một người thánh thiện bậc

nhất của cả Y-sơ-ra-ên, thế mà khi ông nhìn thấy vinh quang của Thượng Đế, ông nhận biết mình và dân tộc mình là tội lỗi.

Thị tượng của Giăng (Khải 4: 8 -11)

Mỗi khi được nhìn và mô tả thiên đàng là ông cho thấy hình ảnh vinh quang của Thượng Đế, và những kẻ ở nơi đó tung hô sự thánh khiết của Ngài.

Sự Trừng Phạt Những Kẻ Phạm
Thượng Dạy Cho Ta Sự Thánh Khiết
Của Thượng Đế.

Na-đáp và A-bi-hu (Lê vi 10: 1-3)

Na-đáp và A-bi-hu phạm tội khinh lờn. Họ hạ thấp giá trị thánh chức tế lễ khi dâng lửa lạ trước mặt Chúa. Dầu là con A-rôn, những con người khinh mạn đó đã phải lãnh cái chết thình lình và lạ

lòng bởi lửa của trời

Cô-rê, Đa-than, A-bi-ram (Dân 16: 4-12, 31 - 33)

Ba người này cũng hạ thấp giá trị thánh chức tế lễ khi họ nổi loạn chống lại quyền bính Môi-se và A-rôn. Môi-se khiêm nhường đề nghị hãy để Chúa định đoạt giữa một bên là Cô-rê và đồng bọn và bên kia là Môi-se và A-rôn. Chúng ta hãy để ý lời cảnh cáo của Môi-se: “Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên đã biệt các người riêng ra với hội chúng Y-sơ-ra-ên, và khiến các người lại gần Ngài làm việc trong đền tạm Đức Giê-hô-va, đặt hầu việc trước mặt hội chúng, việc ấy há là nhỏ mọn sao?” (Dân 16: 9). Lập tức Thượng Đế trừng phạt họ và đất hạ miệng nuốt trọn Cô-rê và đồng đảng của ông ta.

Ô-xia (II Sử 26: 16: 21)

Ô-xia, vua Giu-đa, tiếm dụng chức tế lễ và cả gan đốt hương cho Chúa. Trong khi ông làm công việc bị cấm ấy, các thầy tế và hội chúng Y sớ raên thấy mặt ông nổi phung và ông đã mang bệnh ấy cho đến khi qua đời.

Sự Dụ Bị Một Đấng Cứu Chuộc Cho Ta Thấy Sự Thánh Khiết Của Thượng Đế (Châm 15: 9, 26; Ê-sai 59: 1, 2; Rô 5: 8, 11)

Tội lỗi là điều gớm ghê trước ánh sáng thánh khiết của Thượng Đế, vì vậy tội nhân phải bị phân cách khỏi Thượng Đế. Trong cõi đạo đức, Thượng Đế và tội nhân đứng ở hai cực đối nghịch. Làm sao Thượng Đế có thể trừng phạt tội lỗi mà vẫn hòa giải được với tội nhân? Câu trả lời là Chúa Giê-xu, Đấng Cứu chuộc

đến từ Thượng Đế. Thập tự giá cho thấy Thượng Đế ưa sự thánh khiết đến chừng nào. Thập tự giá biểu dương sự thánh khiết của Thượng Đế cũng như Tình yêu thương của Ngài> Ta không thể nào thấy nỗi tình yêu của Thượng Đế nếu không nhìn trong ánh sáng của cơn phản nộ Ngài đối với tội lỗi. Đáng Cứu Thế không phải chỉ chết thế tội lỗi chúng ta, mà Ngài còn ban cho chúng ta sự chính trực là điều vừa lòng Thượng Đế.

SỰ CÔNG CHÍNH CỦA THƯỢNG ĐẾ (God's Righteousness)

Tính thánh khiết của Thượng Đế. Thánh Khiết là bản tính của Thượng Đế, nó được biểu lộ nơi sự công chính trong mỗi giao tiếp với con người. Những điểm sau đây chứng tỏ điều ấy.

Thượng Đế Ghét Tội Lỗi (Thi 5: 4, 11-5) ; Châm 6: 16; Ha 1: 13)

Không ai là không biết sự có mặt và quyền lực của tội lỗi. Tội lỗi là nguyên nhân tối hậu của mọi bệnh tật và đau khổ (Sáng 3: 17-19). Có những người cho rằng không có thiên đàng. Họ không muốn biết có gì tốt hơn ngoài trái đất này. Nhưng có gì sung sướng trong thế giới đầy bệnh hoạn, đau buồn, tội lỗi này? Cái thế giới mà nhiều người cho là thiên đàng trên đất này, chẳng có gì làm thỏa mãn được linh hồn con người. Càng thấy nó nhiều càng ít muốn nghĩ tới nó. Càng đi qua nhiều, càng muốn thoát ra khỏi. Mỗi năm có hàng ngàn người tự tử để trốn thoát nó.

Chẳng những xung quanh ta nhan nhản những bằng chứng và hậu quả của tội lỗi, mà ngay trong bản thân ta cũng

đầy ắp tội lỗi (Rô 3: 23). Đếm cát trên bãi biển còn dễ hơn đếm tất cả những lỗi lầm của một đời người. Thượng Đế không bao giờ ưng chịu tội lỗi dù là tội nhỏ hơn hết cũng vậy (Gia cơ 2: 10)

Bản tính Thượng Đế là ghét tội lỗi đến cùng cực. Ngài thật tinh khiết không thể bị điều ác cảm dỗ. Nếu có sự khác biệt trong các thuộc tính của Thượng Đế, tính thánh khiết của Ngài vẫn đứng hàng đầu. Một khi nhận chân được sự thánh khiết đạo đức tối hảo của Thượng Đế, ta sẽ thấy ngay sự gớm ghiếc của tội lỗi. Danh Ngài là thánh, Ngài ngự trên nơi cao và thánh với những người thánh sạch.

Thượng Đế Dự Bị Một Nơi ở Thánh Khiết (Thi 47: 8; 5: 4; Ê-sai 63: 15; Khải 4)

Thượng Đế ngự ở đâu? Chúng ta đã biết Thượng Đế là toàn tại, nhưng trong nơi ngự trị vô biên của Ngài có một chỗ có thể gọi là nơi ở của Ngài. Kinh Thánh cho biết có ba tầng trời: thứ nhất là bầu khí quyển bao quanh trái đất bao gồm không những thái dương hệ, mà cả những ngôi sao, thiên hà, tinh hệ làm thành vũ trụ bao la. Nhưng trên hết và bên ngoài những cái đó, là một nơi đặc biệt dành cho sự hiện diện của Thượng Đế. Chương bốn sách Khải Huyền có lẽ là khúc sách mô tả linh động hơn hết quang cảnh Thượng Đế uy nghi ngự trên ngai được thần dân tôn thờ. Giác quan hữu hạn của chúng ta không thể nào hiểu hết cảnh tượng vinh quang và uy nghiêm này. Tại tổng hành dinh của công cuộc Tạo Hóa này, Thượng Đế ngự trong nơi ở thánh khiết.

Những người không muốn sống thánh khiết trên đất không thể hi vọng được vào thiên đàng. Dầu cho được nhận vào đó, họ cũng cảm thấy không thoải mái. Cũng như Whitefield, nhà truyền đạo lừng danh từng nói: “Ở thiên đàng, người bất khiết sẽ rất khổ sở nên họ sẽ xin Thượng Đế cho họ chạy xuống hỏa ngục để trú thân”. Chỉ những kẻ “đói khát sự chính trực” mới được “no đủ” hạnh phúc và thánh khiết của thiên đàng.

THƯỢNG ĐẾ CÔNG BÌNH (God's Justice)

Tính công bình là hệ quả của tính thánh khiết của Thượng Đế. Nếu cho rằng chính trực là sự yêu thích thánh khiết của Thượng Đế thì công bình là sự phán xét của Thượng Đế đối với tội lỗi.

Duy Trì Sự Chính Trực (Upholding Righteousness) (Phục 10: 17, 18 Thi 89: 14; 97: 2)

Vì Thượng Đế yêu thích chính trực nên thiên đàng phải có công bình tuyệt đối và phán xét không sai lầm. Ngài biết rõ điều nào phải điều nào trái nên không thể nào thiên vị. Ngài không trọng riêng người nào, không bị hối lộ gây ảnh hưởng để làm một điều gì khác ngoài sự công bình tuyệt đối.

Bảo Vệ Người Công Chính (Sáng 18: 24-26; Thi 96: 11-13)

Để nâng cao sự công chính, Thượng Đế phải bảo vệ người công chính, là những người được Thượng Đế kể là công chính do tin đến Chúa Cứu Thế Giê-xu (Rô 10: 10; I Cô 1: 30; Phil 3: 9) ở dưới đất cũng như trên trời.

Lót (Sáng 18: 19; II Phi 2: 7, 8)

Lời cầu nguyện tha thiết của Áp-ra-ham cho cháu mình là Lót được nhậm, không phải là thành Sô-đôm gian ác khỏi bị hủy diệt mà Lót đã được cứu thoát cách kỳ diệu.

Đa-vít (I Sa 17: 37)

Dầu Đa-vít đấu sức với sư tử, gấu, hay tên khổng lồ Gô-li-át, mạng sống ông đều được bảo toàn, vì Thượng Đế phù hộ ông.

Đa-ni-ên (Đa 6: 22).

Nơi an toàn nhất cho Đa-ni-ên trong khắp xứ Ba-by-lôn là hang sư tử, vì nơi đó ông được bảo đảm có sự phù hộ của Thượng Đế, như Ngài đã bảo toàn Sa-đơ-rắc, Mê-sác và A-bết-nê-gô trong lò lửa hực (Đa 3: 28)

Phi-e rơ (Công 12: 11)

Trong ngục, Phi e rơ ngủ thật bình thản, dầu ông bị xích với bốn tên lính gác, và đã bị kết án đem ra xử tử vào ngày hôm sau. Mạng sống ông được bảo toàn cho đến khi ông hoàn tất công tác.

Phao-lô (Công 27: 21-25)

Mạng sống của Phao-lô bị đe dọa liên miên trong thời gian này. Bốn mươi người Do Thái thể không ăn không uống cho đến khi giết được vị sứ đồ can trường. Chinh quyền La-mã cứu vào bảo vệ ông, nhưng cũng phải khoanh tay trước cơn bão khủng khiếp đe dọa nhận chìm chiếc tàu luôn với mọi người trong đó xuống đáy biển. Thoát được cơn bão, tính mạng ông ta nguy vì con rắn độc quấn chặt vào tay ông. Nhưng Thượng Đế cần ông lại La-mã, nên Ngài hứa quyết phù hộ ông

cho đến khi ông tới thành ấy.

Thượng Đế chẳng những bảo vệ những cá nhân chính trực, mà Ngài cũng bảo vệ các dân tộc ngay lành. Ngài đã nhiều lần bảo vệ tuyển dân Ngài là Y-sơ-ra-ên. Cũng vậy, Ngài đã bảo vệ Hội Thánh Ngài, “Các cửa âm phủ chẳng thắng được Hội đó” (Ma 16: 18)

Ban Thưởng Cho Người Công Chính
(Thi 11: 4, 5, 7; Ma 5: 6; 13: 43; Rô 14: 10;
I Cô 3: 12-15; II Cô 5: 10; II Ti 4: 8)

Kinh Thánh nói rằng Chúa thử thách sự ngay lành của con người để cho thấy có chân thật không. Những người tin yêu điều chính trực và ghét sự gian tà thật là sung sướng, vì họ sẽ được Thượng Đế thưởng, cho vào nước công chính của Ngài. Thượng Đế cũng hứa ban vương niệm công chính cho những ai vui mừng

mong đợi sự hiện đến của vị chánh Aùn công chính để thực thi công lý trên đất. Hiện nay chúng ta không được thưởng hết, nhưng trước ngai phán xét của Chúa, chúng ta sẽ nhận được phần thưởng cho những điều lành mà chúng ta đã làm, không phải để tự tôn vinh mình mà để tôn vinh Chúa. Tính công chính của Thượng Đế bảo đảm cho điều đó.

Trùng Phạt kẻ ác (Thi 7: 1-17; 11: 6; Ma 25: 46)

Thượng Đế phần nộ là điều có thật. Thượng Đế là thánh khiết tuyệt đối, nên Ngài cũng tuyệt đối ghét tội lỗi. Trước một hành động bỉ ổi, chúng ta giận phùng lên điều ấy cho ta thấy phần nào mức độ ghét tội lỗi của Thượng Đế. Nhưng cơn phần nộ của Thượng Đế trước một tội lỗi nhỏ hơn hết vẫn vô cùng lớn hơn cơn giận của chúng ta trước một tội ác tày

đình. Thượng Đế phải trừng phạt tội lỗi, nếu không Ngài không còn là Thượng Đế. Nếu Ngài dung túng tội lỗi, không trừng phạt tội nhân, ắt Ngài phải thoái vị khỏi ngai thánh khiết công bình của Ngài. Một vị vua nhân từ buộc phải trừng phạt những kẻ có tội. Ngay những kẻ ác cũng phải công nhận việc trừng phạt họ là công bình.

Ta thấy điều đó trong trường hợp vua Pha-ra-ôn (Xuất 9: 27). Sau khi bị tai vạ mưa đá, vua nhìn nhận “Lần này trăm đã phạm tội: Đức Giê-hô-va là công bình, trăm cùng dân trăm là kẻ phạm tội.” Pha-ra-ôn không ăn năn, về sau ông chết trong lúc ra mặt chống nghịch Thượng Đế. Nhưng ở đây ông nhìn nhận Thượng Đế trừng phạt ông là hoàn toàn công bình. Mọi tội nhân cuối cùng rồi đều sẽ như vậy. Mọi miệng đều sẽ ngậm

lại và cả thế gian đều sẽ chịu tội trước mặt Thượng Đế (Rô 3: 19).

CHƯƠNG 4

THƯỢNG ĐẾ CHÂN THẬT, THÀNH TÍN VÀ YÊU THƯƠNG

(The Truthfulness, Faithfulness, and
Love of God)

Chúng ta đã học hỏi nhiều về sự thánh khiết và công bình của Thượng Đế để biết rằng tội nhân không thể nào ở chung với Thượng Đế thánh khiết và không thể nào thoát khỏi án phạt của Thượng Đế công bình. Nhưng ngoài đức tính thánh khiết công bình

của Thượng Đế, có những trường hợp khẳng định cho chúng ta biết rằng người lành sẽ được thưởng và người ác sẽ bị phạt. Làm sao ta biết rằng người lành sẽ được thưởng và người ác sẽ bị phạt. Làm sao ta biết có thiên đàng, hỏa ngục? Như chúng ta sẽ thấy sau đây, các đức tính chân thật, thành tín, yêu thương của Thượng Đế chứng tỏ rằng những nơi đó có thật.

SỰ CHÂN THẬT CỦA THƯỢNG ĐẾ (The Truthfulness of God)

Những khúc Kinh Thánh sau đây bày tỏ đức tính chân thật của Thượng Đế: Dân 23: 19; Phục truyền 32: 4; I sa 15: 29; II Sa 7: 28 ; Thi 146: 6; Tít 1: 2

Bản Chất Của Thượng Đế (The Nature of God)

THƯỢNG ĐẾ chân thật, thành tín và yêu thương

Thượng Đế không vướng vào những khiếm khuyết thường khiến con người giả dối. Thượng Đế không bao giờ lừa dối hay giả ngụy vì:

Thượng Đế Rất Khôn Sáng Không Thể Dối Trá Được(Toowise to be untruthful)

Chỉ có kẻ dại mới nói dối. Hẳn nói dối chỉ vì thấy cái lợi trước mắt, nhưng sớm muộn gì hẳn cũng sẽ học được rằng “chân thật là phương sách hay nhất.” Chân thật lúc đầu có thể bị thiệt, nhưng cuối cùng nó sẽ chiến thắng. Bạn có cho rằng Thượng Đế sẽ chọn phương sách của kẻ ngu đốt không? Đáng biết hết mọi sự lại chẳng đủ khôn ngoan để chọn sự thật sao?

Thượng Đế Rất Quyền Năng Không

Thế Dối Trá Được (Too powerful to be untruthful)

Có người nói rằng con người nói dối “Cho qua cơn ngặt nghèo”, nhưng Thượng Đế có bao giờ bị ngặt nghèo đâu? Con người cần nói dối để được một cái lợi nhãn tiền, nhưng Thượng Đế có bao giờ cần điều gì ? Ngài phán “Mọi thú rừng đều thuộc về ta, các bầy súc vật trên ngàn núi cũng vậy. Ta biết các chim của núi; mọi vật sống động trong đồng ruộng thuộc về ta. Nếu ta đói, ta chẳng nói cho người hay; vì thế gian và muôn vật ở trong, đều thuộc về ta” (Thi 50: 10-12). Con người lừa dối để được danh dự và tiếng khen, nhưng Thượng Đế chẳng cần những vật thọ tạo vô ơn tôn vinh Ngài. Tâm hồn chính trực của Ngài rất ghét tiếng khen của kẻ bất khiết. Vinh quang của Ngài đã quá lớn không cần

phải hạ mình nói dối để được con người tôn kính trọng vọng.

Phẩm Tính Của Thượng Đế (The Character of God)

Thượng Đế Rất Thánh Khiết Không Thể Dối Trá Được (Too Holy to be untruthful)

Không phải vì con người dối trá nên anh ta là tội nhân, nhưng vì anh ta là tội nhân nên anh ta mới dối trá. Khuyh hướng dối trá là do từ bản chất hư hoại của anh ta. Nhưng Thượng Đế không phải là con người nên Ngài không thể nói dối. Đức thánh khiết tuyệt đối khiến Ngài không thể nghĩ đến dối trá được.

Thượng Đế Quá Cao Cả Ngài Không Thể Dối Trá Được (Too Honorable to be Untruthful) (Hê 6: 13-18)

Khúc Kinh Thánh trên cho ta biết về hai điều bất biến khiến Thượng Đế không thể nói dối được. Điều đầu tiên là danh dự của Ngài. Thượng Đế xem danh dự của Ngài là quý giá hơn bất cứ điều gì. Lời Ngài phải được thành tựu với bất kỳ giá nào, bởi vì bản tính thánh khiết của Ngài buộc phải như vậy. Thứ hai là lời thề của Ngài. Ở đây cho thấy Chúa dùng lời thề để xác nhận lời hứa của Ngài với Áp-ra-ham.

SỰ THÀNH TÍN CỦA THƯỢNG ĐẾ (The Faithfulness of God)

Đức tính chân thật của Thượng Đế biểu lộ trong đức tính thành tín. Ngay từ khởi thủy lịch sử loài người, ma quỷ đã xuyên tạc để con người nghĩ rằng Thượng Đế là không chân thật. Kinh

Thánh đã nói gì? (Phục 7: 9; IVua 8: 56; Thi 36: 5; Ca 3: 23; I Cô 1: 9; I Tê 5: 24; Hê 10: 23)

Thượng Đế Thành Tín Trong Lời Hứa

Lời Hứa Với A-Đam (Sáng 3: 15; Ga la ti 4: 4)

Thượng Đế cảnh cáo A-đam rằng nếu ông ăn trái cấm chắc chắn sẽ chết. Sa-tan tuyên bố rằng bố rằng lời đó là giả dối; A-đam không chết đâu. Nhưng thật sự ông đã chết phần tâm linh ngay khi ông phạm tội, và điều đó chứng tỏ Thượng Đế là chân thật và Sa-tan là giả dối. Tuy nhiên, khi A-đam ăn năn, Thượng Đế hứa ban một Đấng Giải Cứu đến chà đạp đầu con rắn, và lời Ngài đã được thực hiện khi Chúa Cứu Thế ra đời.

Lời Hứa Với Áp-ra-ham (Sáng 15: 13; Xuất 2:: 24)

Thượng Đế hứa với Áp-ra-ham rằng Ngài sẽ làm cho ông nên một dân lớn và ban cho dòng dõi ông giải đất mà ông đang cư ngụ. Vậy mà suốt trong bốn trăm năm, con cháu ông phải mang thân phận của người khách lạ và phải chịu kiểm kẹp hiếp đáp, đến cuối cùng Thượng Đế giải cứu họ khỏi bàn tay của chủ nhân ông của họ. Thượng Đế nghe tiếng than van của dân Y-sơ-ra-ên ở Ai-cập và nhớ lại giao ước Ngài với Áp-ra-ham.

Lời Hứa Với Môi-se (Xuất 3: 12; 21: 4; 12; 33: 14)

Thượng Đế hứa với Môi-se rằng Ngài sẽ ở với Môi-se, dạy ông những điều phải nói, khiến dân Y-sơ-ra-ên được lòng người Ai-cập, và cho họ vào xứ Ca na

an. Trong bài diễn văn từ giã, Môi-se đã liệt kê một danh sách dài những lời hứa Thượng Đế đã hứa với dân Ngài và thực hiện cho họ (Phục 26: 7-9).

Lời Hứa Với Giô-suê (Giô-suê 1: 1-5; 23: 14)

Thượng Đế hứa với Giô-suê như Ngài đã hứa với Môi-se. Đối với nhà quân sự tài ba này, Thượng Đế đã thành tín đến nỗi trong thông điệp cuối cùng ông tuyên bố rằng «trong các lời lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã phán về các người, chẳng có một lời nào sai hết, thảy đều ứng nghiệm cho các người; thật chẳng có lời nào sai hết.»

Lời Hứa Với Đa-vít (II Sa 7: 7-16)

Thượng Đế hứa rằng con của Đa-vít là Sa-lô-môn sẽ xây đền thờ. Trong lễ

khánh thành công trình kiến trúc đồ sộ đó, vị vua khôn ngoan lỗi lạc tuyên bố rằng trong những lời lành mà Thượng Đế cậy tay Môi-se, tôi tớ Ngài phán hứa, không có lời nào là không thành. (I Vua 8: 56)

Thượng Đế Thành Tín Trong Sự Phán Xét

Lịch sử ghi lại cho thấy Thượng Đế không bao giờ quên lời giũ Ngài cảnh cáo sẽ đoán phạt tội lỗi. Bất cứ lời cảnh cáo nào không được để tai nghe đến, sẽ luôn luôn có trừng phạt tiếp theo.

Lời Cảnh Cáo Người Thời Trước
Cơn Hồng Thủy (Sáng 6: 11-13; Lu 17: 26, 27; II Phi 2: 5)

Cơn tai ương cuốn cả nhân loại đi, chỉ trừ một gia đình sống sót, chứng tỏ

rằng con số đông không ảnh hưởng gì đến sự phán xét của Thượng Đế. Thế giới vô tín bị tiêu diệt như lời Ngài đã phán. Cái mống (cầu vồng) mà Thượng Đế dùng làm dấu chỉ cho lời Ngài hứa sẽ không tiêu diệt đất bằng nước lụt nữa, cũng chứng tỏ rằng Thượng Đế không thể nói dối. Từ đó đến giờ vẫn có những cơn lụt lớn ở nhiều nơi, nhưng không có cơn lụt nào bao trùm cả thế giới như thời Nô-ê.

Lời Cảnh Cáo Thành Sô-đôm (Sáng 18: 20, 21; Lu 17: 28, 29; II Phi 2: 6-8)

Lót là một nhà truyền giáo trầm lặng ở thành phố Sô-đôm. Gương sống của ông là một lời cảnh cáo cho sự gian ác của thành phố đó, nhưng ngay cả đình ông cũng không tin Thượng Đế sẽ tiêu diệt Sô-đôm (Sáng 19: 12-14. Nếu có mười người công chính trong Sô-đôm,

Thượng Đế ắt đã chữa Sô-đôm lại như lời Ngài đã hứa với Áp-ra-ham (Sáng 18: 32). Nhưng vì không có đến số đó nên Ngài thì cứu gia đình Lót bởi ơn thương xót của Ngài (sáng 19: 16)

Lời Cảnh cáo Pha-ra-ôn (xuất 5: 1-3; thi 105: 26-36)

Pha-ra-ôn là một ông vua thế lực và kiêu căng của một dân tộc hùng cường nhất vào thời cổ. Ông cần gì phải để ý đến Giê-hô-va, một vị thần của một bộ lạc nhỏ? Nhưng Pha-ra-ôn đã học được bài học rằng Thượng Đế của Y-sơ-ra-ên là Thượng Đế của cả trời và đất, Đấng thi hành sự phán xét theo những chỉ thị của Ngài. Hãy nghiên cứu về mười tai vạ với những lời cảnh cáo trước, ta sẽ thấy Thượng Đế giữ lời Ngài thật chính xác thế nào.

Lời Cảnh Cáo Dân Y-sơ-ra-ên (Phục 7: 6-11; Giê 25: 4-11)

Thượng Đế đã cảnh cáo nhiều lần cho tuyển dân Ngài, qua các nhà tiên tri trung tín: «dậy sớm và nói» rằng họ sẽ mất tự do và đất đai, nếu họ không ăn năn tội lỗi dân tộc mà quay về cùng Chúa. Dầu Y-sơ-ra-ên là «báu vật» của Ngài, là kẻ yêu dấu bởi đức tin của tổ phụ họ, họ vẫn bị Ngài trừng phạt.

Lời cảnh cáo Ni-ni-ve và Ba-by-lôn

Hai vị tiên tri Na-hum và Ha-ba-cúc đã viết đặc biệt về những tai họa sẽ đổ xuống trên những thành phố vĩ đại tráng lệ này của thời cổ. Ngay lúc đó họ đang trên đỉnh cao của cường thịnh, sự đổ nát là chuyện quá xa vời đối với họ. Nhưng khi dạo qua những đồng hoang tàn của các thành phố ấy, ta có thể đánh bạo hỏi

người khách qua đường: «Đấng đã phán, Ngài sẽ không làm sao? Lời nguyên rủa của Đức Chúa Trời há là lời hồ đồ sao? Lời của Ngài há rơi rớt xuống đất sao?»

TÌNH YÊU CỦA THƯỢNG ĐẾ (The love of God)

Sứ đồ Giăng, bởi Thánh linh cảm thúc, đã ghi lại cho chúng ta những hiểu biết sâu sắc về Thượng Đế trong những câu thật tóm gọn: Thượng Đế là thần linh (Giăng 4: 24), Thượng Đế là ánh sáng (I Giăng 1: 5), Thượng Đế là tình yêu (I Giăng 4: 8). Trong tất cả những đặc tính của bản thể Thượng Đế, không có điều gì cảm động lòng con người bằng tình yêu. Không lạ gì Giăng 3: 16 là câu Kinh Thánh ưa thích của hàng triệu người tin. Câu đó không tán dương sự khôn ngoan

vô biên, quyền năng tuyệt đối, hay sự thánh khiết bất biến của Thượng Đế, mà tán dương tình yêu vĩ đại của Ngài.

Thượng Đế Yêu Thương Ai ?

Chúa Con (Ma 3: 17; 17: 5; Mác 1: 11; 9: 7; Lu 9: 35; 20: 13; Giăng 5: 20; 15: 19; 17: 24)

Mỗi lần có tiếng từ trời chứng rằng Chúa Giê-xu là Đấng Cứu thế, thì nói rằng Ngài là «Con yêu dấu». Trong lễ báp têm, rồi trong buổi hóa hình, chúng ta đều nghe lời thân thiết đó cùng với lời chứng ứng thuận về Ngài. Chúa Giê-xu cũng nói đến tình yêu của Cha đối với Ngài, khi Ngài nói chuyện với môn đệ, cũng như với những người Do Thái vô tín.

«Ban đầu Đức Chúa Trời dựng nên

trời và đất» nhưng trước đó rất xa Ngài đã yêu Đức Chúa Con. Dĩ nhiên nếu Thượng Đế là vĩnh cửu, bản chất yêu thương của Ngài đòi hỏi phải có đối tượng đòi đòi để yêu thương. Bởi vậy, Chúa Giê-xu đã thừa với Đức Chúa Cha «Cha đã yêu Con từ trước buổi sáng tạo thế giới» (Giăng 17: 24)

Con cái Ngài(Phục 7: 6-8; Giăng 14: 21-23; 16: 27; 17: 23; I Giăng 3: 1, 2)

Môi-se tuyên bố rằng Thượng Đế đã chọn Y-sơ-ra-ên trên hết mọi dân tộc trên thế giới, không phải vì số đông của họ, hay họ có những đặc điểm đáng khen nào, nhưng vì Ngài yêu họ mà thôi. Hơn nữa, Ngài yêu họ vì trước hết Ngài đã yêu Áp-ra-ham, Y sác và Gia cốp, tổ phụ họ (Phục 4: 37) và giữ giao ước của Ngài với họ.

Trong lời từ già, Chúa Giê-xu nói nhiều về tình yêu của Đức Chúa Cha đối với Đức Chúa Con, và đưa lên tuyệt điểm khi Ngài nói rằng «ai yêu ta sẽ được Cha ta yêu lại». Ba lần Ngài so sánh tình yêu Đức Chúa Cha đối với các môn đồ với tình yêu Thượng Đế đối với Đức Chúa Con. Nếu chúng ta tin những lời này, thì chúng ta nhận biết rằng chúng ta không ở ngoài lề mà ở ngay bên trong tình yêu Thượng Đế. Chúa Cứu Thế đứng ngay giữa trung tâm tình yêu Thượng Đế, và Ngài kéo chúng ta đến với Ngài để chúng ta cũng hưởng được tình yêu nồng nàn mà Đức Chúa Cha tuôn dào trên Ngài.

Còn gì vinh dự cho bằng được gọi là con cái Thượng Đế. Khi Cựu Ước nói đến các con trai của Thượng Đế, thường là nói về các thiên sứ. Nghĩ đến các tạo vật thượng đẳng, vĩnh cửu này, chúng

ta không ngạc nhiên khi thấy họ được gọi là con Thượng Đế. Điều ngạc nhiên là từ ngữ này cũng được đem áp dụng cho loài người là tạo vật thấp kém hơn nhiều. Chính vì vậy mà vị sứ đồ đã kêu lên: «Hãy xem Đức Chúa Cha đã tỏ cho chúng ta sự yêu thương dường nào, mà cho chúng ta được xưng là con cái Đức Chúa Trời»(I giăng 3: 1) Con Thượng Đế ! kẻ thừa hưởng vinh quang ! Hoàng tử của Đấng chí Tôn ! Kẻ dự phần trong hạnh phúc vô tận.

Những Kẻ Thù Nghịch (Giăng 3: 16; Rô 5: 8)

"Vì Đức Chúa Trời yêu thương thế gian" sự thật này làm cho Ni-cô-đem kinh ngạc, vì lâu nay ông vẫn nghĩ rằng Đức Chúa Trời chỉ lo cho người Do Thái. Thượng Đế chẳng những yêu thương người Do Thái mà cũng yêu cả Dân

Ngoại, không phải một phần thể gian, mà tất cả mọi người trong đó, bất kể tốt xấu thể nào.

Thượng Đế không vui vì cái chết của kẻ nghịch thù, nhưng «lấy lòng nhin nhục đối với anh em, không muốn cho một người nào chết mất, song muốn cho mọi người đều ăn năn»(II Phi 3: 9). Sứ mệnh của Chúa trên trái đất này là đến với tội nhân loạn nghịch-»Đang khi chúng ta còn là tội nhân, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết.»(Rom 5: 8)

Thượng Đế Yêu Thương Như Thế Nào?

Bởi Lòng Tốt Của Ngài (His Goodness) (Thi 25: 8; 33: 5; 34: 8; 65: 9; 68: 19; 119: 68; 145: 7; Ma 5: 45; Công 14: 17)

Nụ cười phúc hậu của Thượng Đế rải

lên khắp cõi Tạo Hóa. Bàn tay Thượng Đế nuôi dưỡng mọi loài. Ngài trải cỏ ngọt trên đồi cho bày sức vật ngon miệng, tuôn đổ dòng suối trên núi cho con nai có nước uống; đổ nhựa thơm trong lòng hoa sứ cho con chim họa mi đến giải khát, và mở tiệc bằng hoa đồng nở rộ cho bầy ong mật.

Thượng Đế tốt lành biết bao đối với con người, mọi nhu cầu cho sự sống đều được cung ứng dồi dào. Con người có tất cả không khí và nước mình cần; ánh sáng và sức nóng của mặt trời được cung cấp không cần tiền bạc giá cả. Chúng ta được tạo dựng trong những điều kiện thích hợp cho sự sống và cho hạnh phúc chúng ta.

Bởi Kỷ Luật Của Ngài (His Discipline) (Châm 3: 12; Hê 12: 6-11; Khải 3: 19)

Thượng Đế chăm sóc con cái Ngài bằng cách hướng dẫn, sửa sai họ. Trái đất không phải là nhà vĩnh viễn của chúng ta. Đây chỉ là nơi chuẩn bị chúng ta cho một cõi tương lai. Trẻ em cần có trường học, dù đôi khi rất khó chịu. Kỷ luật đau khổ là điều tốt cho con người, dù ngay lúc đó nó không có gì đáng vui mà chỉ đáng buồn. Có người nói, “phải chi Thượng Đế nói với tôi rằng Ngài thương tôi”. thì đây Ngài đưa đau đớn, buồn khổ đến cho bạn, là Ngài bảo bạn rằng Ngài yêu bạn. “Sung sướng thay cho kẻ được Đức Chúa Trời sửa phạt”

Đây là sự thật chắc chắn: trong tình yêu khôn ngoan trọn vẹn của Thượng Đế, Ngài khiến cho mỗi cuộc ngã nghiêng, mỗi gánh nặng, mỗi nỗi lo buồn, hay nỗi phập phồng bất an, đều vừa với trình độ chịu đựng của chúng ta. Đó không phải

chỉ là Thượng Đế toàn tri, vô hình, đứng ở xa điều khiển mọi sự để đem ích lợi cho mỗi tạo vật Ngài đã dựng nên, mà Ngài bày tỏ tình yêu vô hạn, trực tiếp với từng cá nhân một.

Bởi Sự Thương Xót Ngài (His Mercy) (Phục 4: 31; Thi 86: 5; 103: 8, 17, 18; 145: 8, 9; II Phi 3: 9)

Thương xót là nhân từ đối với kẻ khốn cùng - thương hại, từ bi, nhẫn nhục, dịu hiền. “người nào tin cậy nơi Đức Giêhôva, sự nhơn từ vây phủ người ấy”(Thi 32: 10). Hành động tin cậy của người tin đối với sự bảo vệ của Thượng Đế, cũng giống như con trẻ đối với cha mẹ. Khi chúng ta quăng mình vào lòng Thượng Đế, thì sự nhơn từ Ngài bao bọc chúng ta. Sự nhơn từ ấy vây quanh ta như bức tường lửa, không có sự dữ nào xuyên qua được. Ta cũng thấy được

sự thương xót của Thượng Đế không những trong việc chữa lành cho người bệnh qua sự cầu nguyện nếu đúng với ý chỉ của Ngài (Philip 2: 27) mà cả trong việc yên ủi những người thân đang khi họ đau buồn nữa (II Cô 1: 4)

Thượng Đế cũng nhân từ đối những kẻ bất tuân, bằng cách nhẫn nại chịu đựng. Nếu Ngài đem công bình đối xử với họ, chắc họ bị tiêu diệt ngay. “song vì lòng thương xót lớn lao của Chúa, Chúa không có tận diệt chúng, cũng không lìa bỏ chúng, vì Chúa vốn là Đức Chúa Trời hay thương xót và nhơn từ”(Nêhêmi 9: 31). “Aáy là nhờ sự nhơn từ Đức Giêhô-va mà chúng ta chưa tuyệt”(Ca 3: 22). Tội nhân đã bị kết án, nhưng Thượng Đế nhân từ còn trù trừ thi hành án phạt. Vì lòng nhân từ mà Thượng Đế giữ Sô-đôm lại cho đến khi Lót chạy thoát. Vì

Ngài nhân từ nên đã cho phép dân Canaan ở trên đất họ bốn trăm năm trước khi ban nó cho Àùp-ra-ham. Thượng Đế chậm thi hành án phạt, dù chính Ngài đã tuyên án đó.

Bởi Hồng Ân Ngài (His Grace) (Thi 84: 11; Công 11: 20-23; 13: 43; Rô 3: 24, 25; I Ti 1: 14)

Ân huệ là ơn bất cầu xứng. Đó là tình yêu ban bố cho kẻ không đáng được. Cựu Ước thường dùng chữ thương xót, nhưn từ, vì ái tâm của Thượng Đế dành ưu tiên cho dân Y-sơ-ra-ên. Nhưng Tân ước lại nhấn mạnh chữ ơn (hồng ân, ân điển, ân huệ, ân sủng), vì chữ đó được dùng để diễn tả ân huệ đối với dân Ngoại bất xứng. Thượng Đế thương xót dân Y-sơ-ra-ên vì giao ước Ngài đối với Àùp-ra-ham, nhưng Ngài tỏ ơn Ngài cho những kẻ không có quyền đòi gì

nơi Ngài. Khi những người Do Thái bắt thân xưng quyền làm con cháu Àp-ra-ham, Giăng Báp-tít bảo họ rằng Thượng Đế có thể làm ra con cháu Ấp-ra-ham từ những hòn đá. (Ma 3: 9). Ngay người Do Thái dưới giao ước cũ cũng không nhờ việc lành hay quyền lợi giao ước mà được xưng là công chính, mà phải nhờ hồng ân của Thượng Đế bày tỏ trong công cuộc chuộc tội của Con yêu dấu Ngài (Rô 3: 21-25). Thượng Đế thương xót dân Y-sơ-ra-ên và ban luật lệ cho họ, nhưng Chúa Cứu Thế Giê-xu đến đem hồng ân và chân lý cho con người (Giăng 1: 17)

Hồng Ân Thượng Đế (II Cô 8: 9; Ê-phê-sô 1: 7)

Chúa Giê-xu đem hồng ân đến bằng cách “dầu Ngài vốn giàu, song vì anh em mà tự mình trở nên nghèo, hầu cho

nhờ sự nghèo của Ngài mà anh em trở nên giàu”. Sự giàu có của Thượng Đế bày tỏ trong sự tha tội chúng ta và cứu chúng ta bởi huyết Con Ngài. Hồng ân là Thượng Đế tự lột bỏ vinh quang mình, đến với trái đất như một người khách bị xua đuổi, để bày tỏ tình yêu Ngài đối với những kẻ loạn nghịch (Philip 2: 5-8). Hồng ân là Thượng Đế mặc vào chiếc áo màu điều của Đấng Cứu Chuộc chịu hấp hối để chinh phục tình yêu của con người đầy uế tục, thù ghét. Hồng ân là Thượng Đế tự gạt bỏ vinh quang mình để Ngài có thể bày tỏ lòng gớm ghiếc tội lỗi con người bằng cách hứng chịu những trừng phạt của nó thay vì giáng trên tội nhân. Hồng ân là Thượng Đế theo đuổi kẻ không tin suốt cả cuộc đời, đưa cho họ xem đôi bàn tay và đôi chân thương tích để chứng minh cho họ thấy tình yêu Ngài, và kêu nài họ đáp ứng. Hồng ân

là Đấng Chấn chiên Nhân lành đi vào rừng hoang tìm kiếm con chiên lạc loài, trước khi nó cảm thấy nguy cơ hay mong muốn trở về.

Sự Phong Phú Của Hồng Ân Thượng Đế (Ê-phê-sô 2: 4-7)

Sự phong phú của hồng ân Thượng Đế không phải chỉ gồm có sự giáng hạ và cứu chuộc của Chúa Cứu Thế Giê-xu, mà còn có cả sự sống lại, cất lên, và vinh quang của những người tin khiêm nhường. Hồng ân thật lạ lùng, diệu kỳ, sẽ là đề tài cho những lời tán tụng, tra hỏi của bao nhiêu thời đại sau này. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được phần nào sự vĩ đại của Thượng Đế - quyền năng, vinh hiển và những sở hữu của Ngài, chúng ta mới biết được chút ít về sự giàu có của hồng ân Ngài khi Ngài cho những tạo vật bất xứng, không ra chi, lại còn loạn

ngịch nữa, được đặc ân chia sẻ vinh quang của Ngài (Tít 3: 3-7). Những bài ca trên trời, những bản thánh ca đời đời, sẽ là những bài ca của những kẻ được chuộc vui hưởng hồng ân của Thượng Đế (Khải 5: 9, 10)



CHƯƠNG 5

CÔNG TRÌNH CỦA THƯỢNG ĐẾ

(The Works of God)

Thi thiên 19 tuyên bố rằng Thượng Đế là tác giả của hai quyển sách: Quyển sách thiên nhiên và quyển sách mặc khải tức là lời Thượng Đế. Quyển sách thiên nhiên là một pho sách đồ sộ gồm nhiều chương như thiên văn học, địa chất học, thực vật học. Muốn hiểu nội dung của bất cứ chương nào trong

đó cũng phải bỏ ra nhiều năm nghiên cứu. Tuy nhiên, ở đây chúng ta chỉ chú trọng học hỏi về công trình sáng tạo của Thượng Đế dưới ánh sáng của Kinh Thánh. chúng ta sẽ xét tới tám đặc điểm của công cuộc sáng tạo. Những điều đó chẳng những làm chứng cho tài khéo léo của Đấng Hóa Công mà còn tiêu biểu cho những đặc tính thiên thượng của Ngài.

CÔNG TRÌNH SÁNG TẠO CỦA THƯỢNG ĐẾ

(God's Work of Creation)

“Công trình sáng tạo của Thượng Đế là làm ra mọi sự từ chỗ không không bởi lời quyền năng của Ngài trong khoảng thời gian sáu ngày và mọi sự đều tốt lành”.

Phương Pháp Sáng Tạo -- Quyền Năng Của Thượng Đế (Thi 33: 6-9; 115: 3; Giê 10: 12, 13)

Chín câu trong chương nói về công cuộc sáng tạo mở đầu bằng câu “Đức Chúa Trời phán”(Sáng 1). Chính quyền năng vô hạn của Thượng Đế khiến cho lời Ngài được thực hiện tức khắc. “Ngài phán thì việc liền có” (Thi 33: 9). Không phải đợi qua triệu triệu năm tiến hóa buồn tẻ. Quyền năng Thượng Đế tạo nên kết quả tức thì và trọn vẹn.

Cái sai lầm của thuyết tiến hóa là người ta suy diễn kết luận ra từ những sự kiện. Thật ra, những tương đồng giữa con người và những chủng loại khác chỉ minh chứng là chúng có cùng một Đấng sáng tạo, chứ không phải cùng một thủy tổ; cùng tác giả chứ không phải cùng xuất xứ. Những tác phẩm nghệ thuật của cùng

một họa sĩ thường dễ nhận ra vì những điểm tương đồng của chúng. Nhưng cái kỳ diệu của cội Tào Hóa là chỗ phức biệt (deversity) chứ không phải ở chỗ giống nhau (resemblance). Các phát minh của con người cần phải đem cầu chứng để ngừa ăn cắp kiểu, con người có khuynh hướng sao chép của người khác, nhưng Trí tuệ Vĩ Đại không bao giờ thiếu kiểu mẫu, mô thức.

Sự Thiết Kế Trong Sáng Tạo - Sự Khôn Ngoan Của Thượng Đế (Gióp 26: 7; 36: 26- 29; 38: 36 - 41; Thi 40: 5; 95:5; 104: 24; Châm 3: 19)

Sách Gióp nói về sự kỳ diệu của trọng lực và sự thăng bằng của các đám mây. Sự sống có tồn tại trên địa cầu được hay không là nhờ bầu khí quyển và nhờ khoảng cách vừa phải của nó đối với mặt trời. Làm thế nào để duy trì được hai cái

đó? Nhờ trọng lực, giống như một dây cáp vô hình đường kính 5, 000 dặm và dài 93 triệu dặm. Con người không thể kiếm đâu ra nguyên liệu mà làm nổi sợi dây cỡ đó, mà dầu có làm được cũng không thể có cách gì mà cột nó vào mặt trời. Trí tuệ thiên thượng đã vẽ ra một hệ thống kỳ diệu để tưới đất. Ba phần tư mặt đất là nước. Nhưng làm sao giải phóng nó ra khỏi chất muối biển để đem đến những vùng đất khô cằn trên trái đất? Người chưa hề thấy mây và mưa có thể nghĩ ra được cách nào để giải quyết không? Trí óc con người hẳn chẳng bao giờ nghĩ ra nổi kế hoạch hữu hiệu mà vị Đại Kỹ Sư đã thiết kế. Rồi làm sao có thể giữ hàng tỉ tỉ tấn nước đã thanh lọc và đưa lên cao để nói khỏi đổ ụp xuống làm hại trái đất? Nếu không bởi sự khôn ngoan của Thượng Đế đã đặt hệ thống kiểm hãm các đám mây, các trận mưa,

chúng có thể gây biết bao nhiêu tai họa cho con người.

Sự Toàn Hảo Của Tạo Vật Nguyên Thủy (The Perfection of Original Creation) - Tính Thánh Khiết Của Thượng Đế (Sáng 1: 31; Phục truyền 32: 4; Ê-sai 45: 18; Giê 4: 23- 26)

Một Thượng Đế toàn hảo sao lại không tạo ra một vũ trụ toàn hảo? Tự Ngài là toàn hảo nên Ngài không thể tạo ra một cái gì bất toàn. Thật vậy, Kinh Thánh nói rằng “Đức Chúa Trời thấy các việc Ngài làm thật rất tốt lành”. Không có chỗ nào trong Kinh Thánh cho thấy có điều gì đến từ bàn tay Thượng Đế là bất toàn. Trái lại, chỗ nào cũng dùng những chữ “tốt lành” và “rất tốt lành” để chỉ sự toàn hảo của công việc Ngài.

Thượng Đế cho Gióp hiểu rằng khi

Ngài tạo dựng trái đất, nó rất hoàn hảo đến nỗi “các sao mai đồng hát hòa nhau, các con trai Đức Chúa Trời cất tiếng reo mừng”(Gióp 38; 4-7). Bạn có cho rằng những vị thiên sứ thông minh đó reo mừng trước đồng hỗn mang mà tiến hóa thuyết cho là hình thái ban đầu của trái đất chăng? Không, đó là một thế giới đẹp đẽ, một cõi tạo vật toàn hảo khiến cho Đấng Tạo Hóa đã cất tiếng khen vào buổi hừng đông của cuộc Tạo Hóa.

Sự Mênh Mông Của Tạo Vật - Tính Bao La Của Thượng Đế (Immensity of God) (Gióp 22: 12; Thi 8: 3, 4; 92: 5; 145: 3; Khải 15: 3)

Ê-li-pha bạn của Gióp đã nói cách đây hàng mấy ngàn năm rằng các ngôi sao ở cách xa không thể tưởng tượng được. Mặt trời và các hành tinh thuộc thái dương hệ chỉ là một phần rất nhỏ

trong hàng triệu triệu hệ thống như vậy làm thành vũ trụ. Giải Ngân hà ta thấy chỉ là một trong rất nhiều thiên hà trên khắp vũ trụ, mỗi thiên hà có hàng tỉ ngôi sao. Dẫu con người đã tiến được những bước khổng lồ vào không gian, họ vẫn công nhận rằng vũ trụ không thể đo lường được và hầu như không thể hiểu được. Không lạ gì một nhà thiên văn nổi tiếng đã tuyên bố. «Ta phải hàm ơn thiên văn học vì nó chỉ cho ta thấy cõi tạo mênh mông dường nào, và trái đất mà ta đang ở đây chỉ là một phần nhỏ bé trong công tác của Đấng Tạo Hóa». Chính Thượng Đế mô tả cái mênh mông của vũ trụ mới chân xác hơn cả, vì Ngài là Đấng «lấy gang tay mà đo các tầng trời, lấy đấu mà đong bụi đất, dùng cân mà cân núi, dùng thăng bằng mà cân gò.. ..» (Ê-sai 40: 12)

Sự Vận Xoay Điều Hòa Của Tạo Vật

(Regularity of Creation). Tính Chất Bất Biến Của Thượng Đế (Unchangeableness of God) (Sáng 8: 22; Gióp 38: 37; Thi 74: 16, 17; Truyền 1: 5-7)

Bạn thấy có đêm nào mà không tiếp theo ngày, hay mùa nào không đến trong năm nào? Có nhiều nơi trên đất khi đến mùa mưa, những cơn mưa trở lại đều đặn đến nỗi người ta bảo rằng họ có thể “lấy giờ cho đồng hồ mỗi lần có mưa giông”. Những người cho rằng khí hậu đã thay đổi vĩnh viễn trong đời họ là họ đã lầm. Nghiên cứu các thống kê, chúng ta biết rằng các thời kỳ ẩm ướt và khô hạn, lạnh lẽo và nóng bức đến theo chu kỳ. Các hành tinh và vệ tinh xoay vần điều hòa đến nỗi người ta có thể tính nhật, nguyệt thực đúng tới từng phút trong cả hàng ngàn năm, mặt trời có đóm theo chu kỳ, các ngôi sao di chuyển trong quỹ đạo đã

vẽ với một tốc độ không suy suyển. Hệ thống quy củ và điều hòa đó nói lên tính bất biến của Thượng Đế.

Sự Đa Dạng Của Tạo Vật (Variety in Creation) Tính Vô Cùng Của Thượng Đế (Exhaustlessness of God) (Gióp 38: 22; Ê-sai 40: 26, 28; I Cô 15: 41)

Không có hai hành tinh nào giống nhau và “vinh quang của ngôi sao này khác với vinh quang của ngôi sao khác”. Người ta phỏng tính rằng chỉ riêng thiên hà của chúng ta cũng có đủ ngôi sao để chia cho mỗi người trong cả tỉ người trên trái đất hàng trăm ngôi sao để cai trị. Vậy mà những mặt trời khổng lồ đó đều khác nhau về kích thước, khoảng cách, phương hướng, tốc độ và tính chất, đến nỗi Thượng Đế “đặt tên hết thủy, vì sức mạnh Ngài lớn lắm”. Có bao giờ chúng ta đếm được lá trên cây không? Hoặc

phông tính nổi số lá trên rừng không? Vậy mà chẳng có hai lá nào hoàn toàn giống nhau, dầu chúng có nhiều điểm tương đồng để có sắp theo loại. Các nhà thảo mộc học đã tìm ra được hàng trăm ngàn chủng loại cây khác nhau. Chúng ta ngạc nhiên trước vô số hình thể, cỡ và màu sắc khác nhau của các loại cỏ cây, lại càng sửng sốt khi biết rằng ngay cả mỗi cây trong cùng một loại cũng khác biệt nhau. Có chừng năm ngàn loại cỏ, nhưng không có hai bẹ lá nào trong cùng một loại giống nhau. Có ai đếm nổi hoa tuyết? Tuy nhiên ta có thể lấy vài hoa tuyết quan sát để thấy cái kỳ diệu của thiên nhiên. Hoa tuyết nào cũng có sáu cạnh, nhưng chúng phối hợp đủ kiểu và chẳng có kiểu nào giống kiểu nào.

Sự Hữu Ích Của Tạo Vật (Usefulness) - Tính Nhân Lành (Goodness) Của

Thượng Đế (Phục truyền 8: 7-9; Gióp 37: 17; Ma 5: 45; Công 14: 17)

Mỗi một cộng cây đâm lên từ mặt đất là cả một xưởng chế tạo phong phú, mỗi một cộng lá đều có một mục đích đặc biệt. Có bao giờ chúng ta biết rằng Thượng Đế cung cấp quá sức dồi dào những nhu cầu cho sự sống của mọi tạo vật không? Con người không thể nào sống nổi một giờ nếu không có không khí và nước, và khó có thể tồn tại nếu không có hơi nóng và ánh sáng mặt trời. Vậy mà những thứ đó được cung cấp dư dật không phải trả một đồng xu nào. Ngay cả khi kinh tế bị đình trệ khủng hoảng, con người cũng không hề thiếu những thứ thiết yếu cho sự sống. Sự khó khăn con người hay gặp phải là thiếu tiền, mà Kinh Thánh thì bảo rằng sự tham tiền là “cội rễ mọi điều ác”(I Ti 6: 10). Thượng

Để ban cho loài người tài nguyên dư dật trong đất đai, mưa móc, ánh nắng. Phần nhiều người không biết món nợ ơn nghĩa mà thiên nhiên đãi mình là lớn chừng nào. Có người tính ra rằng, một người trung bình, sau khi trừ đi phần đóng góp của thiên nhiên và xã hội trong việc tạo ra những tiện ích cho mình, còn lại phần của chính bản thân người ấy đóng góp vào đó chưa đến hai rưỡi phần trăm

Mọi Tạo Vật Đều Có Mục Đích - Vinh Hiển Của Thượng Đế (Thi 19: 1; 145: 10; Châm 16: 4; Ê-sai 44: 24; Rô 11: 36; Cô-lô-se 1: 16; Khải 4: 11)

“Mu ôn vật đều do Ngài và vì Ngài mà được dựng nên”. Những gì chúng ta có đều đến từ Thượng Đế, vì vậy chúng ta nên dùng chúng cho Ngài. mọi vật chúng ta sử dụng, nên sử dụng với lòng biết ơn Đấng ban chúng cho ta rất rộng

rãi, dùng chúng để phục vụ cho ta thì phải dùng cách chừng mực, khôn khéo, nhìn chúng trong tương quan với Đấng Tạo Hóa của chúng, xem chúng là công trình của Ngài.

Quả thật, cứu cánh tối hậu của con người cũng như mọi tạo vật là tôn vinh Thượng Đế và yêu thích Ngài mãi mãi. Chúng ta không thể yêu thích Thượng Đế nếu chúng ta không nhìn nhận quyền chủ tể và sở hữu của Ngài trên mọi vật. Ngài đã tạo dựng nên chúng để tôn vinh Ngài cũng như để cho chúng ta vui hưởng.

CÔNG VIỆC QUAN PHÒNG CỦA THƯỢNG ĐẾ (THẦN HỢU)

(God's Work of Providence)

Những cái nhỏ nhặt quyết định đời sống và cấu thành vận mạng các dân tộc không phải là những chuyện tình cờ. Chúng chứng tỏ rằng Thượng Đế đang điều động mọi sự việc trên trần thế. Dầu Thượng Đế rất vĩ đại không thể dò tìm được, và cội tạo vật của Ngài thật mênh mông không thể nào hiểu hết được, Ngài vẫn để ý đến mọi tạo vật của Ngài và mọi hành động của chúng. Sự cung ứng, bảo vệ và hướng dẫn của Thượng Đế đối với tạo vật của Ngài được gọi là công việc quan phòng hay thiên hựu. Công việc đó minh chứng sự hiện hữu của Ngài, dạy dỗ về phẩm tính của Ngài, biểu hiện bản thể của Ngài còn hùng hồn hơn cả công cuộc sáng tạo. Những kẻ không thấy Thượng Đế trong cội Tạo Hóa, không thể không nhận biết Ngài khi nhìn vào công việc quan phòng của Ngài.

Sự Cung Ủng Thần Hựu (Provi-dential Provision) (Phục truyền 8: 3, 4, 15, 16; Gióp 38: 41; Thi 65: 9-13; 104: 10-16, 21, 27, 28; Mác 6: 26; Công 14: 17)

Thi thiên 104 là một bài ca ngợi cung ứng lạ lùng của Thượng Đế cho các tạo vật của Ngài. Nước là một nhu cầu rất lớn cho các loài vật. Con ngựa có thể chỉ uống nước vẫn sống được hai mươi lăm ngày, nhưng nếu chỉ có đồ ăn mà không có nước, nó chỉ sống được năm ngày. Tuy nhiên, Đấng Tạo Hóa đã rải rác các suối, khe, rạch, nước trên các đồi, nơi có những đồng cỏ tốt cho thú vật. “Nhờ các suối ấy, hết thảy loài thú đồng được uống; các lửa rừng giải khát tại đó. Chim trời đều ở bên các suối ấy”. Đôi khi những giòng nước đó khô cạn đi, thì “từ phòng cao mình Ngài tưới các núi” và những cơn mưa tưới mát “làm cho cỏ

đâm lên cho súc vật, cây cối để dùng cho loài người: Ngài khiến thực phẩm ra từ đất”. Không phải chỉ có gia súc mà cả “sử tử tư cũng gặm thét về miếng mồi, và cầu xin Đức Chúa Trời ban đồ ăn cho chúng nó”. Cả vô số vật trong biển cũng trông đợi Thượng Đế, để Ngài ban thức ăn cho chúng theo mùa.

Nhiều loài vật không hề dữ trữ cho tương lai. Con quạ chẳng gieo chẳng gặt, cũng chẳng có kho vựa gì cả, vậy mà “Đức Chúa Trời nuôi chúng”. Kinh nghiệm cho chúng biết rằng Thượng Đế cung ứng cho chúng đầy đủ và đều đặn. Nếu Thượng Đế lo cho chim chóc, thì Ngài còn chăm sóc chúng ta càng hơn biết bao? Giá trị con chim sẻ mà Chúa nói trong Ma-thi-ơ 10: 29 rất nhỏ nhoi không đáng đem đánh giá. Hai con chỉ bán được một đồng tiền, còn kém hơn

đồng xu bây giờ. Loại chim này không biết hót, không có lông đẹp, chẳng ai thích, có khi còn bị coi như quấy phá, chỉ dùng làm thức ăn cho các loài vật khác. Vậy mà Thượng Đế chăm sóc chúng.

Chim tước bảo chim sẻ, “Tôi không hiểu tại sao những con người bốn chồn này ưa chạy đôn chạy đáp và lo âu đến thế”?

Chim sẻ bảo chim tước, “Bạn ơi, tôi nghĩ chắc là tại họ không có Cha trên trời chăm sóc cho họ giống như anh và tôi”

Ta có thể thấy rõ ơn cung ứng của Thượng Đế cho loài người qua khả năng tái sản xuất của cây cỏ. Các loại ngũ cốc thường nhân gấp sáu chục đến một trăm lần. Một cây hoa hướng dương có thể cho bốn ngàn hạt trong một mùa. Nếu đem gieo ba hạt bắp, rồi lấy tất cả những

hột thâu được đem gieo lại để lấy hột, cứ thế tiếp tục trong năm năm, ta sẽ có đủ hột để gieo trên khắp mặt đất. Trong mệnh lệnh sáng tạo, “đất hãy sinh cây cỏ, cỏ kết hột.. . tùy theo loại”, Thượng Đế đã trù liệu thật dư dật, không phải chỉ để cây cối sinh sôi tồn tại mãi mãi, mà còn để đáp ứng nhu cầu của mọi tạo vật khác nữa. Trời không tạo ra nghèo thiếu. Chính con người mới là nguyên nhân.

Thượng Đế không những cung ứng tổng quát cho cả loài người mà Ngài cũng đặc biệt lo cho những nhu cầu của con cái Ngài. Khi tuyển dân ở trong vùng đồng không mông quạnh của bán đảo Si-nai, Thượng Đế đã sắp đặt nhiều phương cách để nuôi sống hai triệu mạng người nam nữ lớn bé. Bánh ma-na cung cấp mỗi ngày trong bốn mươi năm thỏa mãn được mọi đòi hỏi của tình thế. Vừa

ngọt dịu, vừa bổ dưỡng, lại có đủ cho tất cả mọi người. Phép lạ về đồ ăn và cả về quần áo nữa (Phục truyền 8: 3, 4) là bằng chứng không thể chối cãi về những thuộc tính mà Kinh Thánh đã cho ta biết về Thượng Đế: sự yêu thương, quyền năng cũng như sự thành tín và quan tâm sâu xa đối với con cái Ngài. Sự lầm bầm bất mãn của dân Y-sơ-ra-ên dạy cho ta những bài học quý báu. Những người đã từng “ăn đồ ăn của thiên sứ”(Thi 78: 25) mà còn bất mãn, thì với bản chất phản loạn như vậy, dù được ở thiên đàng họ cũng không thể thấy sung sướng.

Sự Bảo Vệ Thần Hựu (Providential Protection)

Thi thiên 91 là một bài ca về sự bảo vệ kỳ diệu của Thượng Đế đối với con cái Ngài, là những người ở nơi kín đáo của Đấng Chí Cao”. Vì Ngài yêu thương

người nên “sai thiên sứ Ngài bảo gìn giữ người trong các đường lối người”. Chúa Giê-xu có nói đến các thiên sứ hộ mạng trẻ em (Ma 18: 10), còn những người lớn hơn thì được các vị ấy vây quanh bảo vệ (Hê 1: 14). Họ được bảo vệ khỏi bị hãm hại và bệnh tật.

Khỏi Bị Hãm Hại (Thi 34: 7; 41: 2; 91: 5; 125: 2; IIVua 6: 14-17; IISử 16: 9; Xa 2: 5; Lu 21: 18)

Chắc bạn nhớ chuyện Thượng Đế bảo vệ Ê-li-sê khi đạo quân Sy-ri đến vây bắt vị tiên tri. Vị tiên tri đã báo cho vua Y-sơ-ra-ên biết kế hoạch chiến tranh của Sy-ri từ nhiều tháng trước. Bây giờ đạo quân Sy-ri với ngựa, xe và bộ binh kéo đến vây thành phố nơi vị tiên tri cư ngụ. Sáng hôm sau người đầy tớ của vị tiên tri rất hãi hùng khi chứng kiến một đạo quân khổng lồ đến vây bắt một mạng

người. Anh ta kinh sợ kêu lên: “Thầy ơi, chúng ta làm sao bây giờ” Nhưng tiên tri Ê-li-sê bảo “Đừng sợ, vì người ở phía chúng ta đông hơn người phe chúng nó”.

Chuyện không thể có? Đúng, đối với người không biết gì về sự quan phòng của Thượng Đế. Đây tớ của Ê-li-sê là một trong những người đó, vì vậy tiên tri cầu nguyện để anh ta được mở mắt để thấy đạo binh trời bao phủ đồi núi, bảo vệ ông khỏi quân đội Sy-ri. Đó là cách Thượng Đế bảo vệ con cái Ngài.

Khởi Bệnh Tật (Phục truyền 7: 15; Xuất 15: 26; Thi 91: 6, 10)

“Đời sống bạn là gì?” người xưa đã cho ta một câu trả lời rất hay, “chẳng qua như làn hơi nước hiện ra trong chốc lát rồi lại tan ngay”. (Gia-cơ 4: 14). Hơi thở của bạn là hình ảnh của một vật rất mong

manh mà chúng ta gọi là sự sống.

Hoàng đế La-mã Justinian ngã ra chết khi bước vào căn phòng mới sơn; giáo hoàng Adrian bị chết ngạt vì nghẹn hột nho, có người bị một luồng hơi thổi làm cho chết. Xung quanh ta có vô số vi trùng gây bệnh chết người. Nhờ có sự quan phòng của Thượng Đế chúng ta mới không bị lây các chứng bệnh mà chúng ta tiếp xúc. Thượng Đế chăm sóc chúng ta còn hơn cả chúng ta tự chăm sóc mình, hơn cả bạn bè thân thiết nhất và bác sĩ giỏi nhất của chúng ta. Ngài lo cho chúng ta từng chi tiết nhỏ nhất, ngay cả “tóc trên đầu” chúng ta cũng đã “đếm cả rồi”(Ma 10: 30)

Khởi Điều Ác (Thi 91: 10; 121: 3-8; I Cô 10: 13)

Thi thiên 121 là Thi thiên của người

đi đường. Nhiều gia đình đọc Thi thiên này khi trong nhà có người đi xa. Đây không hẳn là lời cầu nguyện mà là suy tưởng về sự quan phòng của Thượng Đế. “Đấng gìn giữ người không hề buồn ngủ”. Ngài chẳng những giữ con cái Ngài khỏi bị hại mà còn khỏi điều ác nữa. “Đức Giêhôva sẽ gìn giữ người khỏi mọi tai họa (điều ác), Ngài sẽ gìn giữ linh hồn người”.

Có bao giờ chúng ta để ý biết bao lần ơn quan phòng của Thượng Đế bảo vệ chúng ta trong những cơn cám dỗ thử thách? Ơn thiên hựu không để cho sự cám dỗ đến lúc chúng ta dễ bị nhận chìm. Lúc sự cám dỗ đến, Thượng Đế lại quan phòng ban cho chúng ta sức mạnh siêu nhiên để thắng hơn. Mỗi cơn thử thách cám dỗ đều có con đường thoát để chúng ta đủ sức chịu nổi. Nhiều người

giữ được phẩm tính nhờ ơn quan phòng của Thượng Đế. Đó là một mặt nữa của hồng ân Thượng Đế. Ngài không dẫn chúng ta vào sự cám dỗ, nhưng giải thoát chúng ta khỏi điều ác.

Sự Hưởng Dẫn Thần Hựu (Provi-dential Guidance) (Sáng 45: 7; Êxơtê 4: 14; Thi 37: 5, 23 - 25; Đa 2: 21)

Thi thiên 37 được gọi là “thi thiên Đừng bức dọc” Không những vì nó mở đầu bằng chữ “đừng bức dọc”, mà còn vì toàn thiên đó nói về sự hướng dẫn thần hựu trên đời sống của những người tin cậy Ngài. nó khuyên dạy người lành nên phó thác đường lối mình cho Chúa, tin cậy Ngài, thì Ngài sẽ cho được hanh thông. Thượng Đế có một chương trình cho mỗi con cái Ngài, và khi họ đầu phục Ngài, Ngài sẽ hướng dẫn họ.

Giô-sép hoàn toàn đầu phục chương trình của Thượng Đế trên đời sống, mặc dù ông không biết Thượng Đế định làm gì với mình. Thượng Đế định đặt Giô-sép làm thủ tướng Ai-cập. Ngài thực hiện điều đó như thế nào? Trước tiên là các anh của ông ghét ông. Rồi họ đem ông bỏ xuống hố. Tại sao ông không bị giết? Tại sao Ru-bên chần chờ không cứu ông? Tại vì Thượng Đế đã hoạch định cho người Ích-ma-ên đến đúng lúc để mua ông. Tại sao người Ích-ma-ên đi Ai-cập? Tại sao họ bán Giô-sép cho Phô-ti-pha? Tại sao Giô-sép bị vu oan và giam vào ngục? Tại sao cả hai viên quan dâng rượu và dâng bánh đều bị giam? tại sao cả hai đều nằm mộng? Tại sao cả hai đều nhờ Giô-sép đoán mộng? Tại sao quan tể tướng khi được thả lại quên bằng Giô-sép? Tại sao Pharaôn nằm mộng? Tất cả những sự việc đó là những mắt xích thần hựu liên

kết nhau. Nếu Giô-sép không bị quăng xuống hố, ông đã không thể làm đầy tớ cho Phô-ti-pha, nếu ông không bị ném vào ngục, ông đã không thể bàn mộng cho quan tửu chánh, và nếu vua Pha-ra-ôn không nằm mộng thì ông chẳng bao giờ được nhắc đến. Như có người đã nói, “Thượng Đế đưa Giô-sép vào tù để cho Pha-ra-ôn có thể tìm thấy ông khi vua cần đến ông. Giô-sép đã nhận biết sự hướng dẫn thần hựu đó khi ông nói với các anh, “các anh đừng tiếc chi về điều các anh đã bán tôi dạng bị dẫn đến xứ này, vì để giữ gìn mạng sống các anh nên Đức Chúa Trời đã sai tôi đến đây trước các anh.

CHƯƠNG 6

TIỀN THÂN VÀ SỰ NHẬP THỂ CỦA CHÚA CỨU THỂ GIÊ-XU

(The Preexistence and
Incarnation of Christ)

Ngày nay ta không còn phải đặt ra câu hỏi, “Chúa Cứu Thể có sống thật hay không? Ta đã có quá nhiều bằng chứng lịch sử về Chúa, nên việc Ngài có sống thật hay không không cần phải đặt nghi vấn nữa. Chìa khóa của Cơ-đốc giáo là Chúa Giê-xu. Không hề

có ai giữ địa vị trong bất kỳ tôn giáo nào giống như địa vị Chúa Giê-xu giữ trong Cơ-đốc giáo. Ngài vừa là Đấng sáng lập vừa là đối tượng (subject) của Cơ-đốc giáo. Chúa Cứu Thế Giê-xu là nhân vật vĩ đại của mọi thế kỷ. Mọi hệ thống thần học và triết học đều không thể thiếu Ngài. người ta có thể chống đối Ngài, bác bỏ lời Ngài, nhưng không thể nào không biết đến Ngài.

ĐẤNG CỨU THẾ TIỀN HỮU (The Preexistence of Christ)

Câu hỏi đeo đẳng mọi người, nam cũng như nữ, già cũng như trẻ, về “danh trên hết mọi danh” này là “các người nghĩ thế nào về Đấng Cứu Thế, Ngài là con ai?” Đối với một người thường, cha mẹ người đó không quan trọng lắm. Cá

nhân người đó lên hay xuống là tùy khả năng tài trí của riêng họ. Dầu ta có biết được cha ông của Shakespeare, hay của Lincoln, ta cũng không đánh giá họ khác hơn. Nhưng với Chúa Giê-xu thì khác, mối liên hệ của Ngài với trần gian ràng buộc với nguồn gốc Ngài. Ngài không nhìn nhận Giô-sép, người thợ mộc ở Naxarét, là cha Ngài. Cuộc đời vô tội và ảnh hưởng sâu rộng của cái chết Ngài đều bắt nguồn từ trong tiền thân vô thủy vô chung của Ngài.

Bằng Chứng Về Sự Tiên Hữu Của Chúa Cứu Thế

Lời Chứng Cá Nhân

Trong Tân ước có nhiều nhân chứng rằng Chúa Cứu Thế đã có từ trước.

Chính Chúa (Giăng 6: 32 - 38, 41 - 50)

Trong một lần giảng dạy kéo dài suốt ngày, Chúa đã hóa thành cho hàng ngàn người đói được ăn no nê. Ngài đã nhân phép lạ này mà nói cho chúng ta biết Ngài là Bánh sống từ trời xuống. Khi người Do Thái bác bỏ lời tuyên bố đó, bảo rằng họ biết cha mẹ Ngài, Ngài đã không tranh cãi với họ mà chỉ nhắc lại rằng Ngài là Bánh hằng sống từ trời, không phải như ma-na xưa chỉ cho họ no trong một lúc thôi.

Sứ đồ Phi-e-rơ (I Phi 1: 19, 20)

Phi-e-rơ là một môn đệ nổi bật của Chúa, chẳng những vì ông viết hai thư tín, góp phần thực hiện sách Tin Lành Mác, mà tên ông còn được nhắc nhiều nhất trong Tân ước. Ông tin rằng Chúa Cứu Thế đã hiện hữu từ trước, và tuyên bố rằng Ngài “đã được định sẵn trước

buổi sáng tạo thế giới, và đã hiện ra trong cuối các thời kỳ”.

Giăng Báp-tít (Giăng 1: 27-30)

Giăng Báp-tít là một nhà truyền đạo nổi danh, là một người được nhắc nhở bàn tán nhất thời ông, vì có rất nhiều người “từ Giê-ru-sa-lem, khắp vùng Giu-đê và các vùng quanh sông Giôđanh” kéo đến nghe ông giảng. Vậy mà ông luôn luôn nói tới một người đến sau ông nhưng lớn hơn ông vô cùng. Ông tuyên bố, “Có một người đến sau ta, nhưng trỗi hơn ta, vì người có trước ta”. Nói cách khác, ông dùng sự tiền hữu của Chúa để luận rằng Ngài cao hơn ông.

Sứ Đồ Giăng (Giăng 1: 1, 2, 18; I Giăng 1: 1, 2)

Trong sách ký thuật về thánh vụ của

Chúa, thánh Giăng đã không mở đầu bằng bản gia phả kể từ đời Adam hay Àup-ra-ham, nhưng ông đã vạch thẳng tới nguyên thủy của mọi khởi đầu. Sách Sáng thế mở đầu bằng câu, “Ban đầu Đức Chúa Trời” còn sách Phúc âm thứ tư thì mở đầu bằng câu “Ban đầu có Ngôi Lời”. Như vậy, Thượng Đế và Ngôi Lời đã cùng hiện hữu từ thuở ban đầu. Sứ đồ Giăng cũng đã nhắc lại điều đó trong thư tín của ông. Đối với ông, được thực sự nhìn, nghe và đụng vào Đấng vĩnh cửu là một đặc ân phi thường.

Sứ Đồ Phao-lô (I Cô 8: 6; II Ti 1: 9)

Chính là nhờ thị kiến Đấng Cứu Thế sống lại mà vị học giả Do Thái lỗi lạc này đã quy cải và được biến đổi từ một Sau-lơ tàn bạo bức hại đạo Chúa thành một Phao-lô nhà truyền giáo anh hùng. Phao-lô cũng nhận thức rõ rằng Đấng

Cứu Thế đã có từ trước, vì ông tuyên bố rằng “Ngài có trước mọi sự, và muôn vật nhờ Ngài mà tồn tại”(Cô-lô-se 1: 17)

Những Nhân Chứng Tiên Tri

Chẳng những Tân ước mà Cựu Ước cũng làm chứng rằng Đấng Cứu thế đã có từ trước.

Đa-vít (Thi 40: 6-8; Hê 10: 5-10)

Đa-vít đã được phép vạch bức màn thời gian nhìn thấy Chúa bị đóng đinh từ trước một ngàn năm (Thi 22). Nhưng ông cũng được phép nhìn ngược lại cả cõi đời đời. Ông thấy khung cảnh uy nghiêm của Thượng Đế Ba Ngôi bàn bạc về công cuộc cứu rỗi nhân loại bị tội lỗi rửa sả. Chẳng một của lễ thiêu hay sinh tế nào đủ sức mang cứu rỗi đến cho họ. Chỉ có một hữu thể vô tội mới được chấp nhận

chuộc tội cho những tạo vật bị hoen ố vì tội lỗi. Vậy thì ai có thể làm được? Đấng Thánh của Thượng Đế, vậy thì ai chịu đi? Chúng ta hãy nghe Thượng Đế Chúa Con nói: “Hỡi Đức Chúa Trời, này, tôi đến để làm theo ý Ngài”

Mi-chê (Mi 5: 2)

Các vị tiên tri chẳng những được cho biết chi tiết về những biến cố xảy ra cho Chúa trên thế gian, nhưng hình như họ cũng nhận biết sự tiền hữu của Ngài. Nhà tiên tri Mi-chê khi thông báo rằng đấng Thiên sai (Mêssiah) của Y-sơ-ra-ên sẽ ra đời tại Bết-lê-hem, ông cũng nói thêm rằng “gốc tích của Ngài vốn từ ngàn xưa, từ trước vô cùng”

Đấng Cứu Thế Vĩnh Cửu (Eternity of the Preexistent Christ)

Chẳng những có chứng cứ đáng tin về sự tiền hữu của Đấng Cứu Thế, mà cũng có bằng chứng về sự vĩnh cửu của Ngài.

Đấng Hằng Hữu (The Ever - Present)
(Gi 8: 56- 58)

Khi Môi-se xin Thượng Đế ban cho một lời để nói lại với dân Y-sơ-ra-ên và cho họ thấy chính Ngài đã sai ông, thì Ngài bảo ông hãy nói với họ là “ta là (Đấng Tự hữu) đã sai đến với các ngươi” (Xuất 3: 13, 14). Nói cách khác, mà mãi mãi ở trong hiện tại. Khi người Do Thái lý luận rằng Chúa chưa đầy năm mươi tuổi nên không thể nào thấy Áp-ra-ham được, thì Ngài đã trả lời một câu đáng nhớ đời, “trước khi có Àp-ra-ham, đã có ta (ta là)”. Khi tác giả Hêbêr quả quyết Chúa là thầy tế lễ thuộc bang Mênchixêđéc, là có ý nói Ngài “không có ngày đầu cũng

không có điểm cuối” (Hê 7: 3)

Đấng An-pha Và Ô-mê-ga (Hê 13: 8; Khải 1: 8; 22: 13)

Câu nói ngắn ngủi: “Đấng Cứu Thế (Christ) Giê-xu hôm qua, ngày nay và cho đến đời đời vẫn y nguyên” mô tả sự tiền hữu và tính bất biến của Chúa chúng ta. Chúa Giê-xu bắt đầu và chấm dứt mặc khải về Ngài cho tôi tớ Ngài là Giăng tại đảo Bát mô bằng một câu, “Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là đầu tiên và cuối cùng”. Đây là một chứng cứ rõ ràng về sự hiện hữu vĩnh viễn của Ngài.

Tôn Thờ Đấng Cứu Thế Tiền Hữu

Trước khi Đấng Cứu Thế trở thành xác thịt ở giữa loài người, Ngài đã hiện hữu trong vinh hiển và là đối tượng của phụng thờ.

Phụng Thờ (Hê 1: 4-6, 13, 14)

Khi Chúa ở trên đất, nhiều người đã thờ lạy Ngài (Ma 2: 11; 14: 33; 28: 9; Lu 24: 52) và điều đáng ghi là Ngài không bao giờ phản đối. Tuy nhiên, từ rất lâu trước đó, Ngài đã được các thiên sứ phụng thờ. “Ngài có danh cao quý hơn họ” vì Ngài là Đức Chúa Con và chiếm chỗ danh dự bên Đức Chúa Cha.

Vinh Hiển (Giăng 1: 14; 17: 5, 24)

Vinh hiển của Thượng Đế chỉ về sự biểu hiện trọn vẹn sự sống của Thượng Đế, tất cả vẻ đẹp, tinh anh, thánh khiết, uy nghi, quyền năng và mọi thuộc tính khác. Ta có thể nói rằng hình hài con người mà Chúa mang trên trần gian là một cái áo khoác che phủ vinh hiển mà Chúa vẫn có vào những thời kỳ khác. Buổi hóa hình mà các tác giả Phúc âm

đều nhắc tới chính là một thời gian ngắn ngủi Chúa tạm trút bỏ chiếc áo khoát trần thế ấy, và đã được ba môn đệ thân tín chứng kiến (Ma 17: 1-5)

Trong lời cầu thay vào cuối thánh vụ của Ngài trên trần thế, Chúa cầu xin cho môn đệ của Ngài được nh in thấy vinh hiển mà Ngài cùng có với Thượng Đế “từ trước khi có thế gian”. Ngài đã lặp lại điều đó và thêm rằng “Cha đã yêu con từ trước khi lập nên thế gian” (Giăng 17: 24)

Hoạt Động Của Đấng Cứu Thế Tiên Hữu (Activities)

Trong thời kỳ tiền hữu, không những Chúa chỉ hiện hữu thôi, mà Ngài còn đồng công hoạt động với Đức Chúa Cha và Đức Thánh Linh.

Đấng Tạo Hóa (Creator) (Giăng 1: 3; Cô-lô-se 1: 16-18; Hê 1: 2, 10; 2: 10)

Trong một bài học trước, chúng ta đã thử tìm hiểu công cuộc Tạo Hóa vĩ đại của Thượng Đế. Chúng ta kinh ngạc sững sờ trước sự toàn hảo, đa dạng, và hữu ích vô cùng của vạn vật. Vậy chúng ta cần nên nhớ rằng Chúa Cứu Thế Giê-xu của chúng ta đã tham dự trong kỳ công đó, rằng “mọi vật do Ngài dựng nên, không có Ngài thì chẳng vật gì được dựng nên”(Giăng 1: 3). Hoạt động của Ngài chẳng những chỉ trong vũ trụ hữu hình mà còn gồm cả những quyền bính, những ngôi vị vô hình (Cô-lô-se 1: 16), cái thế giới kỳ bí mà mắt trần chúng ta không thể nhìn thấy được. Hơn nữa, những kỳ công đó không phải chỉ làm nên bởi Ngài mà còn cho Ngài nữa (Cô-lô-se 1: 16; Hê 2: 10)

Đấng Kiểm Soát (Controller) (Cô-lô-se 1: 17; Hê 1: 3)

Chúng ta đã học về sự cung ứng, bảo vệ, và hướng dẫn thần hựu mà các tạo vật của Thượng Đế được hưởng. Chúng ta được an ủi vì biết chắc rằng Thượng Đế kiểm soát chẳng những sự vận hành của các thiên thể, mà còn cả vận mệnh của các dân tộc nữa. Nhưng công tác cai quản, duy trì vũ trụ vạn vật, cả loài người và thiên sứ, không phải chỉ do Đức Chúa Cha, mà có cả Đức Chúa Con nữa. Chúa Giê-xu đã minh chứng điều đó qua những phép lạ Ngài đã làm trên đất, cả sóng gió quỷ ma đều phải phục tùng Ngài.

ĐẤNG CỨU THỂ NHẬP THỂ

(The Incarnation of Christ)

Chữ “nhập thể” trong tiếng La tinh có nghĩa là “mang xác phàm, lấy tính người”. Chuyện Đấng Tạo Hóa cả vũ trụ tự nguyện giam mình vào trong một phần tử nhỏ bé của cõi tạo vật mệnh mông của Ngài, Đấng uy nghi sáng láng hơn cả mặt trời bằng lòng che đậy vinh hiển Ngài bằng bộ áo xác phàm, là chuyện khó thể tưởng tượng, hầu như không thể tin được, nếu không có những sự kiện cho thấy đó là sự thật.

Mang Tông Tộc Con Người (Human Parentage)

Phổ Hệ (Genealogies) (Ma 1: 1; Lu 3: 23-38)

Hai tác giả Phúc Âm vạch gia hệ tổ tiên của Chúa. Bản gia phả mở đầu Phúc âm Ma-thi-ơ chứng minh Chúa Giê-xu là con vua Đa-vít, là người thừa kế

ngôi nước Y-sơ-ra-ên, cũng là con Aùp-ra-ham, con của lời hứa, nhờ Ngài mà mọi gia tộc trên thế gian sẽ được phước. Lu-ca không dừng lại ở Áp-ra-ham hay Đavít, mà đi thẳng về người đầu tiên, là cha của cả người Do Thái lẫn ngoại bang.

Do Người Nữ Sinh Ra (Ma 1: 18 -20; Lu 1: 26 - 35; Giăng 1: 14; Ga 4: 4)

Các sách Công vụ và thư tín đều có nói đến điều này, nhưng các sách Phúc Âm còn kể rõ chi tiết hơn. Cả Ma-thi-ơ và Lu-ca đều chứng nhận rằng sự ra đời của Chúa không phải như một người bình thường. Theo lời tường thuật, Giô-sép mới hứa hôn với Ma-ri nhưng chưa cưới, lẽ tự nhiên chàng rất buồn khi thấy bằng chứng cho biết người thiếu nữ yêu không chung thủy với mình. Có lẽ đang đêm, chàng đang nghĩ ngợi không biết tính cách nào để bỏ Ma-ri mà có thể cho

nàng khỏi chết -- theo luật Do Thái - thì một thiên sứ hiện đến với chàng và giải thích cho chàng về hành động của Thượng Đế bứt ngang dây chuyển giòong giống con người để đưa vào đời một hữu thể siêu phàm. Kinh Thánh cho biết Giô-sép đã chấp nhận lời đó và đợi đến khi Ma-ri sinh con xong mới lấy nàng. Lu-ca thuật chuyện thiên sứ Gáp-ri-ên hiện ra báo tin cho Ma-ri biết sự lạ lòng của Chúa Giê-xu. Khi Ma-ri hỏi làm sao chuyện đó có thể xảy ra được, thì thiên sứ nhắc nàng rằng «với Đức Chúa Trời, không gì là không thể được»(Lu 1: 37). Vì Đấng Cứu Thế «bởi người nữ sinh ra», nên trải qua các đời, Ngài đã tôn vinh tình mẹ, và chữ «mẹ» đã trở thành tiếng ngọt ngào nhất trong ngôn ngữ loài người. Tại sao Titian, nhà danh họa Yù, khi vẽ Madonna (hình mẹ Ma-ri) đã cho bà mang khuôn mặt Ý ? Tại sao Ru-

bens cho hình Madonna của mình mang khuôn mặt Đức? Tại sao Madonna của Reynolds lại có vẻ Anh nhiều hơn? Chắc hẳn vì họ tin rằng mẹ mình tiêu biểu hơn hết cho Ma-ri mẹ của Chúa.

Trải Qua Sự Phát Triển Của Con Người (Lu 2: 40-42, 52)

Về phương diện con người, Chúa Giê-xu phát triển y như những trẻ em khác. Ngài chịu những quy luật chi phối sự phát triển cơ thể cũng như trí tuệ. Tuy nhiên, Ngài luôn luôn biết rằng Ngài thuộc về trời. Dầu bản chất vô tội của Ngài có ảnh hưởng đến sự phát triển, hiển nhiên Ngài cũng chịu huấn luyện để được tiến bộ như những người bình thường khác về các phương diện giáo huấn, học hỏi, suy nghĩ. Làm như vậy, Ngài đã tôn vinh tuổi thơ. Đấng Toàn Năng đã từng có lần mang đôi mắt trong

sáng ngậy thơ, cặp chân tay mũm mĩm, mái tóc tơ mềm của một em bé. món quà vĩ đại nhất Thượng Đế từng ban cho loài người là một em bé. Em bé vô cùng quý giá đến nỗi cả thiên đàng đều phải chú ý, các thiên sứ đã vạch trần mây, bước xuống để nhìn khi em ra đời.

Mang Những Đặc TÍNH Con Người
(Human Characteristics)

Hình Dáng Con Người (appearance of a Man) (Ma 14: 24 - 27; Lu 24: 36-43; Giăng 4: 9; 20: 15, 19, 20; Phi 2: 8)

Thánh Phao-lô nói rằng Ngài “trở nên giống như loài người” (Phi 2: 7) và chúng ta thấy rằng bà con thân thuộc Ngài đều coi Ngài là người. người đàn bà Sa-ma-ri nhận biết Ngài là người Do Thái khi thấy nét mặt và nghe tiếng nói của Ngài (Giăng 4: 9). Khi Chúa xuất

hiện thành linh giữa đêm tối và bước đi trên biển giữa bão tố khiến các môn đồ sợ hãi, thì Ngài trấn an họ bằng cách nói với họ và bước vào thuyền với họ (Ma 14: 24-27, 32)

Chúng ta không có bức hình nào của Chúa, nhưng không có lời nào trong bốn sách Phúc âm khiến ta có thể nghĩ rằng Ngài có hình dáng khác người thường. Chỉ có trong lần hóa hình, họ mới thấy “diện mạo Ngài đối khác”(Lu 9: 29). Sau khi sống lại, dường như Chúa vẫn giữ hình thể con người. Tại ngôi mộ, bà Ma-ri lâm tưởng Ngài là người giữ vườn (Giăng 20: 15). Hai người môn đồ đi về Em-ma-út tưởng Ngài là khách đi đường, “một khách lạ ở Giê-ru-sa-lem”(Lu 24: 18). Ngay cả khi Chúa xuất hiện giữa phòng cao cửa đóng then gài, Ngài cũng chứng tỏ cho môn đệ Ngài là con

người, bằng cách ăn trước mặt họ, và đưa cho họ xem dấu thương tích của Ngài để họ tin Ngài là Đấng bị đóng đinh (Lu 24: 36-43; Giăng 20: 19, 20)

Chiếc Áo Xác Phàm (Garment of Flesh)(Giăng 1: 14; Hê 2: 14, 16; 10: 5)

Tân ước làm chứng cho nhân tính thật của Chúa. Sứ đồ Giăng tuyên bố rằng “Lời đã trở nên xác thịt và ở giữa chúng ta”. Về sau ông lại còn cảnh cáo coi chừng chối bỏ sự nhập thể của Chúa (I Giăng 4: 23). Tác giả Hê-bơ-rơ cũng nhấn mạnh sự nhập thể khi ông nói rằng Con Thượng Đế “không mang lấy bản chất của thiên sứ mà lấy nòi giống Àùp-ra-ham”(Hê 2: 16). Đối tượng kế hoạch cứu rỗi của Thượng Đế không phải là thiên sứ sa ngã mà là loài người sa ngã. Bởi vậy Con Thượng Đế trở thành người để chết thay cho con người, mang chịu

hình án công bình cho tội lỗi con người (II Cô 5: 21). Vì Ngài là người nên Ngài có thể chết thay cho con người; vì Ngài là Thượng Đế nên công tác của Ngài trên thập tự giá có giá trị vĩnh cửu. Hơn nữa, nhờ sự nhập thể của Con Thượng Đế và sự chết của Ngài trên thập tự giá, quyền lực của Sa-tan trên con người bị bẻ gãy (Hê 2: 14, 15)

Những Hạn Chế Của Con Người

Chúng ta cần hiểu biết cách đúng đắn về con người của Con Thượng Đế nhập thể. Ngài vừa là Thượng Đế vừa là Người. Địa vị Thượng Đế của Ngài không kém đi vì Ngài là người, nhân tính của Ngài cũng không bị ảnh hưởng vì Ngài là Thượng Đế. Những hạn chế nói đến trong Kinh Thánh đều do Ngài tự đặt cho mình để hành động trong một số trường hợp thuộc lãnh vực con người.

Cũng nên biết rằng sau khi Chúa phục sinh, những hạn chế đó không còn nữa. Nhân tính vinh hiển của Ngài không còn bị đói khát, mệt mỏi, đau đớn, chết chóc nữa.

Về Thể Xác (Physical)

Kinh Thánh cho thấy rằng Chúa tự đặt mình dưới những hạn chế và nhu cầu của cơ thể con người, dầu người có thể dùng quyền năng của Ngài để vượt lên trên những hạn chế đó và cung cấp những nhu cầu cho mình.

Ngài đói (Ma 4: 2; 21: 8) dầu Ngài hóa bánh cho hàng ngàn người ăn, Ngài vẫn cần phải có thức ăn để sống.

Ngài khát (Giăng 4: 7) Ngài cần nước trần gian để đánh tan cơn khát, dầu Ngài có thể ban cho con người nước hằng sống.

Ngài mệt mỏi và ngủ (Ma 8: 24; Giăng 4: 6)

Ngài chịu đau đớn và chết (I Cô 15: 3; I Phi 4: 1)

Về Trí Tuệ (Mác 13: 32; Lu 2: 52)

Vì Chúa chúng ta vừa là Thượng Đế vừa là người, nên Ngài có những thuộc tính dường như mâu thuẫn nhau. Ngài vừa là vô hạn vừa là hữu hạn. Có lúc Ngài tỏ ra toàn năng, nhiều khi lại tỏ ra yếu đuối. Kinh Thánh trình bày Ngài vừa là Đấng toàn tri (Mát 9: 3 Giăng 1: 47 - 49; 10: 15), vừa chịu những hiểu biết tiệm tiến, có lúc lại như là không đủ hiểu biết nữa (Mác 11: 13; 13: 32; Lu 2: 52). Rõ ràng là Chúa đã chủ tâm tự hạn chế mình trong những trường hợp này vì những lý do nào đó mà chỉ có Ngài mới có thể biết được.

Được Nhìn Nhận Là Con Người (Human Recognition)

Chúa Giê-xu được mọi người nhìn nhận là con người. Người ta nói Ngài là:

Giê-xu Người Na-xa-rét (Lu 18: 37; 24: 19; Giăng 18: 5)

Cả đời Chúa sống tại ngôi làng này, chỉ trừ ba năm cuối cùng, vì vậy tên Ngài gắn liền với địa danh đó. Thật vậy, rất ít người biết được Ngài ra đời tại Bết-lê-hem, vì vậy kẻ thù Ngài lý luận rằng Ngài là người Ga-li-lê thì không thể là Đấng Thiên sai (Mê-si-a) được. Lời tiên tri của Kinh Thánh tuyên bố rằng Đấng Cứu Thế sẽ ra đời tại «Bết-lê-hem là thành vua Đa-vít» nhưng ai cũng cho rằng Ngài là người Na-xa-rét khiến cho cả Ni-cô-đem học thức uyên thâm cũng lung lay niềm tin (Giăng 7: 40-52)

Con Trai Của Giô-sép (Lu 3: 23; Giăng 6: 42)

Lòng hiếu thảo của Chúa đối với Giô-sép và Ma-ri đã khiến cho mọi người cho rằng Ngài là «con trai người thợ mộc». Ngay cả những em cùng lớn lên dưới mái nhà với Ngài cũng không chịu công nhận Ngài là Đấng Thiên sai. Lúc đầu họ còn ngỡ, về sau họ cho Ngài là kẻ cuồng tín, mơ mộng (Mác 3: 21; Giăng 7: 3, 5)

Con Loài Người (Son of Man, nhân tử) (Ma 26: 63, 64; Giăng 1: 49 - 51)

Hơn tám mươi lần trong Phúc âm, Chúa Giê-xu tự nhận mình là Con loài người. Hình như Ngài thích danh hiệu này hơn bất cứ danh hiệu nào khác, vì có khi Ngài vừa thừa nhận mình là Con Thượng Đế, Ngài đã dùng ngay danh

hiệu Con loài người cho mình. Điều này cho thấy rõ rằng Chúa rất muốn đồng hóa mình với con cái loài người.

CHƯƠNG 7

THẦN TÍNH CỦA CHÚA CỨU THẾ GIÊ-XU

(The Deity of Christ)

Người ta kể rằng khi Thống chế Ney trình diện hoàng đế Napoleon sau khi điều khiển cuộc triệt thoái thành công khỏi Moscow, hoàng đế đã ôm chầm lấy ông mà kêu lên rằng”Người can đảm hơn hết trong những người can đảm”.Nhưng người can đảm nhất phải là người Ga-li-lê quê mùa đã bình tĩnh ký bản án tử hình cho mình trước mặt Hội

đồng tôn giáo Do Thái khi nhìn nhận mình là Con Thượng Đế. Hội đồng Do Thái giáo đã lên án xử tử Chúa vì họ tin Ngài là kẻ phạm thượng và là tên bịp bợm. Ngài bị đóng đinh vì tuyên bố mình là con Thượng Đế, nghĩa là khẳng định thần tính của mình. Họ nói với tổng trấn Phi lát, “Chúng tôi có luật, theo đó hẳn phải chết vì tự xưng mình là Con Đức Chúa Trời”(Giăng 19: 7)

Chúa Giê-xu có thể đã giữ được mạng sống nếu Ngài không một mực quả quyết rằng Ngài là con Thượng Đế, nhưng Ngài không chịu chối bỏ sự thật, dầu cho phải chịu đau đớn và chết cái chết nhục nhã của tên phạm nhân trên thập tự giá. Lời xưng nhận của Ngài là một xưng nhận quan trọng hơn hết. Trước đó một năm, Phi-e-rơ đã từng xưng nhận như vậy, nhưng bây giờ ông đang ở

ngoài kia chối Chúa mình, vì mạng sống ông bị đe dọa. Nếu được hỏi ý kiến, hẳn Phi-e-rơ đã khuyên Chúa Giê-xu nên tạm giấu tông tích mình trong đêm hãi hùng đó. Nhưng Chúa Giê-xu không chịu thỏa hiệp. Ngài xưng mình là Con Thượng Đế, và không chút nao núng khi bị đem ra thử thách. Quả thật Ngài là vị anh hùng trên tất cả mọi anh hùng.

Chúa Giê-xu chết vì đã xưng mình là Con Thượng Đế, có bằng chứng nào hậu thuẫn cho lời tuyên bố đó, một lời tuyên bố nếu không dối trá thì cũng là táo bạo? Các tác giả Phúc âm đã xác minh điều này.

MỘT ĐÁNG SIÊU PHẠM (Jesus, a Supernatural Person)

Do Trinh Nữ Sinh Ra (Ma 1: 22; Lu 1: 34, 35)

Chung quanh sự ra đời của Đấng Cứu Thế có một cái gì siêu nhiên mà chúng ta không thể làm ngơ được. Lời tiên tri nói Ngài là “dòng giống của người nữ”, không phải người nam (Sáng 3: 15; Lu 1: 34). Không có luật di truyền nào có thể giải thích trường hợp này được. Điều này thật phi thường và ý nghĩa đến nỗi trước đó bảy trăm năm, nhà tiên tri Ê-sai đã tuyên bố rằng dấu hiệu chứng cho Đấng Thiên sai sẽ là, Ngài sẽ do một trinh nữ sinh ra (Ê-sai 7: 14). Chúa do một người nữ đồng trinh sinh ra, sự kiện này đã được Thánh Kinh, truyền thống, các bản tín điều xác nhận, nó lại hoàn toàn phù hợp với những mặt khác của đời sống phi thường của Ngài, điều này đủ chứng tỏ đó là sự thật.

Có Sự Hiểu Biết Phi Thường (Giăng 2:24,25; 4:16-19; 7: 45, 46; 16: 30)

Chúng ta đã biết cha mẹ Chúa Giê-xu rất nghèo, không đủ sức cho Ngài ăn học như người khác. Vậy mà Ngài biết còn nhiều hơn những nhà thông thái, những học giả giỏi giang lúc bấy giờ. Khi các vị chính tế sai người đến bắt Ngài, những người này rất ngạc nhiên trước những lời lẽ khôn ngoan của Ngài đến nỗi họ ngần ngại không dám bắt Ngài. Khi người Pha-ri-si hỏi họ tại sao trở về tay không, thì họ đáp rằng “Chưa hề có ai nói như người này” (Giăng 7: 45, 46). Người đàn bà Sa-ma-ri rất phục Ngài vì Ngài biết hết đời tư của bà đến nỗi bà bảo bạn bè, “Hãy đến xem ông này, ông ta kể hết mọi chuyện tôi làm, chắc là Đấng Cứu Thế chứ còn ai nữa?” (Giăng 4: 29). Các môn đệ của Chúa, những người

biết Ngài rõ hơn ai hết, đã thưa với Ngài trong đêm cuối cùng Ngài còn ở với họ, “Bây giờ chúng tôi biết thầy biết hết mọi việc”(Giăng 16: 30)

Có Quyền Năng Phi Thường

Chúa Giê-xu trưng những phép lạ Ngài làm để minh chứng Ngài là Đấng siêu phàm. Ngài nói “những việc ta đã nhân danh Cha mà làm, chúng làm chứng về ta...Nếu ta không là công việc của Cha ta, thì đừng tin ta. Nhưng nếu ta đã làm, thì dù các người không tin ta, cũng hãy tin việc của ta” (Giăng 10: 25, 37, 38). Phúc Âm ghi lại không dưới ba mươi sáu phép lạ. Còn bao nhiêu phép lạ nữa không có chép thì chúng ta không biết, nhưng bao nhiêu đó cũng đủ chứng tỏ quyền năng phi thường của Ngài.

Quyền Năng Trên Bệnh Tật (Lu 4: 39)

Ngài chữa lành bệnh tật, kể cả những chứng nan y như phong cùi. Ngài khiến kẻ điếc được nghe, kẻ câm được nói, kẻ què được đi.

Quyền Năng Trên Thiên Nhiên (Ma 8: 26, 27; 14: 25; Lu 24: 51)

Sóng gió đều vâng lệnh Ngài. Ngài vượt luật trọng lực mà bước đi trên mặt nước, và cuối cùng, Ngài đã thăng thiên lên khỏi các đám mây.

Quyền Năng Trên Ma Quỷ (Mác 5: 8 - 13; Lu 4: 31-36)

Cả thế giới thần linh cũng phải phục tùng lời Ngài. Ngài đã đuổi cả một đoàn quân quỷ ra khỏi một người khốn khổ, và cho chúng nhập vào bảy heo hai ngàn

con khiến chúng phóng xuống biển chết chìm hết.

Quyền Năng Trên Sự Chết (Mác 3: 35, 41, 42; Lu 7: 12-15; Giăng 11: 32, 43, 44)

Kinh Thánh ghi lại ba trường hợp Chúa khiến người chết sống lại: Con gái Giairu, mới chết có vài giờ, con trai bà góa ở Na-in, trong lúc đám tang đang đưa quan tài cậu ta đến phần mộ, và La-xa-rơ môn đệ yêu quý của Ngài, đã chôn được bốn ngày.

Sự Chết Và Phục Sinh Của Ngài (Giăng 10: 18)

Khi người ta xin Chúa một dấu lạ để chúng tỏ Ngài là Con Thượng Đế, Ngài lấy hình ảnh Gio-na để biểu minh cho sự chết và phục sinh của Ngài (Ma 12: 38-

40). Ngài chẳng những có thể nói trước sự phục sinh của Ngài mà còn thực hiện được. Điều đó chứng minh hùng hồn rằng Ngài có quyền năng thắng vượt cái chết và phần mộ, là một điều chưa từng được chứng kiến giữa nhân loại.

Thấm Quyền Lạ Lùng Của Ngài (Ma 7: 29)

Nhiều lần Kinh Thánh nói rằng người ta ngạc nhiên vì thấy Chúa «nói có thẩm quyền, chớ không như các thầy thông giáo». Thẩm quyền đó ở đâu ra, nó khác các thầy thông giáo thế nào ?

Có bốn nguồn thẩm quyền

Thẩm quyền của lời chứng (testimony) do sự việc đã được kinh nghiệm

Thẩm quyền của ý kiến (opinion) do học nhiều biết rộng

Thẩm quyền của địa vị (position) do được công nhận

Thẩm quyền của cảm thức (inspiration) - do trực giác

Đôi khi không có sẵn sự kiện và kinh nghiệm để làm bằng chứng trực tiếp, người ta lấy ý kiến của chuyên viên làm bằng chứng (Circumstantial evidence). Chúng đó đúng hay sai là tùy phẩm tính của người chứng. Bằng chứng tùy cơ có thể tăng phần giá trị tùy theo địa vị của người chứng. Người đó có thể là nhân viên công quyền hay thành viên ban giảng huấn của một trường đại học nổi tiếng. Thẩm quyền của các thầy thông giáo tùy thuộc phần lớn vào học vấn của họ khiến họ thành những chuyên viên về luật pháp. Họ cũng được công nhận vì là thành viên của Hội đồng Tôn giáo và giữ những chức vị cao.

Thẩm quyền của Chúa Giê-xu không lệ thuộc vào ý kiến hay địa vị của người ta. Ngài không được công nhận là học giả, chẳng hề được cử giữ chức vụ nào. Như vậy, thẩm quyền của Ngài chỉ do lời vô ngộ của Thượng Đế, và Thánh Linh là Đấng cảm thúc lời ấy, làm chứng cho. Điều này khiến cho lời Ngài nói có trọng lượng hơn là thẩm quyền của một học giả, hay uy tín của một nhân viên Công Hội. Người ta đã công kích thẩm quyền đó khi Ngài tuyên bố mình có quyền tha tội. Người Pha-ri-si đã chủ trương rất đúng rằng chỉ Thượng Đế mới có quyền tha tội. Như vậy Chúa Giê-xu phải là Thượng Đế, bằng không Ngài chỉ là tên đại bịp. Thẩm quyền siêu nhiên của Chúa tỏ ra trong:

Cuộc Đàm Luận Với Các Học Giả
(Lu 2: 46-49)

Ngay từ lúc mười hai tuổi, Ngài đã biết Ngài phải lo việc Cha Ngài. Những lời đầu tiên của Ngài được ghi lại ở đây cho thấy Ngài đã ý thức được mối liên hệ mật thiết với Cha thiên thượng của Ngài. Cần để ý điểm khác với phong tục thường thấy ở Do Thái: ở đây Ma-ri chớ không phải Giôsép là người hỏi câu “Tại sao con làm cho hai ta thể này? Này, cha con và mẹ đây lo âu tìm kiếm con” Điều đáng chú ý là trong câu trả lời, Chúa không nhắc tới Giôsép; sau này cũng vậy, Ngài đã không dùng chữ “cha” khi nói về cha mẹ mình (Mat 12: 48; Mác 3: 33, 34). Trong câu chuyện này, Chúa cho thấy rằng cha Ngài không phải là Giôsép mà là Thượng Đế, và Ngài đã dùng thẩm quyền đó để biện bác với các học giả.

Buổi Hóa Hình (Lu 9: 30-35)

Ở trên núi, các môn đệ thân cận của

Chúa vui sướng vì được đặc ân nhìn thấy Môi-se và Ê-li, những nhân vật được tôn vinh trong thời Cựu Ước. Đây là dịp hiếm có để họ hỏi hai vị thánh đã được chuyển dịch thẳng về cõi trời và nghe chính miệng các vị ấy tiết lộ cái bí mật họ đã biến mất như thế nào. Nhưng sự tò mò của họ đã bị đánh tan khi có tiếng từ trời tuyên bố một điều tối trọng. “Đây là Con yêu dấu của ta: hãy nghe lời Người”. Dù Môi-se và Ê-li là những nhân vật lỗi lạc, tiếng nói của họ vẫn chỉ có thẩm quyền của loài người, chỉ có Chúa Giê-xu mới có thể nói bằng thẩm quyền siêu nhiên.

Cuộc Ủy Nhiệm Mười Hai Sứ Đồ
(Mác 3: 13 - 19)

Khi Chúa sai mười hai môn đệ ra đi, Ngài đã chứng tỏ thần tính cũng như thẩm quyền của Ngài, khi Ngài ban quyền

phép cho môn đệ để trị các thứ tật bệnh và ma quỷ. Dĩ nhiên, chỉ có Thượng Đế mới có khả năng và thẩm quyền để ban thứ quyền phép đó cho con người. Điều đó xác nhận cho lời Ngài tuyên bố mình là “Đấng Christ Con Đức Chúa Trời hằng sống”. (Ma 16: 15; Giăng 20: 31).

CHÚA GIÊ-XU ĐƯỢC THỜ LẠY NHƯ THƯỢNG ĐẾ

(Jesus Worshiped as God)

Nếu Chúa Giê-xu chỉ là người, tại sao Ngài cho phép người ta thờ lạy Ngài? Nếu Chúa Giê-xu không phải là Thượng Đế, thì sự tôn thờ Ngài không gì khác hơn là thờ thần tượng xúc phạm Thượng Đế.

Được Tôn Thờ Khi Ngài Ra Đời (Ma 2: 8-11)

Những vị học giả từ phương đông, với bao nhiêu nghi vệ và những món quà đắt giá, đã không thẹn thùng quỳ xuống trước Ngài trong căn nhà tồi tàn của Ngài. Ngay cả vua Hê rôđ cũng công nhận đó là thái độ chính đáng để tiếp rước Ngài.

Những Người Phụng Thờ Lạy Ngài (Ma 8: 2)

Đây là lần đầu tiên trong thánh vịnh của Chúa có ghi lại Ngài được thờ lạy. Tại sao Ngài không quở trách hành động thờ lạy đó và cho biết rằng Ngài chỉ là người, như Phi-e-rơ say nầy đã làm (Công 10: 25, 26)

Người Mùa Bẩm Sinh Thờ Lạy Ngài (Giăng 9: 32, 35-38)

Điều đáng chú ý trong câu chuyện này là trước khi người mù sắp mình dưới chân Chúa tạ ơn quyền năng chữa lành của Ngài, thì Chúa đã tỏ cho người ấy biết Ngài là Con Thượng Đế.

Người Đàn Bà Si-rô Phê-ni-xi Thờ Lạy Ngài (Mác 7: 25-30)

Khi xin Chúa chữa cho con ái mình bị quỷ ám, bà này chẳng những nhìn nhận Chúa là Đấng Thiên sai khi bà gọi Ngài là “Con Vua Đa-vít” (Ma 15: 22), mà bà còn gọi Ngài là Chúa và quỳ lạy Ngài. Không lạ gì Chúa đã tỏ ra ngạc nhiên về đức tin của bà, Ngài đã tôn vinh đức tin ấy và chữa lành cho con bà.

Các Môn Đồ Thờ Lạy Ngài

Có rất nhiều trường hợp ghi lại các môn đồ thờ lạy Chúa Giê-xu nhưng ở

đây chỉ cử ra một số trường hợp. Hầu hết các trường hợp này xảy ra sau khi Phi-e-rơ xưng Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế (Ma. 16: 16)

Sau Khi Bão Lặng (Ma 14: 33)

Chỉ trong vòng mấy phút, các môn đồ được chứng kiến ba phép lạ. Thứ nhất, Chúa đi bộ trên mặt nước; thứ hai, Ngài cứu Phi-e-rơ khi ông lão đảo suýt chìm; thứ ba họ thấy cơn gió dữ thành lành lặng yên. Họ kinh ngạc thán phục và thờ lạy Ngài.

Khi Các Con Xê-bê-đê Xin Chỗ Danh Dự Trong Nước Trời (Ma 20: 20)

Bà mẹ của những người này thật là nhiều tham vọng. Bà muốn thấy các con mình ngồi bên cạnh Chúa trong ngôi nước Ngài. Có lẽ vì lời cầu xin táo bạo và

ước mong tha thiết đã khiến họ thờ lạy Ngài. trong lời cầu xin đó họ nhìn nhận nước Ngài sẽ đến thật, và Chúa đã nhìn nhận vương quyền của Ngài trong lời đáp của Ngài.

Khi Các Bà Nhận Ra Chúa Phục Sinh (Ma 28: 5, 9)

Đây là những người ở lại sau cùng tại thập tự giá và có mặt trước nhất ở ngôi mộ Ngài. Họ thờ lạy Ngài vì nhận biết đã sống lại, đồng thời cũng nhìn nhận Ngài là Thượng Đế.

Khi Chúa Hiện Ra Cho Các Môn Đệ Trên Núi (Ma 28: 16, 17)

Chúa phục sinh truyền cho các bà báo môn đệ Ngài biết rằng Ngài sẽ qua Ga-li-lê trước họ và gặp họ tại trên núi. Khi các môn đệ tụ họp lại tại chỗ hẹn và

nhìn thấy Chúa phục sinh thì họ thờ lạy Ngài.

Khi Chúa Thăng Thiên (Lu 24: 51, 52)

Hành động cuối cùng của Chúa là thân yêu chúc phước cho các môn đệ, và hành động cuối cùng của các môn đệ khi thấy Chúa thăng thiên là thán phục thờ lạy Ngài.

ĐƯỢC NHÌN NHẬN LÀ THƯỢNG ĐẾ

(Jesus Recognized as God)

Có bốn nhóm khác nhau tuyên bố Chúa Giê-xu là Thượng Đế. Những người không công nhận Chúa Giê-xu là Thượng Đế lý luận rằng ngày xưa nay

người ta thường thần thánh hóa những kẻ nào thu phục được sự thần phục và cảm tình của người ta. Nhưng Chúa không phải do người ta dàn dựng rồi đề cao lên. Số người công nhận quyền uy của Chúa rất đông, không phải chỉ thu hẹp trong vòng các môn đệ. Những lời nhìn nhận thần tính của Chúa cũng công nhận sự tiền hữu của Ngài, không phải chỉ dựa vào sự sùng kính của con người mà đưa Ngài lên.

Những Lời Chứng Của Người

Giăng Báp-tít (Giăng 1: 29, 30)

Nhà thuyết giáo vĩ đại này làm chứng cho sự hiện hữu tiền lịch sử của Chúa Giê-xu, và kế hoạch của Thượng Đế đưa Ngài đến làm Đấng Cứu Thế. Chúa chúng ta trong khi biện luận với người Do Thái đã lưu ý họ về lời chứng này để

chúng tỏ thần tính của Ngài (Gi. 5: 33-35)

Na-tha-na-ên (Giăng 1: 49)

Trước khi đi theo Chúa, Na-tha-na-ên đã xưng nhận vị Giáo sư mà người ta bàn tán nhiều đó chẳng những là Đấng Thiên sai mà còn là Con Thượng Đế nữa.

Phi-e-rơ (Ma 16: 16)

Phi-e-rơ là phát ngôn viên cho Mười Hai Sứ đồ, cho nên trong lời xưng nhận của ông, ông cũng nói lên niềm tin của các vị sứ đồ khác.

Thô-ma (Giăng 20: 28)

Thô-ma đã vội vàng thờ lạy Chúa Giê-xu khi ông nhận ra rằng người bị đóng đinh trên thập tự giá chính là Thượng Đế hằng sống.

Đội Trưởng La-mã (Mác 15: 39)

Cả viên đội trưởng toán hành quyết Chúa cũng xác nhận lời chứng của những môn đồ Ngài rằng người đang chịu cái chết của một tên trọng phạm đó thật chính là Con Thượng Đế

Lời Chứng Của Thiên Sứ (Lu 2: 10, 11)

Vị thiên sứ xuất hiện cho Ma-ri và cho Giô-sép xác nhận với họ rằng Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế. Thông điệp của các vị thiên sứ trong đêm Chúa giáng trần cũng tuyên bố điều đó.

Lời Chứng Của Ma Quỷ (Ma 4: 3; lu 4: 41)

Sa-tan ba lần nhìn nhận Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế khi nó cảm dỗ

Ngài phô trương quyền năng của chức vị đó.

Những người bị quỷ ám gặp Ngài đều kêu lên rằng Ngài là Con Thượng Đế vì quỷ trong họ biết Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế. Dầu lời chứng của chúng là đúng, Chúa không cho phép chúng nói ra vì Ngài muốn người ta tự mình khám phá ra chân lý ấy.

Lời Chứng Của Thượng Đế

Ba lần có tiếng từ trời vọng xuống trong khi Chúa Giê-xu thi hành thánh vụ, mỗi lần đều xác nhận rằng Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế:

Lúc Chúa chịu báp-têm (Ma 3: 13 - 17; Lu 3: 22)

Khi Chúa hóa hình (Ma 17: 5; Lu 9: 35)

Trong lễ Vượt qua cuối cùng (Giăng 12: 27, 28)

Cả Giăng và Phi-e-rô khi viết cho các tín hữu, đều lưu ý họ về ý nghĩa trọng đại của sự hóa hình, không những chỉ vì có tiếng xác nhận thần tính của Chúa, mà còn vì danh dự và vinh quang của thiên đàng dành cho Ngài lúc ấy (Giăng 1: 4; II-Phi 1: 16-18). Giăng còn nhấn mạnh giá trị của lời chứng ấy: «Nếu chúng ta nhận lời chứng của con người thì lời chứng của Đức Chúa Trời còn trọng hơn, và đây là lời chứng của Đức Chúa Trời làm chứng về con Ngài»(I Giăng 5: 9)

CHÚA GIÊ-XU XÜNG MÌNH LÀ
THƯỢNG ĐẾ

(Jesus Claimed to be God)

Nếu Chúa Giê-xu không phải là con Thượng Đế thì Ngài chẳng quả là tên lừa bịp, vì nhiều lần Ngài tuyên bố rõ ràng rằng Ngài là Thượng Đế. Chúng ta hãy xem xét lời chứng của Ngài trước ba nhóm người khác nhau.

Trước Các Vị Sứ Đồ (Giăng 14: 7-11)

Khi nói chuyện với các môn đệ, Chúa thường xuyên nói về Cha thiên thượng của Ngài. Trong bài nói chuyện từ giả, Ngài khuyến các môn đệ hãy tin nhận những lời Ngài tuyên bố về liên hệ giữa Ngài với Đức Chúa Cha, hoặc ít ra cũng hãy tin Ngài vì những phép lạ Ngài đã làm. “Khi ta nói rằng ta ở trong Cha, Cha ở trong ta, thì hãy tin ta, bằng không, hãy tin bởi công việc ta”(Giăng 14: 11)

Trước Người Do Thái (Giăng 10: 22-25; 30-33)

Vào lễ Khánh Thành đền thờ, người Do Thái hỏi Chúa một câu quan trọng. “Thầy để chúng tôi nghĩ vợ vẫn mãi cho đến khi nào? Nếu thầy là Đấng Christ hãy nói rõ cho chúng tôi” Ngài lưu ý họ về lời Ngài tuyên bố và những phép lạ Ngài làm, “Ta đã bảo các người mà các người không tin; những việc ta nhân danh Cha ta mà làm đều làm chứng cho ta. “Một lát sau đó Ngài lại nói, Ta với Cha là một”. Người Do Thái đã nghĩ sao về lời nói đó? Đối với họ, chẳng cần gì phải bàn cãi nữa, họ lượm đá liệng Ngài vì tội lộng ngôn, như họ đã nhận, vì người là người, mà tự xưng là Đức Chúa Trời

Trước Công Hội (Lu 22: 66-71)

Chúng ta đã thấy vị anh hùng của mọi anh hùng đã khước từ cơ hội được tự do, vì không chịu nói một điều giả dối. Khi Ngài một mực khẳng định Ngài là

con Thượng Đế, thì người Do Thái tuyên bố rằng Ngài đã tự lên án cho mình vì lời xưng nhận đó, và thật đáng tội chết. Lời chứng đó trước viên Thượng tế là tội điểm của những lời Ngài tuyên bố mình chính là Thượng Đế.

CHƯƠNG 8

SỰ CHẾT HY SINH CỦA CHÚA CỨU THẾ

(The Sacrificial Death of Christ)

Chúa Giê-xu chết trên thập tự giá là giáo lý nền tảng của Hội Thánh Ngài. Thập tự giá là biểu hiện (insignia) cho đức tin chúng ta. Giá trị của các vĩ nhân thường căn cứ vào đời sống của họ. Nhưng với Chúa Giê-xu thì sự chết của Ngài mới đem lại cho loài người những phước hạnh lớn lao hơn hết.

Thập tự giá thấm nhập toàn bộ Kinh Thánh. những giáo huấn của Môi-se nói trước ý nghĩa của nó. Các sách lịch sử cho thấy nó là cần thiết. Các sách Thi thiên vẽ ra thực tại của nó. Các vị tiên tri mô tả nó sẽ đến như thế nào. Các sách Phúc âm công bố sự hiện diện của nó. Sách Công vụ rao giảng quyền năng của nó. Các thư tín giải thích mục đích của nó. Sách Khải huyền cho thấy kết cuộc phước hạnh của nó.

Người ta thường nói rằng, “Cắt Kinh Thánh ở bất cứ chỗ nào cũng thấy máu chảy, chân lý về sự cứu chuộc nhuộm đỏ Kinh Thánh. Cứ 44 câu Kinh Tân ước thì có một câu đề cập đến sự chết hy sinh của Chúa Cứu Thế. Nó được nhắc đến 175 lần tất cả.

Nếu sự giáng sinh của Chúa chia đôi thời gian, thì thập tự giá của Ngài chia

đôi côi đời đời. Chúa Cứu Thế là Chiên con đã được định từ trước khi sáng tạo thế giới là sẽ bị giết (I Phi-e-rơ 1: 19, 20). Sau khi Chiên con bị giết, Ngài trở thành đề tài của những lời ca ngợi không bao giờ chấm dứt (Khải 5: 13). Theo lý luận thông thường thì không thể nào tiên đoán rằng đấng Thiên sai sẽ bị xử tử bằng thập hình. Phương pháp xử tử thông dụng của người Do Thái là ném đá (Lê-vi 20: 2; Phục Truyền 13: 6-10; 17: 2-5) và Cựu Ước kể lại nhiều trường hợp áp dụng hình án đó. (Lê 24: 11-14; Dân 15: 32-36; I Vua 12: 18; 21: 13; II Sử 24: 20, 21). Luật Mô-i-se quy định hình phạt ném đá dành cho những kẻ gian dân và phạm thượng. Có lần người Do Thái xin Chúa cho phép ném đá một người đàn bà có tội (Giăng 8; 4, 5) lần khác người ta lượm đá ném Chúa vì Ngài tuyên bố mình bình đẳng với Thượng Đế (Giăng

10: 30 - 33)

Khi những lời tiên tri đầu tiên về sự chết của Chúa được chép ra thì người Do Thái chưa hề biết đến thập hình. Lúc ấy hầu như là chưa có người La-mã, dân tộc đầu tiên sử dụng hình án man rợ này. Một chuỗi biến cố lịch sử đã xảy ra, đưa dân tộc La tinh lên thống trị thế giới. Vào thời của Chúa, dân tộc Do Thái cũng như nhiều dân tộc khác phải thần phục Hoàng đế La-mã (Xê-da). Các dân thuộc địa của La-mã không còn được phép xử tử các phạm nhân của mình. Vì vậy người Do Thái phải nhờ đến tay tổng trấn La-mã để xử tử các tội phạm của họ. Chính vì hoàn cảnh lạ lùng bất ngờ đó mà Chúa bị người La-mã xử thập hình thay vì bị người Do Thái ném đá chết.

Chúa Giê-xu nói Chẳng có sự yêu thương nào lớn hơn là vì bạn hữu mà

phó sự sống mình” (Giăng 15: 13). Nhưng Đức Chúa Trời bày tỏ lòng yêu thương Ngài đối với chúng ta, khi chúng ta còn là người có tội, thì Đấng Christ vì chúng ta chịu chết (Rô 5: 8). Có người đã bỏ mạng sống vì bạn hữu mình, nhưng tình yêu lạ lùng của Chúa đã vươn đến cả những kẻ thù của Ngài. Ngài từ trời cao muôn trùng xuống đến thập tự giá thấp hèn, gục đầu chịu cái chết hổ nhục, đau đớn. Đó là một của lễ hy sinh lớn nhất cho nhân loại. Thượng Đế đã ban Con yêu dấu của Ngài làm sinh tể “hầu cho hễ ai tin Ngài thì không bị hư mất mà được sự sống đời đời.” (Giăng 3: 16)

VAI TRÒ NỔI BẬT CỦA SINH TỂ

(Prominence of the Sacrifice)

Mục Đích Của Sự Thập Thể (Incarnation)

Chúa Giê-xu ra đời để làm gì? Tên mà Giô-sép đã đặt cho Ngài theo lệnh Thượng Đế cho biết Ngài là vị Cứu tinh của dân Ngài (Ma. 1: 21). Chính Ngài tuyên bố rằng Ngài đến để cống hiến mạng sống Ngài làm giá chuộc cho nhiều người (Ma 20: 28). Từ lúc khởi đầu thánh vụ, Ngài đã biết rằng thập tự giá sẽ kết liễu mạng sống Ngài.

Bí Mật Đối Với Các Vị Tiên Tri Thời Cựu Ước

Một trong những bằng chứng Kinh Thánh được thần cảm là người viết nhiều lúc không hiểu được những điều Thượng Đế khiến họ viết ra. Sự chết của Chúa dẫu đã được tuyên báo từ nhiều thế kỷ trước khi Ngài xuất hiện, vẫn là một

điều bí mật đối với các vị tiên tri (I Phi 1: 10-12). Ngay cả các thiên sứ cũng không được thông báo đầy đủ về kế hoạch và mục đích của biến cố đau thương hơn hết này, nhưng nó vô cùng quan trọng đến nỗi họ ước ao được biết rõ hơn.

BÍ MẬT ĐỐI VỚI CÁC MÔN ĐỆ

Sự chết của Chúa được các tác giả Thi thiên và các nhà tiên tri mô tả rõ ràng từ nhiều thế kỷ trước khi sự việc xảy ra, điều đó chứng tỏ Kinh Thánh là lời Thượng Đế. Chính Chúa Giê-xu đã lưu ý môn đệ về sự kiện này (Lu 24: 44). Có điều lạ là các môn đệ không hiểu nổi những khúc kinh Cựu Ước tiên báo về lịch sử của Chúa Giê-xu và mô tả chi tiết về sự đau khổ và vinh quang của Ngài. Điểm đáng lưu ý về các khúc Kinh Thánh này là người Do Thái không hề nghĩ rằng Đấng Thiên sai mà họ mong đợi sẽ bị

giết chết, mà chỉ tin rằng Ngài sẽ được lên ngôi Vua. Ngay cả các môn đệ cũng không hiểu được những lời Chúa đề cập đến sự chết của Ngài. Sự thật là Cựu Ước nói nhiều về vị vua sẽ đến cũng như tiên báo về Đấng Cứu Thế bị đóng đinh trên thập tự giá. Vị thiên sứ báo tin cho Ma-ri về sự ra đời của Chúa cũng không nói gì về sự chết Ngài mà chỉ cho biết rằng Ngài “Sẽ được tôn trọng, được xưng là Con của Đấng Rất Cạo, và Chúa là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít là tổ phụ Ngài: Ngài sẽ trị vì đời đời nhà Gia cốp, nước Ngài vô cùng” (Lu 1: 32, 33). Không lạ gì mà lòng Ma-ri cứ vẫn vương suy nghĩ về những lời đó, và tìm bà như bị lưới gươm đâm xuyên qua khi bà đứng tại chân thập tự giá nhìn con mình chưa hề được tôn vương mà lại phải chịu khổ hình.

Vị Trí Trong Sách Phúc Âm

Nghiên cứu kỹ sách Phúc âm ta thấy sách không nhắc nhiều tới những năm trong đời Chúa, nhưng lại nói rất nhiều về tuần lễ cuối cùng của Ngài. Nếu đúng như một số người cho rằng không phải sự chết của Chúa, mà là đời sống Ngài, mới là đề tài quan trọng, thì các tác giả sách Phúc âm đã làm một chuyện ngược đời khi họ kể rất vắn tắt các biến cố trong đời sống của Chúa, nhưng lại mô tả rất chi tiết các sự việc liên quan đến sự chết Ngài. Tác giả Phúc âm Giăng, sau khi ghi lại những câu chuyện và lời đàm thoại không có ghi trong Ma-thi-ơ, Mác và Lu-ca, đã dành ra 10 chương trong 21 chương sách của ông mô tả những biến cố dẫn đến thập tự giá và sự sống lại của Chúa.

Phao-lô lấy thập tự giá làm chủ đề

cho bài giảng đầu tiên và các bài giảng khác của ông (I Cô 15: 1-3). Cũng như Phi-e-rơ vào ngày lễ Ngũ Tuần, Phao-lô nhấn mạnh rằng sự chết của Chúa là “Theo lời Kinh Thánh”

TIÊN TRI VỀ SINH TẾ (Prophecy Concerning the Sacrifice)

Hơn một phần ba Kinh Thánh là lời tiên tri lấy Đấng Cứu thế làm chủ đề trung tâm. Hãy để ý tương quan giữa Cựu Ước và sách cuối cùng của Tân ước: một bên nói tiên tri về Đấng Cứu Thế và Vua sẽ đến; bên kia nói về Đấng Cứu Thế và vua đã được vinh quang. Có ba phương thức tiên tri về công tác của Đấng Cứu thế.

Bằng Biểu Tượng (By symbol)

Khi Phao-lô nói rằng “luật pháp là thầy giáo dẫn chúng ta đến cùng Đấng

Christ” (Ga-la-ti 3: 24), ông kể luôn cả những nghi lễ trong luật pháp. Sự đổ huyết một con vật hy sinh dâng lên để chuộc tội lỗi, là biểu hiệu cho Sinh tể Vĩ Đại (Lê vi 1: 2, 11, 15; 8: 15) và là một nhắc nhở thường xuyên một chân lý đối trọng là “không đổ huyết thì không có sự tha thứ”(Hê 9: 1-14, 19-22). Chúc vụ thượng tế được lập ra là để thay mặt dân mà dângsinh tể. Vị Thượng Đế vĩ đại là Chúa chúng ta đã dâng chính mình Ngài làm sinh tể chuộc tội một lần đủ cả.

Bảng Kiểu Mẫu (By type)

Người ta nói rằng có 333 hình ảnh về sự chết hy sinh của Chúa được ghi trong Cựu Ước. Từ buổi đầu của lịch sử nhân loại, chỉ những của lễ hy sinh có đổ huyết mới được Thượng Đế chấp nhận. Của lễ của Ca-in vì không biểu trưng cho sự hy sinh mạng sống nên không được chấp

nhận (Hê 9: 22; 11: 4). Chúng ta hãy xét đến hai tiêu biểu nổi bật:

Chiên Con Lễ Vượt Qua

Con chiên con bị giết trong Lễ Vượt qua (Xuất 12: 5-7, 13) là biểu tượng thích hợp cho Sinh Tể Vĩ Đại, tượng trưng cho Chiên con vô tội của Thượng Đế đổ huyết để cứu người khỏi sự chết đời đời. Khi thay thế lễ Vượt qua bằng lễ Tiệc Thánh, chính Chúa Cứu Thế trở thành Chiên con Lễ Vượt qua.

Con Rắn Bằng Đồng

Những con rắn xâm nhập các lều trại Y-sơ-ra-ên tượng trưng cho tội lỗi và những hậu quả chết chóc của nó. Con rắn bằng đồng do Môi-se dựng lên (Dân 21: 9) tượng trưng cho Đấng mang tội lỗi đã “trở nên tội lỗi vì chúng ta” hầu cất

đi hình phạt của tội lỗi chúng ta. Chúa Giê-xu cho thấy rằng đó là hình ảnh của thập tự giá khi Ngài bị treo lên (Giăng 3: 14, 15)

Bằng Ngôn Từ (By Word)

Lời tiên tri cũng là một thứ Phúc âm nữa bổ túc cho bốn sách Ma-thi-ơ, Mác, Lu-ca và Giăng. Trong Tân ước chúng ta chỉ thấy sơ qua những xung đột khủng khiếp của Chúa trên thập tự giá trong Cựu Ước chúng ta thấy được tất cả nỗi bi thống của Ngài. Phúc âm kể cho chúng ta những điều Chúa nói và làm và những sự xảy đến cho Ngài; lời tiên tri cho chúng ta thấy cả nội tâm của Ngài - những tư tưởng, tình cảm của Ngài, và cách Ngài sống như thế nào trước mặt Thượng Đế là Cha Ngài.

Đấng Cứu Thế Bị Đâm (Thi 22: 16;

Xa 12: 10; Lu 24: 40; Giăng 19: 34)

Ở đây vẽ ra hình ảnh linh động của một đám đông kéo đến chân thập tự giá. Họ vây tứ phía, giống như bầy chó dữ ở xứ Palestine gầm gừ vây quanh con mồi của chúng. Tại nơi trung tâm là Đấng Cứu thế với chân tay bị đâm lủng. Nhưng đôi bàn tay mang vết sẹo đó đã giúp cho các môn đệ nhận diện được Chúa mình khi Ngài sống lại. Và rồi một ngày kia sẽ đến lúc người Do Thái dù xưa nay vẫn không nhìn nhận Ngài là Đấng Thiên sai, nhận biết Ngài là Đấng họ đã đâm. Khi biết mình đã lầm qua bao nhiêu thế kỷ. “Chúng nó sẽ thương khóc, như là thương khóc con trai một, sẽ ở trong sự cay đắng, như là người ta ở trong sự cay đắng vì có con đầu lòng”(Xa 12: 10, 11)

Đấng Cứu Thế Khát (Thi 22: 14, 15; 69: 21; Ma 27: 34, 38; Giăng 19: 28, 29)

Giăng kể, “Đức Chúa Giê-xu biết mọi việc đã được trọn rồi, hầu cho lời Kinh Thánh được ứng nghiệm, thì phán rằng: Ta khát”(Giăng 19: 28). Ngài không thốt ra một tiếng nào về sự đau đớn của Ngài cho đến khi Ngài biết rằng những gì Ngài phải làm cho sự cứu rỗi nhân loại đã được hoàn tất. Rồi cả lời tiên tri cũng như lịch sử đều ghi lại một ân huệ duy nhất được ban cho Chúa khi Ngài bị treo trên thập tự giá. Khi Ngài kêu khát, có người đưa cho Ngài một loại ma túy có thể làm giảm cơn đau. Nhưng Chúa đã không chịu uống chất dấm pha mật đắng đó. Ngài đã mang trọn vẹn hình phạt của tội lỗi cho đến cuối cùng.

Đấng Cứu Thế Bị Lột Trần (Thi 22: 17, 18; 34: 20; Lu 23: 34; Giăng 19: 23, 24, 32 - 27)

Quân lính La-mã, một giai cấp thấp

hèn của dân La-mã chuyên nghề đánh cá, đâm chém, ngồi quây quần trước thập tự giá, đánh cá nhau để lấy áo xuống Ngài. dầu những người này chẳng kể gì đến Thượng Đế và Lời Ngài, việc họ làm hôm ấy đã làm ứng nghiệm Lời ấy, và tiên tri đã nói rằng, “Chúng đã chia nhau áo xống ta, lại bắt thăm lấy áo dài ta”.

Ấy vậy mà quyền lực vô hình để họ bắt thăm lấy áo dài Ngài đã ngăn chặn những nhát búa không cho chúng giáng xuống đánh gãy chân Ngài. Không phải chỉ có vị tiên tri tuyên bố sẽ chẳng có xương nào của Ngài bị gãy, mà từ nhiều năm về trước, khi dân Do Thái mới ra khỏi Ai-cập, chiên con của lễ Vượt qua cũng không gãy một xương nào. Khi Chiên con bị giết từ buổi sáng thế trở thành Chiên con lễ Vượt qua, Ngài cần được dâng lên giống như vậy. Ở đây

chúng ta lại thấy sự thần hựu của Thượng Đế, vì nếu Chúa bị ném đá chết, hay chỉ cần một cục đá mà người Do Thái lượm lên để đe dọa Ngài gây thương tích cho Ngài, thì Ngài không còn là Chiên con sinh tể trọn vẹn cho lễ Vượt qua nữa. Như vậy, nhờ thay hình phạt ném đá bằng thập tự giá, mà sự chết của Chúa trở thành tiêu biểu trọn vẹn cho Chiên Con lễ Vượt Qua.

Đấng Cứu Thế Bị Lãng Mạ (Ê-sai 53: 12; Mác 15: 27, 28 ; Lu 22: 37; 23: 34a)

Trong Ê-sai 53 có ít nhất mười lời tiên báo về Vua vinh hiển bị lãng nhục. Con Thượng Đế bị kể vào hàng kẻ dữ, chịu số phận của những phạm nhân. Thế giới chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có một vụ hạ nhục lớn lao như vậy. Nhưng trong nỗi nhục nhã ấy, Ngài đã trở thành

Chúa Cứu Thế của những phạm nhân mà Ngài chung chịu số phận.

DỰ BỊ SINH TẾ

(Provision of the Sacrifice)

Chiên Con Dự Bị Cho Àp-ra-Ham

Một buổi sáng kia, vị thánh tổ râu dài dậy sớm đánh thức cậu con trai, và hai cha con cùng lên đường đi đến ngọn núi Thượng Đế đã chỉ định (Sáng 22: 1-13). Thượng Đế đã ra lệnh cho Àp-ra-ham giết đứa con trai một của mình làm sinh tế dâng lên bàn thờ trên núi. Cuối cùng họ đến nơi. Thử tượng tượng lòng người cha quặn đau như thế nào khi nghe câu hỏi ngây thơ của đứa con, “Cha ơi, củi đây, lửa đây, nhưng chiên con ở đâu để dâng của lễ thiêu?” Áp-ra-ham đã nghẹn ngào đến thế nào khi ông trả lời

đứt đoạn, “Con ơi, chính Đức Chúa Trời sẽ dự bị chiên con”

Chiên Con Dự Bị Cho Thế Gian

Áp-ra-ham đã nói một lời có tính cách tiên tri (Giăng 8: 56). Con dê đực thay cho I-sác là tiêu biểu (type) cho Chiên con của Thượng Đế được cung cấp sau hai mươi thế kỷ (Giăng 1: 29). Con trai của Áp-ra-ham đã thoát chết. Nhưng khi Thượng Đế đưa Con yêu dấu Ngài đến thập tự giá, Ngài đã không giải thoát Con mình khỏi sự chết. Còn có tình yêu thương nào cao cả hơn khi Cha đời đời hy sinh chính Con duy nhất mình trên bàn thờ để chuộc tội cho chúng ta là tội nhân ?

MỤC ĐÍCH CỦA SINH TẾ

(Purpose of the Sacrifice)

Tại sao con Áp-ra-ham được thoát chết, mà Con Thượng Đế lại bị hy sinh? Tại sao Chúa Giê-xu cần phải nhận chịu cái chết đau đớn và nhục nhã ?

Làm Ứng Nghiệm Lời Kinh Thánh
(Lu 24: 25, 26; I cô 15: 3)

Sự hy sinh của Chúa Cứu Thế là cần thiết để làm ứng nghiệm lời Kinh Thánh. Chúa đã tuyên bố như vậy với những người bạn đồng hành trên đường về Em-ma-út. Đó điều Phao-lô viết cho Hội Thánh Cô-rinh-tô. Lời Thượng Đế không thể bị bôi xóa, vì vậy “Chiên con bị giết từ buổi sáng thế “ đến kỳ đã hiện ra để thi hành thánh chỉ bất di bất dịch.

Tính Thánh Khiết Của Thượng Đế (Thi 47: 8; 24: 3; Ê-sai 6: 3)

Trong một bài học trước, chúng ta thấy Thượng Đế là Đấng thánh khiết trọn vẹn, đối với Thượng Đế, tội lỗi dù ở mức độ nào cũng đều ghê khiếp, đen tối, sa đọa. Toàn thể bản tính Ngài đều kinh tởm tội lỗi đến tột cùng. Kinh Thánh dạy rõ rằng những người tội lỗi mà dám mạo hiểm vào trước sự hiện diện thánh của Ngài thì sẽ bị án chết. Một Thượng Đế chính trực không thể bỏ qua tội lỗi. Làm vậy là đi ngược lại tính thánh khiết của Ngài và sẽ tạo nên rối loạn đạo đức trên thế gian.

Tình Trạng Tội Lỗi Của Con Người (Rô 3: 10-20; Ga-la-ti 3: 13, 14)

Mọi người đều phạm tội. Kinh Thánh dạy rõ ràng như vậy. Mọi người đều dự

phần trong sự vi phạm của thủy tổ loài người, vì bất tuân lời Thượng Đế, đã sa ngã khỏi tình trạng thánh khiết khi họ được dựng nên mà đưa cả hậu tự mình vào tình trạng tội lỗi, khốn cùng, đó là nguyên tội. Vì tình trạng tội lỗi của con người mà luật pháp được ban hành. Luật pháp Thượng Đế không giải trừ tội lỗi mà làm cho nó nổi bật hơn. Khi nhìn vào sự thánh khiết của Thượng Đế và tình trạng tội lỗi của con người, một câu hỏi được nêu lên: Thượng Đế có thể bày tỏ tình yêu Ngài cách nào để tính thánh khiết của Ngài không bị chiết giảm khi Ngài ban ơn tha thứ cho tội nhân? Nếu muốn đem con người đến gần Thượng Đế thì phải có cách nào giải trừ tội lỗi, vì dầu rằng Thượng Đế yêu thương tội nhân, Ngài vẫn luôn ghét tội lỗi.

SINH TẾ ĐẾN TỘI

(Rô 3: 25; I Giăng 2: 2; 4: 10)

(Propitiation Through Sacrifice)

Đền chuộc tức là làm thỏa mãn. Ngài thương xót (Mercy seat) che phủ hòm giao ước là tiêu biểu cho Đấng Cứu thế. Tân ước gọi đó là nơi chuộc tội (Xuất 25: 22; Hê 9: 5; Rô 3: 25). Đấng Cứu Thế chết thay cho tội lỗi con người là hành động làm thỏa mãn những đòi hỏi thánh khiết cho công bình của Thượng Đế đối với tội lỗi và tội nhân. Bởi vậy, tất cả những ai đến với Thượng Đế nhờ vào hồng ân của thập tự giá đều được tha thứ tội lỗi, được hưởng sự sống đời đời, và được địa vị trọn vẹn trước mặt Thượng Đế (Công chính hóa). Sự chết của Chúa Cứu Thế là lý do chính đáng để Thượng Đế công chính có thể công chính hóa tội nhân mà

không phải chuốc giảm sự thánh khiết và công chính của Ngài. Hãy luôn luôn nhớ rằng «Chăm về xác thịt nghịch với Đức Chúa Trời» và «chăm về xác thịt sanh ra sự chết» (Rô 8: 6, 7). Thượng Đế không thể nào tiếp xúc với con người trước khi họ được tẩy trừ tội lỗi, và chỉ có huyết Chúa Cứu Thế mới đủ sức làm việc đó.

Đủ Cho Mọi Người (Ê 2: 9)

Chúa nếm sự chết vì mọi người, và mọi tội nhân dù hạng nào, mức độ nào, điều kiện nào cũng đều có thể dự phần hưởng phước lành của công cuộc cứu chuộc. Người Hy lạp chỉ mời những kẻ có văn hóa, người La-mã chỉ kêu gọi những kẻ mạnh, người Do Thái tin rằng chỉ những kẻ có đạo mới được cứu rỗi. Chúa Cứu Thế kêu gọi mọi người hãy đến. “Kẻ nào muốn, hãy nhận lấy nước sự sống cách miễn phí” (Khải 22: 17).

Lời mời dự phần phước lành của sự chết của Chúa có tính cách phổ cập cho mọi người.

Có Hiệu Quả Cho Người Tin

Thượng Đế tối tôn ban lệnh ân xá cho tội nhân bất xứng, có quyền đặt điều kiện cho ai muốn được hưởng. Cần phải nhận lấy ơn ban của Thượng Đế mới được. Sự cứu rỗi do sự chết hy sinh của Chúa Cứu Thế đem lại, là vô giới hạn, nhưng chỉ kẻ nào tin và nhận lấy thì mới được cứu (Giăng 3: 18; 5: 40)

QUYỀN NĂNG CỦA SINH TẾ (The Power of the Sacrifice)

Hầu như không thể nào đo lường hết kết quả sâu xa của sự chuộc tội. Mọi phước lành vật chất cũng như tinh thần đến với con người trong lịch sử thế giới

đều do sự chết của Chúa đem lại. Không có nó, Thượng Đế không thể ban phước, vì rằng con người, do tội lỗi họ, đã đánh mất quyền hưởng phước của Thượng Đế. Phải dành cả cõi đời đời tìm hiểu mới thấy hết ý nghĩa của sự hy sinh vĩ đại. Hãy quan sát quyền năng của nó trên tội lỗi.

Cứu Khỏi Hình Án Tội Lỗi (Rô 3: 24; 5: 1; 8: 1; Tít 2: 14)

Chúa Cứu Thế đã chết thay chúng ta trên đồi Can-va-ry, chịu hình phạt tương xứng với tội lỗi chúng ta, hầu cho chúng ta được cứu khỏi tội và hình phạt của tội nhờ lòng tin nơi Ngài.

Bảo Vệ Quyền Năng Tội Lỗi (Rô 6: 6 - 18; 8: 12)

Dầu Sa-tan không thể thay đổi vận mạng của người tin, nó vẫn có thể cám dỗ họ phạm tội. Nhưng có “quyền trong huyết” Chúa Giê-xu để giúp cho người tin thắng hơn sự cám dỗ (Hê 2: 18). Tội lỗi không còn quyền thống trị trên người nữa (Rô 6: 12-18)

Phân Cách Khởi Sự Hiện Diện Của Tội Lỗi (Khải 21: 27)

Người tin Chúa có thể vững vàng trông đợi được vào ở thánh khiết, hạnh phúc, nơi tội ác không thể đến gần được. Có được một chỗ ở mà họ chẳng đáng được như vậy là nhờ sự chết của Chúa Cứu Thế.

CHƯƠNG 9

SỰ PHỤC SINH CỦA CHÚA CỨU THẾ

(The Resurrection of Christ)

Sự phục sinh của Chúa Cứu Thế là một sự kiện lịch sử có nhiều bằng chứng xác thực hỗ trợ. Mọi người dân Anh đều tin rằng vào năm 80 trước Chúa, Hoàng Đế La-mã Julius đã mang hai đạo quân đến đổ bộ tại bờ biển Kent nước Anh. Không ai nghi ngờ gì về điều đó cả. Nếu bảo rằng hễ ai tin những sự kiện đó sẽ được cứu rỗi đời đời, thì các

nhà sử học sẽ chịu ngay. Thế mà bằng chứng lịch sử của nó vẫn chưa đầy đủ, thuyết phục mạnh mẽ cho bằng chứng có cho biết Chúa đã chết và sống lại. Mọi người Mỹ đều tin rằng phải có cái gọi là bản Tuyên Ngôn Độc Lập. Tại sao? Bởi vì George Washington, Thomas Jefferson và những người đồng thời của họ đều nói như vậy. Kể từ năm 1776, mọi người Mỹ đều ăn mừng lễ độc lập vào ngày 4 tháng 7. Dấu sự phục sinh của Chúa Giê-xu xảy ra từ nhiều thế kỷ trước khi ký kết Bản Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ, ngày nay lễ Phục sinh được nhiều người giữ hơn là lễ Độc lập. Điều ý nghĩa hơn hết là không hề có một lời tiên tri nào nói về Hoàng đế Julius xâm chiếm Anh Quốc, hay Hoa Kỳ giành được độc lập. Lời tiên báo về sự phục sinh của Chúa Giê-xu, cùng với nhiều bằng chứng hùng hồn, như lời chứng của những người được

thấy tận mắt và những bối cảnh quan trọng, đã khiến cho nó trở thành một sự kiện được xác minh hơn hết trong lịch sử.

BẰNG CHỨNG VỀ LỜI TIÊN TRI ĐƯỢC ỨNG NGHIỆM

(The Evidence of Fulfilled Prophecy)

Những Lời Tiên Báo Trong Cựu Ước

Không có lời tiên tri nào trong Kinh Thánh được chú ý nhiều bằng lời tiên tri về sự chết và phục sinh của Chúa. Có ít nhất hai mươi lăm lời tiên tri Cựu Ước được ứng nghiệm trong một ngày.

Những Lời Tiên Báo Đặc Biệt (Ps. 16: 10; Isa 53: 9)

Ê-sai nhận được một khái tượng về

sự chôn Chúa. Dầu Ngài chết với kẻ ác, và theo diễn biến thông thường thì Ngài bị chôn chung với họ tại nơi đóng đinh, nhưng lạ thay vị tiên tri lại tuyên bố Chúa Cứu Thế được hưởng nghi thức đám tang của nhà giàu. Sau khi Giu-đa phản Chúa, ông ta ăn năn và đem tiền thưởng trả lại cho các viên chính tể. Dầu số tiền đó đã được dùng để mua một đám đất dành chôn những kẻ vô thừa nhận (Ma 27: 3-8), nhưng xác Chúa đã không được đem chôn tại đó. Giô-sép người làng A-ri-ma-thê là một kẻ giàu có, đã đến với Phi-lát xin lãnh xác Chúa, và đã sắm sửa nghi thức tống táng chỉ dành cho bậc danh vọng quyền quý. Người môn đệ thế lực giàu có này đã lo cho Ngài y như là lo cho con ruột mình vậy (Ma 27: 57 - 60).

Từ lâu trước khi Ê-sai thấy Chúa chết chung với kẻ ác và được chôn với

kẻ giàu, Đa-vít đã nói rõ về sự phục sinh của Ngài: “Vì Ngài chẳng để linh hồn tôi trong âm phủ, cũng chẳng để cho Đấng Thánh Ngài thấy sự hư nát đâu” (Thi 16: 10). Chúa chúng ta phải vào âm phủ (Sheol: nơi người chết), nhưng chỉ một thời gian ngắn thôi. Thân xác Ngài bị tạm giam nơi phần mộ. Nhưng không bị hư nát. Sự chết và cõi chết không thể giữ được người. Nói cách khác, Chúa Giê-xu phải bị chôn một thời gian đủ lâu để xác quyết rằng Ngài đã chết thật, nhưng không quá lâu để xác Ngài phải “Thấy sự hư nát”. Chữ “ngày thứ ba” thường được nhắc tới là một chữ rất có ý nghĩa ở đây. Nên nhớ rằng, La-xa-rô được Chúa kêu sống lại sau khi nằm trong mộ bốn ngày và bắt đầu rửa nát (Giăng 11: 39). Nhưng Chúa đã ra khỏi mộ sau ba ngày, trước khi thể xác Ngài có những dấu hiệu tan rã.

Những Tiêu Biểu Của Kinh Nghiệm Cá Nhân (Types of Personal experience) (Ma 12: 40; Hê: 11: 17-19)

Kinh nghiệm của I-sác không tiêu biểu cho sự chuộc tội mà tiêu biểu cho sự phục sinh của Chúa Giê-xu. Từ lúc Áp-ra-ham vâng lệnh Thượng Đế dâng I-sác lên làm sinh tế, thì I-sác coi như đã chết. Người cha quyết ý vâng thiên mệnh, vì tin rằng “Đức Chúa Trời có quyền khiến kẻ chết sống lại; cũng giống như từ trong kẻ chết người được lại con mình”. Vào “ngày thứ ba” (Sáng 22: 4) Thượng Đế đã can thiệp đương lúc Áp-ra-ham dâng tế, và ban một chiên con thay thế để hoàn lại người con cho cha chàng.

Kinh nghiệm của Giô-na còn tiêu biểu cho sự phục sinh của Chúa nhiều hơn nữa. Khi người Pha-ri-si và Sa-đu-sê đòi một phép lạ đặc biệt để cho thấy

Ngài là Đấng Thiên sai, Chúa Giê-xu đã tuyên bố rằng như Giô-na ở trong bụng cá ba ngày ba đêm, thì Con người cũng sẽ ở trong lòng đất ba ngày ba đêm”. Vị giáo sư thông minh bậc nhất đã áp dụng phương pháp gián tri (apperception), dùng cái đã biết để dạy cái chưa biết. Chúa không thể nào dùng một huyền thoại phổ thông mà thuyết phục được những người Do Thái vô tín kia chịu tin rằng Ngài sẽ bị chôn và sống lại. Theo kỹ thuật của các sách Phúc âm thì cả các môn đệ và người Do Thái đều tin chuyện Giô-na là có thật, nhưng họ lại không muốn tin rằng Chúa sẽ sống lại.

Những Lời T Iên Báo Trong Tân Ước:

Tất cả những lời này đều do Chúa nói ra. Lời đầu tiên Chúa nói từ lúc khởi đầu thánh vụ, lời cuối cùng nói ra trong cuộc hành trình về Giê-ru-sa-lem chỉ vài

tuần trước vụ xử thập hình.

Lời Tiên Tri Đầu Tiên (Giăng 2: 18-22)

Vào dịp lễ Vượt qua của dân Do Thái, Chúa đã nổi giận đuổi những kẻ đem hàng hóa vào trong cổng Đền thờ bán cho khách thập phương về dự lễ. Khi người Do Thái đòi Chúa cho một dấu lạ để chứng tỏ Ngài có quyền hành động như vậy, thì Ngài tuyên bố rằng Ngài có quyền sống lại từ trong cõi chết: “Hãy phá hủy đền thờ này đi, trong ba ngày ta sẽ dựng nó lại”. Ngay lúc đó, không ai hiểu Ngài nói gì, nhưng sau khi Ngài sống lại, các môn đệ nhớ lại chuyện này và biết rằng “Ngài nói về đền thờ của thân thể mình”

Lời Tiên Tri Thứ Hai (Ma 16: 21; Mác 8: 31; Lu 9: 22)

Sau đó khoảng một năm, lúc thanh danh Chúa đang nổi như cồn, Chúa mới vừa cho năm ngàn người ăn và dân chúng muốn ép Ngài làm vua, Ngài đã nói ngay lời tiên tri này. Thủ tướng tượng các môn đệ sửng sốt đến bậc nào khi nghe vị lãnh tụ lừng danh của mình «Sẽ chịu đau đớn dưới tay các trưởng lão, các thầy tế lễ cả và các thầy thông giáo, và sẽ bị họ giết chết». Không lạ gì Phi-e-rơ đã phản đối. Họ quá buồn và hoang mang khi nghĩ đến cái chết của Chúa đến nỗi chẳng còn để tâm tới Lời Chúa quả quyết Ngài sẽ sống lại nữa.

Lời Tiên Tri Thứ Ba (Ma 17: 9; Lu 28-31)

Sau-lời tuyên bố về sự chết đau buồn của Ngài, Chúa đã làm phẫn chấn tinh thần ba môn đệ mình khi Ngài hé cho họ thấy vinh quang của Ngài trên Núi Hóa

Hình. Mô-i-se và Ê-li đã hiện ra đàm đạo với Chúa, và lạ thay, đề tài là «Sự chết Ngài sẽ chịu tại Giê-ru-sa-lem» (Lu 9: 31) một đề tài mà các môn đệ chẳng ưu chút nào. Cuộc hội nghị ly kỳ đó chẳng những để nhắc lại lời tiên tri về sự chết Ngài, mà còn cho Phi-e-rô, Giăng và Gia-cô thấy được tầm quan trọng của thập tự giá trong chương trình của Thượng Đế. Khi họ xuống núi, Chúa nhắc cho môn đệ biết rằng Ngài sẽ sống lại từ cõi chết khi Ngài dặn họ đừng nói cho ai biết câu chuyện cho đến khi Ngài phục sinh (Ma 17: 9)

Lời Tiên Tri Thứ Tư (Ma 17: 22, 23; Mác 9: 31; Lu 9: 43-45)

Mặc dầu đã chứng kiến những điều ly kỳ trên núi, các môn đệ vẫn chưa sẵn lòng chấp nhận lời tuyên bố của Chúa. Một lần nữa Chúa buộc lòng phải nói

trắng ra những biến cố sẽ xảy đến. Nhưng các môn đệ lại cũng chẳng chịu hiểu hết. Khi họ hiểu ra rằng Chúa phải chịu chết, thì «họ buồn rầu hết sức» nhưng họ vẫn chưa hiểu Ngài muốn nói gì khi nói Ngài «sẽ sống lại»

Lời Tiên Tri Thứ Năm (Ma 20: 18, 19; Mac 10: 34; Lu 18: 33)

Bây giờ đã sắp đến lúc biến cố tối trọng sẽ xảy ra. Ngài chuẩn bị dự lễ Vượt qua tại Giê-ru-sa-lem. Nhưng không như những lần lễ khác, lần này đưa Ngài đến sự chết và sống lại. Một lần nữa Ngài đề cập đến vấn đề này, nhưng môn đệ cũng vẫn chưa thấu triệt được. Ngài gần như không nói gì về thập tự giá và ngôi mộ trống, khi bà mẹ của Gia-cơ và Giăng xin cho các con mình được giữ ngôi vị hàng đầu trong thiên quốc. Tâm trí họ chỉ nghĩ đến ngôi vua và uy quyền của Ngài.

Họ muốn chung hưởng phần thưởng với Chúa nhưng lại không hiểu rằng họ phải dự phần đau đớn với Ngài.

LỜI CHỨNG CỦA NHỮNG NGƯỜI THÂN CẬN

(The Testimony of the Astonished Friends)

Những bạn thân nhất của Chúa cũng không ngờ rằng Chúa sẽ sống lại. Họ cho rằng lý tưởng của mình đã chấm dứt nơi thập tự giá.

Các Bà (Mác 16: 1-11; Lu 24: 1-11; Giăng 20: 11-18)

Bà Ma-ri Ma-đơ-len đi ra mộ là để khóc Chúa, không phải để đón Ngài. Các bà hỏi mau, “Ai lăn tảng đá cho chúng ta

bây giờ? “Họ ngạc nhiên vì thấy nó đã lăn đi mà ngôi mộ thì trống trơn. Chỉ sau khi Chúa hiện ra cho Ma-ri Ma-đơ-len, và thiên sứ nhắc cho các bà nhớ lại lời Chúa thường nói trước cho các bà rằng Ngài sẽ sống lại, các bà mới chịu tin là chẳng có ai đến ăn cắp xác Ngài cả.

Các Môn Đồ (Lu 24: 13-31; Giảng 20: 1-10; 24 - 48)

Sau khi tin rồi, các bà vội chạy đến báo cho các môn đệ khác, nhưng “các sứ đồ không tin, cho lời ấy là hư không” (-Lu-ca 24: 11). Chỉ sau khi Phi-e-rơ và Giảng chạy đến ngôi mộ trống thấy vải liệm bỏ lại, họ mới tin là không thể có việc lấy cắp xác được. Hai người đồng hành với Chúa trên đường về Em-ma-út đã không hề ngờ là Ngài đi với mình cho đến khi họ mở mắt thấy Ngài lúc Ngài bẻ bánh rồi biến mất. Ngay cả khi

Chúa xuất hiện giữa vòng các môn đồ, con người đa nghi Tô-ma cũng tưởng mình thấy ảo giác. Nhưng khi Chúa bảo ông hãy đặt ngón tay lên dấu đinh Ngài và bàn tay lên sườn Ngài, ông đã kêu lên, “Lạy Chúa tôi và Đức Chúa Trời tôi”

Thái độ không tin của các môn đệ đã đánh đổ lý thuyết cho rằng việc Chúa sống lại chỉ là sản phẩm tưởng tượng của những môn đệ quá mong đợi bốn chôn. Khi nghe các bà báo tin, các sứ đồ đã không ngần ngại cho đó là chuyện hão huyền. Đã không hề nghĩ tới thì làm sao họ có thể tưởng tượng ra được? Phi-e-rơ từng sợ sệt một cô đầy tớ gái trước khi Chúa bị đóng đinh, đã trở thành can đảm như sứ tử vào ngày lễ Ngũ Tuần. Chắc chắn phải có một cái gì phi thường xảy ra trong khoảng thời gian đó. Lòng nhiệt thành của các môn đệ khiến họ

không chịu lùi bước trước mọi hãm hại giết chóc, không thể nào dựa trên một chuyện họ bịa đặt ra. Chúa phục sinh đã trở thành đề tài giảng dạy chính yếu của họ.

Một Học Giả Lỗi Lạc (I Cô 15: 1-9)

Có một học giả lỗi lạc thời đó đã không chịu chấp nhận những lời chứng nhiệt thành của các sứ đồ. Ông cho chuyện Chúa phục sinh chỉ là trò dối trá. Ông còn đi xa hơn, bắt bớ những người rao giảng chuyện đó. Nhưng một ngày kia, thái độ ông bỗng thay đổi hoàn toàn. Từ trên trời, Chúa phục sinh đã gọi ông hỏi vì lý do gì mà ông thù ghét hãm hại Ngài như vậy. Vị học giả người Tạt sơ biết ngay rằng Chúa đã sống lại. Ông đã thấy vinh quang Ngài, đã nghe tiếng Ngài, và rồi từ đó trở đi ông hiến trọn đời mình

ra đi làm chứng lại điều mình đã nghe và thấy.

Nhưng vị sứ đồ mới này không chỉ bằng lòng nhắc lại những điều mình đã nghe và thấy. Bộ óc học giả của ông đòi hỏi ông điều tra mọi bằng chứng về sự sống lại của Chúa để viết thành những luận chứng không thể phi bác được cho mai hậu. Ông phỏng vấn Phi-e-rơ và Giăng. Ông hỏi Giaca, em của Chúa. Ông gặp các bà đã từng đi theo Ngài. Ông viếng thăm Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, những người Chúa đã tập hợp lại sau khi Ngài sống lại. Những bằng chứng ông sưu tập được rất là hùng hồn đến nỗi khi ông đem trưng ra trước một số nhà trí thức ở các thành phố dân ngoại, họ đã chấp nhận. Hàng ngàn người trong số những người tin lời giảng của Phao-lô đã có thể kiểm chứng lại lời ông, và cũng như ông,

họ có thể phỏng vấn những người chứng kiến Chúa phục sinh vẫn còn sống lúc bấy giờ.

BẰNG CHỨNG CỦA NHỮNG KẺ THÙ CỦA CHÚA

(The Evidence of Christ's Enemies)

Biện Pháp Bảo Đảm Chúa Đã Chết Thật (Giăng 19: 31-37)

Khi bị xử thập hình, nạn nhân chết từ từ, đôi khi thoi thóp suốt ba mươi tám tới bốn mươi tiếng đồng hồ mới tắt thở. Sử gia Josephus của Do Thái có kể lại chuyện một trong ba người bạn của ông bị treo trên thập tự giá một thời gian, sau khi được ông xin tha cho, đã bình phục trở lại. Trường hợp này khiến cho nhiều người lý luận rằng Chúa chỉ ngất đi thôi,

sau đó đã sống lại nhờ hơi mát trong hang mộ.

Người Do Thái lúc bấy giờ không muốn thấy ba phạm nhân vẫn bị treo trên thập tự giá vào ngày Sa-bát. Theo luật của họ, họ buộc phải chôn phạm nhân cùng trong ngày xử tử. Chính vì lý do đó, vào buổi chiều trước ngày Sa-bát, họ đã xin Phi-lát cho lính hoàn tất cuộc hành quyết. Lập tức hai tên trộm bị đưa về bên kia thế giới, nhưng đến Chúa Giê-xu, bọn lính La-mã thấy Ngài đã chết, và để cho chắc ăn, họ đâm vào hông Ngài một mũi giáo. Như vậy, sự chết của Ngài đã được kẻ thù khẳng định, và những người chứng không hề có ý định kiến trước, vì nhiệm vụ của họ chỉ là thi hành mệnh lệnh.

Biện Pháp Canh Gác Ngôi Mộ (Ma 27: 62 - 66)

Bằng chứng mạnh mẽ nhất của Chúa sống lại là xác Ngài không còn nữa. Xác đó đi đâu? Các môn đệ không lấy đi. Họ không thể nào lấy được. Họ không hề nghĩ đến chuyện đó. Người Do Thái cũng không lấy đi. Trái lại, họ làm hết cách để ngăn ngừa xác Ngài bị lấy cắp, vì họ nhớ Chúa có nói rằng sau ba ngày Ngài sẽ sống lại. Để cho các môn đệ hết đường phao đồn bậy bạ những viên chánh tế và người Pha-ri-si đã thỉnh cầu Phi-lát cho niêm phong ngôi mộ và đặt lính canh gác. Mục đích là để ngăn chặn không cho môn đệ đụng tới xác Ngài. nhưng chúng ta đã thấy, các môn đệ không hề có ý định đó.

Biện Pháp Hồi Lộ Nhà Chức Trách
(Ma 28: 11 - 15)

Thử tưởng tượng bọn thù nghịch sửng sốt ra sao khi nghe đám lính kể lại

vụ động đất và có nhân vật siêu nhiên xuất hiện lăn tảng đá khổng lồ đi như mở cánh cửa, khiến họ hoảng sợ bỏ chạy trốn.

Kẻ thù của Chúa bây giờ chỉ còn có thể làm được một việc. Họ hối lộ đám chức quyền La-mã, dặn họ “hãy nói rằng: Môn đồ nó đã đến lúc ban đêm, mà lấy trộm nó đi. Nếu điều ấy thấu tai quan tổng đốc, thì chúng ta sẽ khuyên giải người, và làm cho các người khỏi lo sợ. Mấy tên lính đó lấy bạc, và làm theo như lời: Các chức sắc tôn giáo đã tung tin đó ra để giải thích sự phục sinh của Chúa bằng cách đổ cho môn đệ đến lấy xác Ngài đi. Hành động của họ đã ứng với Lời Chúa đã nói, “dầu có kẻ chết sống lại” đến nói, họ không tin (Lu 16: 31)

BẰNG CHỨNG CỦA NHỮNG NHÂN CHỨNG VÔ TƯ

(The Evidence of the Impartial Witnesses)

Lời Chứng Của Ga-ma-li-ên (Công
5: 34-40)

Lời giảng về Chúa phục sinh đã tác động mạnh mẽ trên dân chúng Giê-ru-sa-lem đến nỗi Ga-ma-li-ên, một vị luật sư nổi tiếng, đã bảo nhà cầm quyền, để mặc họ đi. Vì nếu mưu luận và công cuộc này bởi tay người ta, thì sẽ tự hư đi, nhưng nếu bởi Đức Chúa Trời mà ra, thì các người phá diệt những người đó chẳng nổi, và lại là liều mình đánh giặc cùng Đức Chúa Trời.

Nhưng người ta chẳng để mặc các sứ đồ, cứ tiếp tục săn đuổi, hãm hại, và giết

chết họ. Dầu vậy công việc họ không tự hư đi. Hàng triệu người nam nữ già trẻ đã được phước nhờ niềm tin nơi sự phục sinh

Hội Thánh Là Chứng Cớ

Hội Thánh Chúa là một bằng chứng lớn lao cho sự phục sinh của Chúa. Sức sống truyền giáo của họ do đâu mà có? Hoĩ đã nhận được nơi Chúa phục sinh, Đấng đã truyền cho họ, «hãy đi khắp thế gian giảng Tin Lành cho mọi người.» Họ đã đem cho thế gian tin mừng gì? Tin Mừng của sự phục sinh: «Nếu miệng người xưng Chúa Giê-xu là Chúa.. .. người sẽ được cứu »(Rô-ma 10: 9). Hội Thánh Chúa đã được thiết lập trên nền tảng tín điều đó.

Ngày Chúa Nhật Là Chứng Cớ

Tại sao thờ phượng Chúa vào ngày đầu của tuần lễ lại là bằng chứng cho sự phục sinh của Chúa? Từ nhiều thế kỷ, dân Do Thái công nhận ngày thứ bảy trong tuần (sa-bát) là ngày nghỉ ngơi và thờ phượng. Nhưng khi Hội Thánh được thành lập, các tín hữu bắt đầu thờ phượng vào ngày đầu tuần lễ để kỷ niệm sự phục sinh của Chúa, và từ đó họ giữ ngày Chúa nhật thay thế cho ngày thứ bảy.

Lễ Phục Sinh Là Chứng Cớ

Ôu khắp mọi nơi, từ Âu Châu, Mỹ Châu, Uúc Châu, cho đến Á Châu, Phi Châu, nơi có hàng triệu người không thù chẳng bạn gì với Chúa, đều giữ lễ Phục sinh. Đó là chứng cớ hiển nhiên nhất cho sự phục sinh. Nếu Chúa không sống lại, nếu chẳng có hy vọng sống lại, thì người ta làm rầm rộ lễ này lên để làm

gì? Tất cả thế giới văn minh khi viết đến năm này đều đề là 19.. . được hiểu là 19.. .. năm sau Chúa. Tại sao không ghi năm sau Alexander Đại đế, hay Julius Ceasar, những vĩ nhân đã từng làm thay đổi giòng lịch sử và tạo ra cuốn lịch sử cho thế giới. Chỉ có một giải thích là Chúa Giê-xu chính là con Thượng Đế, và Ngài đã từ cõi chết sống lại, đúng như lời những nhân chứng đáng tin đã thuật lại. Mỗi lần đề ngày là một lần nhắc lại chúng có Ngài phục sinh.

CHƯƠNG 10

SỰ TÁI LÂM VÀ NGỰ TRỊ CỦA CHÚA CỨU THẾ

(The Return and Reign of Christ)

Khi nhấn mạnh về sự chết hy sinh của Chúa Cứu Thế, nhiều người đã giảm bớt tầm quan trọng của việc Chúa tái lâm để ngự trị trên đất. Có người cho rằng Chúa sinh ra để làm vua dân Do Thái, nhưng đã bị dân Ngài khước từ, nên Hội Thánh đã thế chỗ cho họ. Người khác thì cho rằng vương quốc Ngài chính là Hội Thánh. những quan

điểm đó không đúng với lời dạy của Kinh Thánh. Chúa là Đấng Cứu Thế và cũng là vua. Sau khi đã dâng Đại Tế Lễ Chuộc tội, vị Thượng tế hiện nay đang ở thiên đàng.

Chúng ta chờ đợi Ngài đến với nước Ngài trong tương lai để làm vua. Phi-e-rơ cho chúng ta biết rằng các vị tiên tri Cựu Ước rất hoang mang, vì Đức Thánh Linh cho họ biết về “sự đau đớn của Đấng Christ và về sự vinh hiển sẽ theo sau” (I Phi 1: 10, 11). Họ không thể hiểu làm sao Đấng Thiên sai lại có thể vừa là Sinh tể vừa là vua. Họ không thể tưởng tượng nổi sẽ có một khoảng thời gian dài xen vào từ lúc Chúa bị đóng đinh cho đến khi Ngài được tôn vương, lúc ấy Hội Thánh -- một bí mật chưa hề tỏ ra cho các vị tiên tri -- sẽ hành động để hoàn thành mục đích của mình. Mãi cho đến lúc

Chúa hóa hình mới có tia sáng đầu tiên cho thắp mắc đó. Sai khi Chúa tiết lộ cho môn đệ biết Ngài sẽ chết, Ngài đã cho ba người được đặc ân hé thấy “sự vinh hiển theo sau”, trên đỉnh Núi Hóa Hình. Chúa cho biết quang cảnh đó là viễn tượng của “nhân tử (Con người) đến trong nước mình.” (Ma 16: 28). Về sau Phi-e-rơ đã liên kết biến cố đó với “sự đến của Đức Chúa Jêsus Christ chúng ta” là biến cố còn ở trong tương lai (II Phi 1: 16-18)

SỰ TÁI LÂM CỦA CHÚA

(The Return of Christ)

Chắc Chắn Chúa Sẽ Đến (Ma 24: 29, 30; Mác 14: 62; Lu 17: 24, 25; 21: 25, 27; I Tê 4:13 - 18; Hê 9: 28)

Không dưới ba trăm chỗ trong Tân

ước đề cập đến sự tái lâm của Chúa Cứu Thế. Chính Chúa nói rõ ràng, và các tác giả Tân ước đều có nói đến, còn sách Khải huyền “vén màn” cho thấy vinh quang của Ngài. Các lời tiên tri cho biết chắc sẽ có cơn đại nạn và những biến cố khác xảy ra để dọn đường cho Chúa tái lâm, nhưng không cho biết đích xác Chúa sẽ đến ngày giờ nào. Chữ “thức canh” thường được dùng trong Tân ước dạy cho chúng ta lúc nào cũng phải coi như Chúa tái lâm đến nơi.

Chúa Sẽ Đích Thân Đến (Xa 14; 4; Công 1; 11; Khải 1: 7)

Bốn mươi ngày sau khi Chúa sống lại, Ngài nói chuyện với một nhóm môn đệ. Đang khi họ còn nhìn Ngài, thì hình linh Ngài được cất lên trời, và được một đám mây tiếp đi khuất mắt. Trong lúc các môn đồ còn nhìn lên trời ngơ ngẩn, thì

có hai thiên sứ đến nói với họ.”Hỡi người Ga-li-lê, sao các người đứng ngóng lên trời làm chi ? Jêsus này đã được cất lên trời khỏi giữa các người, cũng sẽ trở lại như cách các người thấy Ngài lên trời vậy? (Công 1; 11)

Khi các môn đệ cảm thấy bơ vơ mất mát, lời hứa này đã đến với họ. Nó cũng đến với chúng và những kẻ tin ở mọi thời đại, như một lời đoan quyết rằng Chúa sẽ thật sự trở lại. Ngài đã thăng thiên từ trái đất, thì Ngài sẽ trở lại trên trái đất: “trong ngày đó, chơn Ngài sẽ đứng trên núi Ôlive, là núi đối ngang Giê-ru-sa-lem về phía đông”. (Xa 14: 4) Chúa đã là họ trong một thân thể thật, thì Ngài sẽ trở lại trong một thân thể thật, một thân thể phục sinh, vinh hiển. Chúng ta có thể nhận ra Ngài cũng như Thô-ma đã nhận ra Ngài khi Ngài đưa cho ông xem

dấu đinh trên bàn tay Ngài.

Mọi mắt sẽ trông thấy Ngài rõ ràng khi Ngài giáng lâm từ trời. “Kìa, Ngài đến giữa những đám mây, mọi mắt sẽ trông thấy, cả đến những kẻ đã đâm Ngài cũng trông thấy, hết thảy các chi họ trong thế gian sẽ than khóc vì có Ngài “ (Khải 1: 7)

Ngài Đến Với Các Thánh (Giu-đe 14, 15; Khải 19: 14)

Khi Nhân tử (con người) ngự đến trên mây trời với uy nghi vinh hiển, Ngài không đến một mình đâu. “Kìa, Ngài ngự đến với muôn vàn thánh”, (Giu-đe 14). Giăng đã thấy điều đó và viết, “các đạo binh trên trời đều mặc vải gai mịn, trắng và sạch, cỡi ngựa bạch theo Ngài “ (Khải 19: 14). Đạo binh đó chắc phải là các thánh gồm cả thời Tân ước và Cựu Ước, và những người bị Con Thú giết

trong Cơn đại nạn. Tất cả đều theo chân Đấng chiến thắng khái hoàn, khi Ngài vĩnh viễn triệt hạ Sa-tan và bè lũ a tòng theo nó, để cai trị trong công chính.

Vị chủ soái cỡi trên lưng ngựa bạch, và các thánh cũng đều cỡi ngựa bạch, vì họ đã nhờ Ngài được công chính, nên họ cũng dự phần chiến thắng, phán xét và cai trị với Ngài. họ không mặc áo giáp, vì họ là bất tử, nhưng mặc vải gai mịn, trắng và sạch, vì áo họ đã được phiếu trắng trong huyết Chiên Con.

Có bao giờ bạn nảy ra ý nghĩ ngộ nghĩnh mình đang thả bước rong chơi trên các đường phố lát vàng hay đang gầy thụ cầm bên giòng sông pha lê ở thiên đàng? Chúng ta được cứu không phải để được ở không đời đời, cũng không phải để làm việc tối tăm mặt mũi như ở đây. Nhưng Thượng Đế có chương trình cho

mỗi chúng ta trong cõi đời đời. Chúng ta không thể nhìn thấu suốt tới lúc đó, nhưng Kinh Thánh cho chúng ta biết các thánh sẽ thi hành những công tác quan trọng trong nước thiên đàng. Ở đây Giăng cho thấy họ dự phần trong cuộc chiến đấu và toàn thắng của nước Chúa. Phao-lô cho biết những người được cứu sẽ được dự phần trong cuộc phán xét thế gian (I Cô 6: 2), Khải huyền cũng cho biết các thánh sẽ ngự trị với Ngài (20: 6) và các tôi tớ Ngài sẽ phụng sự Ngài (22: 3)

Ngài Đến Trong Uy Quyền Và Vinh Quang (Ma 24: 29-31; 26: 64 ; Mác 8: 38; Lu 21: 25-27)

Trên kia chúng ta đã nhắc đến một số đoạn Kinh Thánh nói về sự tái lâm vinh hiển uy nghi của Chúa. Ở đây ta lại xét đến một số đoạn khác. Ma-thi-ơ,

Mác và Lu-ca đều ghi lại lời tiên tri của Chúa cho biết Ngài sẽ trở lại trái đất sau thời kỳ đại nạn, trong vinh quang và uy quyền. Trở lại buổi xét xử từng đưa Con Thượng Đế lên thập tự giá, thầy tế lễ thượng phẩm tìm cách tra gạn, buộc Chúa phải trả lời Ngài có phải là Chúa Cứu Thế Con Thượng Đế không, Chúa đã bảo họ, “Về sau, các người sẽ thấy Nhân Tử ngồi xuống” (Ma 26: 64). Phi-e-rơ nói đến buổi hóa hình đã hé mở cho thấy “quyền phép và sự đến của Chúa Giê-sus - Christ chúng ta” (II Phi 1: 16). Tất cả uy quyền vinh quang đó tương phản hẳn với lần đầu tiên Ngài đến trái đất như là con Loài người.

Thử tưởng tượng những kẻ đã từng coi nhẹ Chúa Cứu Thế bây giờ sẽ có cảm tưởng ra sao ! Thử tưởng tượng nỗi sầu thảm của những kẻ từng mắng nhiếc

Ngài khi Ngài bị treo trên thập tự giá. Giảng nói rằng cả những kẻ đâm Ngài cũng sẽ nhìn thấy Ngài trong giờ phút Khải hoàn của Ngài (Khải 1: 7)

Chẳng những loài người run rẩy sợ sệt trước oai nghi hiển hách của Ngài mà cả vũ trụ cũng rung động. Núi Ô-li-ve bị chẻ làm đôi, đồi núi bị dời đi, các ngôi sao dời chỗ, mặt trời và mặt trăng cũng giấu mặt.

Ngài Đến Để Phán Xét (Thi 2, Sô-phô-ni 1: 14-18; Mat 16: 27; II Tê 1: 7-10; Giu-đê 15)

Tại sao các dân tộc than khóc khi thấy Ngài hiện ra? Tại sao Thượng Đế cười khi “các ngoại bang náo loạn,. . . các vua thế gian nổi dậy, các quan trưởng bàn nghị nghịch cùng nhau, nghịch Đức Giêhôva và nghịch Đấng chịu xúc dầu

của Ngài? Bởi vì Ngài đến trong oai nghi vinh hiển để xét đoán thế gian. Ngài sẽ đập bể những kẻ phản loạn bằng “cây gậy sắt” của Ngài, và “làm vỡ nát” những kẻ vô đạo “khác nào bình gốm” như tác giả Thi thiên đã diễn tả trong lời tiên tri về đấng Thiên sai đến để lập nước Ngài.

Hãy đọc Sô-phô-ni để thấy những lời mô tả linh động lúc Chúa đến “đặng phán xét mọi người, đặng trách hết thảy những người không tin kính về mọi việc không tin kính họ đã phạm, cùng mọi lời sỉ hổ mà những kẻ có tội không tin kính đó đã nói nghịch cùng Ngài” (Giu-đe 15)

Phao-lô viết cho thư tín hữu Tê-sa-lô-ni-ca, “nói rằng “Đức Chúa Jesus từ trời hiện đến... giữa ngọn lửa hùng, báo thù những kẻ chẳng hề nhận biết Đức Chúa Trời, và không vâng phục Tin Lành của

Đức Chúa Giê-xu Christ chúng ta. Họ sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh hiển của quyền phép Ngài “(II Tê 1: 7-9)

Không phải mọi người đều chấp nhận giáo lý về Chúa tái lâm. Người ta ưa nói về người Ga-li-lê hiền từ đã từng sống cuộc đời cao quý trên đất, nhưng không thích nhắc đến vị Đại Thẩm Phán trở lại trong uy quyền để trút đổ cơn phẫn nộ và báo thù thiên thượng trên thế giới tội lỗi. Đấng Cứu Thế sẽ đến để khôi phục mọi phước lành đã bị đánh mất từ khi loài người sa ngã, và mở màn cho thiên nhiên, nhưng trước khi có phước lành thì phải có sự phán xét, và sự công chính sẽ không thể nào phổ cập trên đất khi mà Sa-tan và bè lũ của nó chưa bị triệt hạ hoàn toàn.

ĐĂNG CỨU THẾ TRỊ VÌ (The Reign of Christ)

Ngôi Vua Của Chúa Cứu Thế

Ngôi Vua Đa-Vít (II Sa 7: 10-17; Thi 89: 3; Ê-sai 9: 6; Giê 23: 5; A-mốt 9: 11; Lu 1: 32, 33; Giăng 18: 37; 19: 19-22)

Không có chỗ nào trong Kinh Thánh nói rõ cho bằng lời thiên sứ nói với và Ma-ri rằng Con trẻ “sẽ được xưng là con của Đấng Rất Cao, và Chúa, là Đức Chúa Trời, sẽ ban cho Ngài ngôi Đa-vít là tổ phụ Ngài “. Một ngàn năm trước đó, Thượng Đế đã lập giao ước với vua Đa-vít rằng Ngài sẽ lập nước vua đời đời bởi một lãnh tụ thuộc dòng họ của vua. Các vị tiên tri cũng xác nhận giao ước đó. A-mốt còn nói đến việc khôi phục nhà Đa-vít ngay trong lúc đó đang lung lay sụp đổ. Khi vua Nê-bu-cát-nết-sa bắt cả

vương quốc Giu-đa làm phu tù, ông ta không hề ngờ rằng trong vòng các con cháu hoàng tộc còn sống sót sẽ có một người sinh ra một vị vua còn vĩ đại hơn ông ta.

Trong nhà Đa-vít không có ai xứng đáng kế vị vua hơn Chúa Giê-xu, Ma-thi-ơ 1: 1-16 kể lại tông hệ từ vua Đa-vít đến Giô-sép. Người đáng nối ngôi vua lúc bấy giờ là Giô-sép, người thợ mộc. Nhưng Giô-sép không phải là cha của vị Vua thiên thượng, cho nên không thể xưng quyền nối ngôi qua Giô-sép được. Tuy nhiên, Lu-ca 3: 23 - 31 có cho ta biết gia phả ông của Giô-sép. Tức là cha của bà Ma-ri. Ông cũng là trực hệ của Đa-vít qua Na-than là em của Sa-lô-môn. Như vậy, việc Chúa Giê-xu nối ngôi Đa-vít là danh chánh ngôn thuận và đúng như lời tiên tri đã nói.

Khi Chúa ra đời, các nhà thông thái ở Phương Đông đến hỏi, “Vua dân Do Thái mới sanh ra tại đâu?” Vua Hê rất lo sợ em bé vương tử sẽ đoạt ngôi mình, nên đã tàn sát tất cả hài nhi vô tội tại thành Bết-lê-hem (Ma 2: 1-8, 16)

Ít lâu sau, Giăng Báp-tít tuyên bố rằng «nước thiên đàng đã đến gần». Chính vị Vua đã dùng từ ngữ đó khi công khai khởi sự thánh vụ, và cũng truyền bảo môn đệ giảng dạy như vậy. Tám lần Ngài được xưng là «con vua Đa-vít» và vương quyền của Ngài được xác nhận rõ rệt hơn hết vào tuần lễ cuối cùng của Ngài. Ngài công nhận với Phi-lát rằng Ngài sinh ra là để làm vua, và vị tổng trấn La-mã đã viết tước hiệu ấy bằng ba thứ tiếng, làm vậy ông đã tuyên bố với cả thế giới Chúa Cứu Thế là Vua. Mọi lời hpản đối của dân Do Thái về tấm bảng ấy đều vô

hiệu. Ngay cả khi chết, Ngài cũng được công nhận là Vua.

Ngôi Vua Tại Giê-ru-sa-lem (Ê-sai 24: 23; Giê 3: 17, Giô-ên 3: 16; A-mốt 1: 2; Michê 4: 7)

Một số bản thánh ca và bài giảng ngày nay cho ta cảm tưởng rằng Si-ôn đồng tình với thiên đàng. Tuy nhiên, trong Kinh Thánh, chỗ nào nhắc tới Si-ôn đều xem nói như đồng nghĩa với Giê-ru-sa-lem. Kể từ khi Đa-vít chiếm giữ đồn lũy ở Si-ôn (II Sa 5: 7), rồi đặt hòm giao ước ở đó, tên núi Si-ôn và thành Giê-ru-sa-lem xây trên đó thường được dùng thay cho nhau (Thi 135: 21; Ê-sai 30: 19; Xa: 1-14)

Thiên sứ báo tin cho bà Ma-ri biết rằng con bà sẽ kế tục ngôi vua Đa-vít. Ai cũng biết rằng ngôi vua Đa-vít được

đặt tại Giê-ru-sa-lem. Các vị tiên tri đã tuyên bố như thế, và dân chúng đều tin như thế. Sau khi Chúa hóa bánh cho năm ngàn người ăn, dân chúng tin quả quyết rằng Ngài là Đấng Thiên sai phải đến, nên cố ép Ngài lên làm vua (Giăng 6: 14, 15)

NƯỚC CỦA CHÚA (the Kingdom of Christ)

Nước Phổ Thông (Universal Kingdom) (Thi 72: 8-11, Đa 2: 44; 7: 14; Xa 14: 9; Khải 11: 15)

Nước này không bị giới hạn trong lãnh thổ của vua Sa-lô-môn Chúa không phải chỉ cai trị một dân tộc Do Thái thôi. “người sẽ quản hạt từ biển này đến biển kia.. . Các vua Tê-rê-si và những cù lao sẽ

cống thuế cho người. Vua Sa-ba và vua Sê-ba sẽ cống lễ cho người.. .. Hết thấy các vua sẽ sắp mình trước mặt người; các nước sẽ phục sự người “

Các đế quốc Ba-by-lôn, Ba-tư, Hy-lạp, La-mã thiết lập những vương quốc thế giới, nhưng mấy chục thế kỷ trôi qua, không một nước nào kiểm soát được cả thế giới. Ma-hô-mét và Nã-phá-luân đều đã thử nhưng chưa ai có thể chinh phục được cả thế giới. Những lời tiên tri rải rác trong Kinh Thánh cho biết trước rằng Thượng Đế trên trời sẽ dựng nên một nước không một ai tiêu diệt nay chiếm hữu được, trái lại nó sẽ gòm thâu tất cả mọi nước.

Nước Bình An (Peaceful Kingdom)

Vua hòa bình sẽ ngự trên ngai, và kết quả sẽ là:

Giải Trừ Vũ Khí (Ê-sai 2: 4; Michê 4: 3)

Thế giới không thể nào tránh được hiểm họa chiến tranh khi các quốc gia cứ tiếp tục tích vũ khí để tiêu diệt lẫn nhau. Vua hòa bình sẽ đoán định các nước mạnh ở phương xa, và họ sẽ lấy gươm rèn lưỡi cày, lấy giáo rèn lưỡi liềm và người sẽ không còn xâu xé bắn giết nhau, tập luyện chiến tranh nữa.

Mọi Người Đều Hiểu Biết Thượng Đế (Giê 31: 34; Ha 2; 14)

Trong thời đại Chúa trị vì, người ta sẽ nhận biết Ngài và hiểu Ngài thật trọn vẹn, do đó mọi người sẽ hiểu biết Thượng Đế. “Sau những ngày đó, ta sẽ đặt luật pháp ta trong bụng nó và chép vào lòng. Ta sẽ là Đức Chúa Trời chúng nó, chúng nó sẽ làm dân ta.. . Chúng nó thấy đều

sẽ biết ta, kẻ nhỏ cũng như kẻ lớn.” (Giê 31: 33, 34). Trong Tân ước, sứ đồ Phao-lô cũng nói tới ngày này, khi “nghe đến danh Đức Chúa Jêsus, mọi đầu gối trên trời, dưới đất, bên dưới đất, thảy đều quỳ xuống, và mọi lưỡi thảy đều xưng Jêsus Christ là Chúa và tôn vinh Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha” (Phi 2: 10, 11)

An Ninh Cá Nhân (I Vua 4: 25; Michê 4: 4)

Trong thời vua Sa-lô-môn, dân Do Thái được hưởng một thời kỳ thịnh vượng, an ổn. Sự trị vì của vua Sa-lô-môn tiêu biểu cho thời đại hoàng kim sắp đến. Dưới sự cai trị của vị Thẩm phán vô tư, đất đai sẽ được chia đều và mọi người đều sẽ là sở hữu chủ. Mạng sống cũng như tài sản của mọi người đều sẽ được bảo toàn. Lời tiên tri nói tới cây nho cây vả mà không nói tới nhà cửa, chứng tỏ

rằng người ta sẽ không cần chỗ ở. Dầu ở ngoài đồng trống, người ta vẫn được an toàn.

Một Nước Công Chính (Thi 72: 2-4; Ê-sai 11: 1; 61: 11; Giê 23: 5)

Trong thời đại này, không thể nào có chính quyền hay nhà cai trị công chính được. Tòa án của chúng ta không thể nào thu thập hết mọi dữ kiện, dù cho mọi phe liên hệ đều thành thật muốn làm như vậy. Nhiều khi nhân chứng dối toa rập với luật sư man trá, có khi cả thẩm phán bất lương cũng thông đồng để bẻ cong công lý. Thế lực thường làm nên lẽ phải, và tiền bạc che đậy được tội ác. Nhưng vị Vua nước ngàn năm có tất cả khôn ngoan để biết hết mọi sự, và tất cả quyền lực để làm được mọi sự. Ngài sẽ chẳng cần nghe bằng chứng hoặc dựa vào nhân chứng, cũng chẳng cần đến quân đội hay

cảnh sát để thi hành công lý (Ê-sai 11: 3, 4). Bất cứ ai vi phạm luật pháp sẽ bị phán xét ngay không chút chậm trễ. “Ngài sẽ dùng sự công bình xét đoán kẻ nghèo, và xử lý ngay thẳng cho kẻ nhu mì trên đất”

Chúng ta là những người tìm kiếm nước Đức Chúa Trời và sự công chính của Ngài, và thường cầu nguyện “Xin nước Ngài mau đến” có hình dung ra niềm vui được sống trong hòa bình chăng? Sự cai trị của một vị vua tuyệt đối khôn ngoan không thể lầm lẫn, rất nhân từ không thể nào hung ác, nhưng cũng rất uy quyền để bắt được mọi người phục tùng tuyệt đối, hẳn sẽ là vô cùng toàn hảo.

CHƯƠNG 11

NGÔI VỊ VÀ QUYỀN NĂNG CỦA ĐỨC THÁNH LINH

(The Personality and Power of the Holy Spirit)

Có nhiều thứ chúng ta không thấy được nhưng chúng ta tin chắc là có. Thật ra, có một sự kiện được một trong năm giác quan xác nhận nhưng bốn giác quan kia lại không nhận ra.

Không ai thấy, nghe, hay ngửi được sự đau đớn, nhưng ai cũng có thể “cảm

thấy” đau đớn. Không ai thấy được gió, nhưng chúng ta biết nó bẻ cong cây cối và tung sóng biển lên. Không ai thấy được điện, nhưng chúng ta biết nó có, vì ta thấy năng lực của nó khắp nơi quanh ta.

NGÔI VỊ CỦA ĐỨC THÁNH LINH

(The Personality of the Holy Spirit)

Chưa hề có ai thấy Đức Thánh Linh. Nhưng những ai sẵn lòng dẹp mọi định kiến mà suy xét về những hiện tượng do sự hiện diện của Ngài đem lại, thì sẽ thấy có nhiều bằng chứng hùng hồn về quyền năng của Ngài.

Chúng ta đã học biết rằng Ba Ngôi vị của Thượng Đế đều có quyền năng và vinh hiển như nhau. Chúng ta đã học về

những thuộc tính chung của Ba Ngôi, như vậy chúng ta chỉ cần học những thuộc tính riêng của Đức Thánh Linh có liên quan đến những người tin Chúa. Vì có nhiều người không những chỉ chối thần thánh mà còn chối luôn “Ngôi vị của thánh Linh” nên chúng ta cần bắt đầu ngay từ điểm này.

Những bài học về công tác sáng tạo và quan phòng giúp ta hiểu được ngôi vị của Đức Chúa Cha. Sự nhập thể, các phép lạ, và sự phục sinh là bằng chứng then chốt cho ngôi vị của Đức Chúa Con. Nhưng các công tác và hành động của Đức Thánh Linh thật là kỳ bí đó là nói về ảnh hưởng và quyền năng của Ngài -- đến nỗi có người cho rằng Ngài chỉ là biểu hiện hay là ảnh hưởng của thần thánh Thượng Đế chứ không phải là một ngôi vị. Ngài thường được gọi là “hơi

thở”, “gió”, “năng lực” và thường được liên kết với những biểu hiện như “dầu”, “lửa”, và “nước” khiến cho một số người lầm tưởng rằng Ngài là một ảnh hưởng vô ngã phát xuất từ Thượng Đế.

Có cần phải biết Thánh Linh là một ngôi vị hay không? Nếu Thánh Linh là một ngôi vị thì Ngài đáng được tôn thờ, tin cậy, và yêu mến, và người tín đồ của Chúa không được quyền rút bỏ vinh dự đáng dành cho Ngài. Nếu Thánh Linh là một ngôi vị vô cùng khôn ngoan, thánh khiết, và yêu thương, thì chúng ta phải làm sao để được Ngài chiếm hữu và sử dụng để tôn vinh Ngài. Việc chúng ta được Đức Thánh Linh chiếm hữu, khác hẳn việc chúng ta ra sức chiếm hữu Đức Thánh Linh.

Ba Ngôi Vị

“Vinh quang thuộc về Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh.” Bài ca “Gloria công bố thần tính và ngôi vị của Đức Thánh Linh. Nếu chúng ta đã cho rằng Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con có ngôi vị, thì bắt buộc Đức Thánh Linh cũng phải như vậy. Kinh Thánh cho ta những bằng chứng trong:

Công Cuộc Sáng Tạo (Sáng 1: 26)

Khi Thượng Đế sáng tạo con người, Ngài không nói “ta” hãy làm nên con người, mà nói “chúng ta” hãy làm nên con người. Nghĩa là cả Ba Ngôi Thượng Đế cùng nói, “chúng ta hãy cùng làm Đấng Tạo Hóa của con người “. trong kế hoạch cứu chuộc, cả Ba Ngôi cũng cùng thỏa thuận. “chúng ta hãy cứu rỗi loài người”. Thật là một niềm an ủi ngọt ngào khi chúng ta nghĩ rằng không phải chỉ một ngôi vị mà cả Ba Ngôi vinh hiển

cùng tuyên bố, “chúng ta” sẽ cứu rỗi con người.

Lễ Báp Têm (ma 28: 19)

Lễ Báp têm được cử hành nhân danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức Thánh Linh. Ở đây không ai có thể nghĩ rằng Đức Thánh Linh chỉ là một năng lực. Ngài là một ngôi vị.

Lời Chúc Phước (II Cô 13: 14)

Chúng ta rất quen thuộc với lời chúc phước trích từ Kinh Thánh để kết thúc buổi thờ phượng. Trong lời này, Đức Thánh Linh cũng giữ địa vị ngang hàng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con. “Nguyễn xin ơn của Đức Chúa Giê-sus Christ, sự yêu thương của Đức Chúa Trời, và sự giao thông của Đức Thánh Linh ở với anh em hết thủy.

Những Thuộc Tính Của Thượng Đế

Kinh Thánh không những chỉ nói về vị phẩm của Ngài tương đương với hai ngôi vị khác trong Thượng Đế, mà còn ghi lại những thuộc tính của Thượng Đế nơi Ngài nữa.

Đấng Vĩnh Cửu (Hê 9: 14)

Cần nên nhớ rằng người tin Chúa được sống đời đời, nhưng họ có một khởi đầu. Thật ra mọi người dù bắt đầu lúc nào trong thời gian, cũng đều tồn tại mãi mãi hoặc trong cõi cực lạc hay trong nơi phán xét. Tuy nhiên, Thượng Đế không có khởi đầu hay chấm dứt, mà tồn tại vĩnh cửu.

Đấng Toàn Tại (Thi 139: 7-10)

Thánh Linh hiện diện khắp mọi nơi,
 “Tôi sẽ đi đâu xa thần Chúa? Tôi sẽ trốn

đâu khỏi mặt Ngài?”

Đấng Toàn Năng

Chúa chúng ta do một trinh nữ sinh ra (Lu 1: 35) đó là công việc quyền năng của Đức Thánh Linh, Ngài là Đấng Toàn Năng.

Chúng ta ngạc nhiên trước nhóm người được Chúa chọn để tiếp nối công việc của Ngài khi Ngài ra đi. Đây là những con người thất học, không tiền, không thế lực. Hơn nữa, họ lại thiếu niềm tin và can đảm đến nỗi bỏ Ngài chạy trốn khi Ngài bị bắt đưa đi xét xử. Thế mà những Người này đã gây chấn động, không những tại Giê-ru-sa-lem, mà còn cả Châu Á và Châu Âu, đến nỗi chúng ta nói, “những tên làm đảo lộn thế giới này, cũng đến đây”. Không phải những người đó đã biến cải thế giới, mà

là quyền năng vô hạn của Đức Thánh Linh đã hành động qua họ (Công 4: 31 - 33; 17: 6)

Đấng Toàn Tri (Giăng 16: 12, 13. I Cô 2: 10, 11)

Phao-lô, một học giả có đầy đủ kiến thức để đương đầu với những bộ óc khôn sáng của người Hy Lạp, đã khiêm nhường nhìn nhận với họ rằng sự giảng dạy của ông “Chẳng phải bằng bài diễn thuyết khéo léo của sự khôn ngoan, nhưng tại sự tỏ ra Thánh Linh và quyền phép” (I Cô 2: 1-11)

Những Đặc Điểm Của Một Ngôi Vị

Dùng Đại Danh Từ Chỉ Ngôi Vị

Trong tiếng Hy Lạp, chữ “thần linh” là trung tính và cần phải đi với một đại danh từ trung tính. Tuy nhiên, trái

với cách dùng thông thường, Giăng 16: 7, 8, 13, 14 đã dùng đại danh từ giống đực đến 12 lần. Đây không phải là nhân cách hóa, mà là một xác quyết về ngôi vị của Đức Thánh Linh. Nói vậy không có nghĩa là ngôi thứ ba của Thượng Đế có tay chân như người. Cần phân biệt ngôi vị và thể dạng. Một ngôi vị có thể cảm, nghĩ, và thực thi năng lực. Tất cả những chức năng đó của Đức Thánh Linh đều đã được Kinh Thánh đề cập đến.

Có Những Thuộc Tính Của Một Ngôi Vị

Trí Tuệ

Đức Thánh Linh có tâm trí (Rô 8: 27) - một đặc điểm của ngôi vị. Ngài dò xét những chân lý sâu nhiệm nhất của Thượng Đế, biết những điều Ngài truyền dạy để hiểu được mục đích của Ngài (I

Cô 2: 10, 11). Một ảnh hưởng đơn t huần có thể làm điều đó chăng ?

Tình Cảm (Rô 15: 30; Ê-phê-sô 4: 30)

Có bao giờ bạn nghĩ đến “Tình yêu của Đức Thánh Linh”? Tình yêu của Đức Chúa Cha thật vô hạn, nó rộng đến bao trùm cả thế gian, nó lớn đến nỗi đã ban Con Một yêu dấu của Ngài để cứu rỗi họ. Tình yêu của Đức Chúa Con cũng không thể nào quan niệm nổi, nó khiến Ngài lìa bỏ vinh quang của thiên đàng để đến chịu chết cho tội nhân. Dẫu vậy, tình yêu của Đức Chúa Cha cũng vô ích, sự hy sinh của Đức Chúa Con cũng chẳng đến đâu, nếu không có tình yêu kiên nhẫn vĩ đại của Đức Thánh Linh hành động trong lòng chúng ta. Tình yêu của Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con, và Đức

Thánh Linh bày tỏ trong chương trình cứu rỗi nhân loại.

Ê-phê-sô 4: 30 nói Đức Thánh Linh buồn. Chúng ta không thể làm buồn lòng Đức Thánh Linh nếu Ngài chỉ là một năng lực hay ảnh hưởng. Chúng ta có thể làm Ngài đau lòng. Mỗi một lời nói độc ác, mỗi một hành động ích kỷ, mỗi một tư tưởng ô uế đều làm buồn lòng Đức Thánh Linh.

Ý Chí

Đức Thánh Linh có ý muốn riêng của Ngài (I Cô 2: 11; Công 16: 6, 7). Khác với các thiên sứ chỉ làm theo mạng lệnh của Thượng Đế, «vâng theo tiếng Ngài» (Thi 103: 20)

Sứ đồ Phao-lô muốn giảng trong tỉnh A-si, nhưng Đức Thánh Linh muốn

khác. Bởi vậy, sau đó ông đã được đặc ân phục vụ hai năm tại Ê-phê-sô, một thành phố trung tâm tại đó. (Công 19: 10)

QUYỀN NĂNG CỦA ĐỨC THÁNH LINH

(The Power of the Holy Spirit)

Trong các sách Phúc âm, các môn đồ của Chúa là những kẻ nhút nhát. Trong sách Công vụ, họ là những anh hùng. Phi-e-rơ đã từng run sợ trước một cô tớ gái, nhưng chỉ mấy ngày sau ông đã mạnh dạn như sử tử. Ông đã can đảm đứng trước đám đông ba ngàn người tố cáo họ đã đóng đinh Chúa Cứu Thế Giê-xu trên thập tự giá. Cái gì đã làm ông thay đổi? Quyền năng của Đức Thánh Linh. Khi từ giã môn đệ để về trời, chúa

Giê-xu đã phán bảo họ, “Khi Đức Thánh Linh giáng trên các người, các người sẽ nhận lấy quyền phép”(Công 1: 8). Quyền năng ấy thể hiện rõ trên đời sống Phi-e-rơ, đến nỗi thuật sĩ Simôn đến đưa tiền cho ông và nói “Cũng hay cho tôi quyền năng đó”. Phi-e-rơ đã trả lời. “Tiền bạc người hãy hư mất với người, vì người tưởng rằng có thể lấy tiền bạc mua được ơn ban của Đức Chúa Trời “(Công 8: 18 - 20)

Trong Công Cuộc Sáng Tạo (Sáng 1: 2, 3; 2: 7; Gióp 26: 13; Thi 104: 30)

Đức Thánh Linh dự phần trong công cuộc sáng tạo trời đất. Tất cả ngôi sao trên trời đã được Thánh Linh đặt vào vị trí. Chúng ta không biết thời gian sáng tạo dài bao lâu, và các hành tinh đã tiến triển qua những giai đoạn nào, nhưng chúng ta biết rằng lúc khởi đầu công cuộc

sáng tạo, «đất vô hình và trống không, sự mờ tối ở trên mặt vực»(Sáng 1: 26). Lúc đó, «Thần của Đức Chúa Trời vận hành trên mặt nước» (Sáng 1: 2) tạo ra trật tự từ cõi hỗn mang và khiến cho bóng tối biến mất. Mọi điều đó xảy ra trước khi sáng tạo loài người. Chính Thần Linh của Thượng Đế đã thổi hơi sống vào con người để họ tồn tại, chính Thần Linh ấy tạo nên mọi loài sống và «làm mới lại trái đất».

Trong Công Cuộc Tái Tạo (Regeneration) (Giăng 3: 3-5; Ê-phê-sô 3: 16; Tít 3: 5)

Ni-cô-đem là một người giàu sáng danh vọng, có giáo dục, địa vị. Nhưng ông thiếu một điều: sự sống của Thượng Đế. Trong sự sinh thành tự nhiên, ông ra đời để rồi chết. Tại sao? Vì rằng bởi một người là Adam, “tội lỗi đã vào thế gian,

và bởi tội lỗi mà có sự chết và sự chết đã trải qua trên hết mọi người là như vậy, vì mọi người đều đã phạm tội” (Rô 5: 12)

Nếu công cuộc sáng tạo là của Đức Thánh Linh, thì không lạ gì khi cho rằng sự tái tạo cũng là công việc của Ngài. Con người không thể nào tự tạo hay tự tái tạo được. Chỉ có quyền năng Đức Thánh Linh mới làm nổi điều đó.

Chúng ta phải phân biệt công biệt Chúa Cứu Thế làm “cho” chúng ta và công việc Đức Thánh Linh làm “trong” chúng ta. Nếu không có sự hy sinh ở Gô-gô-tha, con người không thể nào được cứu. Nếu không có công việc của Đức Thánh Linh, con người cũng vô phương vậy. Đức Thánh Linh tạo nên đức tin trong lòng chúng ta, nhờ đó chúng ta tiếp nhận sự cứu rỗi.

Sự tái tạo không bao giờ tách rời đức tin. Ngay lúc một người thật sự tin nhận Chúa, dầu yếu ớt đến đâu, cũng đã được Đức Thánh Linh tái tạo. Đức tin yếu ớt khiến họ không nhận thấy sự thay đổi, cũng như em bé sơ sinh biết rất ít hay không biết gì về chính mình cả. Nhưng nơi nào có đức tin, nơi đó có sự sanh lại, còn nơi nào không có đức tin thì không thể có sự sanh lại.

Trong Sự Linh Cảm (Inspiration)

Vì Đức Thánh Linh là tác giả của Kinh Thánh, nên không lạ gì khi thấy Kinh Thánh có một quyền năng mà không một sách vở nào có được (Giê 5: 14; 23: 29; II Cô 3: 6; I Tê 1: 5; Hê 4: 12)

Hàng ngàn người quy cải vì đọc Lời Thượng Đế, chính điều đó đã khiến cho Martin Luther đóng chín mươi lăm đề

ngợi trên cửa đại giáo đường Wittenburg thách thức giáo quyền La-mã.

Trong Sự Làm Chứng (Witnessing)

Đức Thánh Linh giáng xuống trên Chúa Giê-xu lúc Ngài chịu báp têm để làm chứng rằng Ngài là Con Thượng Đế. Về sau, Chúa dẹp yên bão tố, chữa lành người bệnh, đuổi quỷ, khiến kẻ chết sống lại, đều là bởi quyền năng Thánh Linh (Ê-sai 61: 1; Xa 4: 6; Lu 4: 16 - 21) đây là những công việc làm chứng cho quyền năng của Ngài.

Khi Chúa giảng bài từ giả môn đệ, Ngài tuyên bố rằng các môn đệ Ngài sẽ làm việc lớn hơn Ngài từng làm (Giăng 14: 12) đó là bởi vì chính Thánh linh Đấng ban quyền năng cho Ngài, sẽ ngự trên họ. Ngay trước khi Ngài lìa họ, Ngài tuyên bố rằng Đức Thánh Linh sẽ giáng

trên họ, và họ sẽ nhận lãnh quyền phép và làm chứng về Ngài (Công 1: 8). Mười ngày sau, Đức Thánh Linh đã đến như gió thổi ào ạt, và Ngài đã tỏ rõ quyền năng của Ngài, không phải chỉ riêng ở Giê-ru-sa-lem mà còn cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri và các vùng xung quanh nữa. Các sứ đồ lại lấy quyền phép rất lớn mà làm chứng về sự sống lại của Đức Chúa Giê-xu Christ”(Công 4: 33). Các sứ đồ biết rõ bí quyết của quyền phép đó và không ngại ngần tiết lộ ra. Chúng ta đây là kẻ làm chứng về việc đó, cũng như Đức Thánh Linh mà Đức Chúa Trời đã ban cho kẻ vâng lời Ngài vậy”(Công 5: 32). Như lời Chúa đã tiên báo, Đức Thánh Linh đã thuyết phục đám đông trong ngày lễ Ngũ tuần về “tội lỗi, về sự công chính, và về sự “phán xét “

Đức Thánh Linh chứng thực cho lời

giảng và thánh vụ của các sứ đồ bằng những công việc lạ lùng (Hê 2: 4). Không phải các sứ đồ chỉ nói được mười mấy thứ tiếng tại lễ Ngũ Tuần, mà sau đó còn có những phép lạ chữa lành và cứu sống nữa. Phi-e-rơ chữa lành Ê-nê, khiến Đô-ca sống lại. Nhiều người bệnh được chữa lành đến nỗi những kẻ tật nguyền sắp hàng trên đường nơi Phi-e-rơ đi qua, để bóng của ông ngã trên một số người chữa lành cho họ (Công 5: 12-16). Cửa tù mở để cho tù nhân thoát ra làm nhà cầm quyền kinh ngạc, vì họ đã làm đủ cách để ngăn ngừa vượt ngục. Phao-lô và những người đồng hành đã được cứu nhiều lần khỏi chết vì bị ném đá, tù ngục, và chìm tàu (Rô 15: 18, 19). Đó không phải là công tác của các sứ đồ mà là của Đức Thánh Linh, là quyền năng và phép lạ của Hội Thánh ban đầu

Trong Sự Phục Sinh

Sự phục sinh của Chúa cũng được xem là công việc của Đức Thánh Linh. Chúng ta có thể thắc mắc khi thấy có lúc Kinh Thánh cho sự phục sinh là việc của Chúa Cứu Thế: bởi quyền năng Ngài không thể bị dây sự chết trói buộc. Ngài tự ý phó sự sống mình và Ngài có quyền lấy lại (Giăng 10: 17). Ở chỗ khác, Kinh Thánh lại cho rằng sự phục sinh của Chúa là do Đức Chúa Cha “Chúa của sự sống mà Đức Chúa Trời đã khiến từ chết sống lại”(Công 3: 15). “Đức Chúa Trời đã đem Đấng ấy lên”(Công 5: 31). Kinh Thánh cũng dạy rằng Chúa được Đức Thánh Linh làm cho sống lại (Rô 1: 4; 8: 11; I Phi 3: 18). Những khác biệt trong lời ghi của Sách Thánh chẳng những không làm mâu thuẫn mà trái lại xác nhận chân lý ấy. Giáo lý Ba Ngôi sẽ

khiến cho điểm khó khăn trở thành dễ hiểu, bởi vì Ba Ngôi vị của Thượng Đế đều cùng bản thể và có quyền năng vinh hiển như nhau.

CHƯƠNG 12

ĐỨC THÁNH LINH VÀ NGƯỜI TIN

(The Holy Spirit and the Believer)

Chúa Cứu Thế sắp đến trời. Đây là giờ cuối cùng với các môn đệ. Ngài sẽ rời trái đất và không còn làm Giáo sư và Tiên tri ở đó nữa. Nhưng trước khi đi, Ngài muốn môn đệ làm quen với Đấng sẽ đến, Ngài nói “Ta đi là ích lợi cho các người, vì nếu ta không đi, Đấng Yên Ủi sẽ không đến cùng các người đâu song nếu ta đi thì ta sẽ sai Ngài đến”(Giăng 16: 7). Ta lại sẽ nài xin Cha, Ngài sẽ ban

cho các người một Đấng Yên Ủi khác để ở với các người đời đời (Giăng 14: 16)

Chữ “Đấng Yên Ủi” tuy rất thích hợp với hoàn cảnh các môn đồ ở đây, không diễn tả được hết tất cả công tác mà Đức Thánh Linh làm. không một chữ dịch nào có thể lột được hết ý nghĩa của chữ “Paraclete” trong tiếng Hy Lạp. Chữ này còn có nghĩa là trạng sư, và được dùng để chỉ chức dịch của Chúa Cứu Thế ở trên trời: “Chúng ta có Đấng cầu thay (biện hộ) ở nơi Đức Chúa Cha (I Giăng 2: 1). Nhưng Đức Thánh Linh không phải chỉ là một trạng sư đáng tin cậy của các môn đồ thôi đâu, Ngài cũng là Giáo sư, người Đồng Công, Đồng Hành của họ, là tất cả những gì mà Chúa Giê-xu làm cho họ.

ĐỨC THÁNH LINH DẠY DỖ
NGƯỜI TIN

(The Believer Taught by the Holy Spirit)

Chúa Giê-xu là giáo sư chính thức của mười hai sứ đồ. Họ không ngồi học hỏi với các thầy dạy luật hay người Pha-ri-si, mà lắng nghe lời giáo huấn của Đấng đến từ trời. Ngài bảo họ, “Bây giờ ta đi, các người sẽ tìm đâu ra một Giáo sư vô ngộ (không thể sai lầm) thay thế cho ta? Ta sẽ phái đến cho các người một Giáo sư k hác, Ngài sẽ truyền lời thẩm quyền của Thượng Đế. Ngài sẽ dẫn các người vào mọi lẽ th ật. “ Lời hứa đó lúc đầu dành cho các sứ đồ, nhưng về sau cũng áp dụng cho mọi người tin. Mỗi người tin đều không phải lệ thuộc vào các giáo sư trần gian. Mỗi người tin đều có đặc ân “được Đức Chúa Trời dạy dỗ”. Người được Đức Chúa Trời dạy dỗ đầy đủ hơn hết chính là người sẵn sàng nghe theo

những điều Chúa đã dạy người khác. Lý do nào cho biết Đức Thánh Linh là vị Giáo sư vô ngộ, siêu việt ?

Ngài Là Tác Giả Của Kinh Thánh
(Giăng 16: 13; II Ti 3: 16; II Phi 1: 20, 21;
Khải 2: 7)

Phi-e-rơ cho ta biết rằng những người viết Kinh Thánh đã được Đức Thánh Linh “cảm động” mà nói ra. Phao-lô tuyên bố rằng Kinh Thánh là do “Đức Chúa Trời soi dẫn” nguyên văn “Đức Chúa Trời hà hơi”. Nhưng Thượng Đế đã hà hơi sống để ban sự sống cho loài người, Đức Thánh Linh cũng hà hơi cho con người để hiểu biết những điều thuộc về Thượng Đế. Giăng đã được linh nghe và ghi chép lại những điều “Đức Thánh Linh phán cùng các Hội Thánh “. Cũng chính Đức Thánh Linh đã dẫn dắt các sứ

đồ vào mọi lẽ thật và cho họ biết những điều sẽ xảy đến.

Ngài Là Đấng Thông Giải Kinh Thánh (Giăng 16: 13, 14; I Cô 2: 10)

Là tác giả của Kinh Thánh, chắc chắn Thánh Linh phải hiểu và giải thích Kinh Thánh được. Dem Kinh Thánh chú giải Kinh Thánh là tốt nhất. Lấy Kinh Thánh so sánh Kinh Thánh ta có thể thông giải được mọi lời thần cảm mà không sợ sai lầm.

Ngài Là Bạn Đồng Hành Của Chúa Cứu Thế

Chúa Giê-xu không những do Thánh Linh sanh ra (Lu 1: 35), và sống lại bởi quyền năng Đức Thánh Linh (Rô 1: 4; 8: 11) mà Ngài còn:

Được Đức Thánh Linh Xức Dầu
(Công 10: 38)

Trước khi Ngài thi hành thánh vụ,
Chúa chúng ta được Đức Thánh Linh
xức dầu để phục vụ

Được Đức Thánh Linh Hưởng Dẫn
(Công 10: 38)

Sau khi Chúa chịu Báp têm, Đức
Thánh Linh lấy hình chim bồ câu ngự
trên Ngài, và đưa Ngài vào đồng vắng để
chịu Sa-tan cám dỗ.

Ngài Dạy Dỗ Người Tin

Về Chúa Cứu Thế (Giăng 15: 26; 16:
13-15)

Không ai có thể giải bày và tôn vinh
Chúa Cứu Thế cho bằng Đức Thánh
Linh. Các môn đệ chỉ biết Chúa Giê xu

như biết một con người. Đức Thánh Linh bày tỏ Chúa Giê-xu một cách lớn lao hơn vô cùng. Họ chỉ biết Ngài qua khuôn mặt sắc diện, nhưng Đức Thánh Linh cho họ biết về chính bản thể Ngài.

Về Những Điều Thuộc Tâm Linh (I Cô 2: 9 - 14)

Ta đã biết Đức Thánh Linh là tác giả và Đấng thông giải Lời Thượng Đế. Nhờ Đức Thánh Linh soi sáng tâm tư, con người mới được lời Chúa. Cố dùng kiến thức tự nhiên để hiểu sự mạc khải tâm linh là một điều lầm lẫn. Không phải chỉ cần đọc được Kinh Thánh là người ta có thể hiểu được những mạc khải trong đó, cũng như không phải chỉ cần phân biệt được màu sắc, mà một người không biết chút gì về thẩm mỹ có thể đánh giá được bức họa La Joconde. Tất cả sự khôn ngoan của Hy Lạp không giúp cho người

Cô-rinh-tô hiểu được vấn đề tâm linh; tất cả những nhà thông thái ở các viện đại học lớn cũng không thể nào hiểu được chân lý tâm linh nếu không có sự dạy dỗ của Đức Thánh Linh.

Ngài Cáo Trách Thế Gian (Giăng 16: 7-11)

Thế gian không thể nhận Đức Thánh Linh và biết Ngài, vì Ngài chỉ ở với người tin. Tuy nhiên, Đức Thánh Linh hành động qua người tin để cáo trách thế gian.

Về Tội Lỗi (Giăng 16: 9)

Không phải về tất cả tội lỗi như tham lam, trộm cướp, dối trá nhưng về “một tội đặc biệt”- tội chối bỏ Chúa Giê-xu là Đấng cứu chuộc cả thế gian. Tội lỗi mang một ý nghĩa đặc biệt khi Chúa đã đến thế gian. Đức Thánh Linh khiến

cho người ta thấy rằng không tin Chúa Cứu Thế là một tội hàng đầu, vì như vậy cũng như cho rằng Thượng Đế là kẻ nói dối. Không tin Chúa Giê-xu là chối bỏ sự thương xót của Thượng Đế và khinh thường ân huệ của Ngài.

Về Sự Công Chính

Chúa Cứu Thế là người công chính duy nhất. Những người Pha-ri-si và các thầy thông giáo nhấn mạnh việc giữ luật pháp và tưởng họ là những kẻ toàn hảo, nhưng Chúa bảo môn đệ Ngài, “nếu sự công bình của các người không trởi hơn các thầy thông giáo và người Pha-ri-si thì các người sẽ không vào được nước thiên đàng đâu”. Sau khi đấng công chính duy nhất đã lìa khỏi thế gian, Đức Thánh Linh sẽ đến, thuyết phục cho người đời thấy Chúa Giê-xu là Đấng công chính

và mọi người khác đều bất chính (Giăng 16: 10)

VỀ SỰ PHÁN XÉT

Sự chết của Chúa Cứu Thế đã tuyên bản án trên Sa-tan, nó biết rằng nước của nó cuối cùng sẽ bị lật đổ. Chúa chúng ta biết Sa-tan là Chúa của thế gian này và Ngài thấy nó vờn đàng sau Giu-đa, Phi-e-rơ, và người Pha-ri-si. Chúa đến để tiêu diệt “Công việc” của Sa-tan, và giải phóng những thần dân của nó đang sợ chết. Thập tự giá là chiến trường quyết định. Sa-tan bị phán xét và kết án. Bây giờ nó đang đợi bản án thi hành khi các nước trên thế gian này trở thành vương quốc của Chúa Giê-xu. Đức Thánh Linh sẽ thuyết phục thế gian rằng “vua chúa thế gian này” đã bị phán xét cùng với thần dân nó (Giăng 16: 11)

NGƯỜI TIN ĐƯỢC ĐỨC THÁNH LINH HƯỚNG DẪN

(The Believer Guided by the Holy Spirit)

Cũng như Chúa Giê-xu biện hộ cho người tin trước mặt Thượng Đế, thì Đức Thánh Linh cũng biện luận cho Thượng Đế trước loài người như vậy. Bạn có bao giờ thấy một mục sư nước mắt ràn rụa xúc động kêu gọi người tin? Phải chăng ông đã nhận được khả năng và quyền lực ấy trong viện thần học? Không đâu, chính Đức Thánh Linh trong ông biện hộ cho chính nghĩa của Ngài.

Hướng Dẫn Trong Sự Thờ Phượng

Sự thờ phượng chân thật và được Thượng Đế chấp nhận là sự thờ phượng do Đức Thánh Linh cảm thúc và hướng

dẫn (Giăng 4: 23; Philip 3: 3). Một người có thể thờ phượng rất thành khẩn, mà vẫn chưa phục tùng sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh. Chúng ta hãy gieo mình vào lòng Đức Thánh Linh với lòng tin cậy hoàn toàn, để Ngài dẫn dắt chúng ta trong

Sự Cầu Nguyện

Chúng ta không biết phải cầu nguyện sao cho phải lẽ, nhưng chúng ta có Đấng Paraclete sẵn sàng để giúp chúng ta (Rô 8: 26; Ê-phê-sô 6: 18; Giu 20). Khi chúng ta phó mình hoàn toàn cho vị biện hộ, Ngài sẽ hướng dẫn chúng ta cầu nguyện, chỉ đường dẫn lối cho những ước vọng của chúng ta, điều chỉnh lời nói của chúng ta “lời cầu nguyện được Đức Chúa Thánh Linh (God the Holy Spirit) cảm thúc là lời cầu nguyện được Đức Chúa Cha (God the Father) phúc đáp”.

Ca Ngợi

Đặc tính nổi bật của cuộc sống đầy dẫy Đức Thánh Linh là cảm tạ (Ê-phê-sô 5: 18-20). Cũng như sự cầu nguyện, sự ca ngợi nếu muốn được Thượng Đế chấp nhận, phải do Đức Thánh Linh hướng dẫn. Những bài thánh vịnh khi hát lên với tấm lòng chân thành là sự thờ phượng được Thượng Đế chấp nhận, vì Đức Thánh Linh là tác giả của những bài hát ca ngợi bất hủ đó.

Hướng Dẫn Mọi Công Việc Của Đời Sống

Đức Thánh Linh chọn địa bàn hoạt động cho chúng ta và đưa chúng ta vào đó (Công 8: 26-29 ; 13: 2, 4; 16: 6, 7). Ngài mở cửa ở những nơi nào Ngài muốn chúng ta vào làm việc, và đóng cửa những công việc có khi do chính chúng

ta chọn lựa. Ngài hướng dẫn chúng ta đến gặp người mà Thượng Đế muốn chúng ta nói chuyện với. Có rất nhiều việc chúng ta phải làm, và nhiều người chúng ta phải gặp để nói về Ngài. Nhưng khả năng thể chất chúng ta rất hạn chế. Vậy chúng ta làm sao để biết mình phải làm những gì và không làm những gì? Đức Thánh Linh sẽ hướng dẫn chúng ta đi tới những nơi nào và gặp những người nào. Nếu chúng ta vâng theo Lời Chúa, Đức Thánh Linh sẽ sắp đặt cho chúng ta tiếp xúc với chính người có lòng sẵn sàng tiếp nhận Phúc âm, và tiếp xúc đúng lúc nữa.

Trong Giờ Phút Thử Thách

Các môn đồ không phải lo tìm luật sư khi họ bị xét xử. Đức Thánh Linh sẽ biện hộ cho họ khi họ bị điệu ra trước các vua, các tổng trấn. Làm sao Ê-tiên có

thể tranh biện hùng hồn trước một công hội đầy thành kiến đã nhất định phải xử tử ông? Câu trả lời là họ không thể chống trả sự khôn ngoan của Đức Thánh Linh là Đấng hướng dẫn lời nói ông. Người Do Thái đã mượn một luật sư La-mã nổi tiếng tên là Tẹt-tu-lu để đưa đơn khiếu tố Phao-lô, nhưng vô hiệu (Công 24: 1, 22). Làm thế nào mà người tù đang mang xiềng xích này có thể biện giải hùng hồn trước vị tổng trấn La-mã đến nỗi Phê-lít run sợ, vội vàng đứng dậy để giải tán vụ xử? (Công 24: 25). Đó không phải là người nói đâu, mà là Thượng Đế Thánh Linh đã biện hộ qua Phao-lô.

NGƯỜI TIN CHÚA ĐƯỢC THÁNH LINH KIỂM SOÁT

(The Believer Controlled by the Holy Spirit)

Chúng ta biết rằng nếu không phải bởi Đức Thánh Linh thì không ai có thể xưng Đức Giê-xu là Chúa (I Cô 12: 3). Công tác hướng dẫn người tin nhận biết quyền chủ tể của Chúa Giê-xu trong đời sống mình là công tác Đức Thánh Linh mong muốn thực hiện trong đời sống của mỗi con cái Thượng Đế. Thật ra, có nhiều người đã tin nhận Chúa Giê-xu là Đấng cứu chuộc mình, nhưng chưa để Ngài làm chủ cuộc đời mình. Nhiều người đã được giải thoát khỏi tội lỗi, nhưng chưa nếm được phước lành có Chúa tể trị đời mình. Chúa chết “cho chúng ta trên thập tự giá, nhưng chỉ biết bấy nhiêu thì chưa đủ, vì Ngài còn phải

làm một cái gì “trong” chúng ta.

Cuộc Sống Được Thánh Linh Chiếm Hữu - Thánh Thiện

Hội Thánh Cô-rinh-tô có chuyện lục đục. Tinh thần bè phái chia rẽ Hội Thánh. Người ta tin theo Phi-e-rơ, Phao-lô, và A-bô-lô, chứ không phải theo Chúa Cứu Thế (I Cô 1: 12). Tội lỗi và vô luân lan rộng. Hầu hết tín hữu chỉ chú tâm đến chuyện thế gian. Nguyên nhân vì đâu? Vì họ đã không để cho Thánh Linh thực thi quyền năng Ngài.

Phao-lô không nói những tín hữu này không có Đức Thánh Linh, vì nhờ Ngài, họ mới có thể công khai bày tỏ đức tin mình, và xưng Chúa Giê-xu là Con Thượng Đế (I Cô 12: 3). Họ không thể nào làm tín đồ của Chúa nếu không có Đức Thánh Linh (Ro 8: 9). Chẳng qua

vì họ không nhận biết Ngài hiện diện trong họ (I Cô 3: 16; 6: 19) và không chịu để Ngài làm chủ cuộc đời họ. Giữa bầu không khí hôi thối của một thành phố ngoại giáo, người tín đồ phải đương đầu với bao nhiêu cám dỗ đáng sợ, nếu không có một quyền lực siêu nhiên, họ không thể nào giữ mình trong sạch được.

Còn gì vinh dự cho cái thể xác hư nát này cho bằng được chọn làm nơi ngụ của Đức Thánh Linh. Thân thể của người tín đồ đã được Thượng Đế cứu chuộc và chiếm ngụ, bởi vậy cần phải đối xử nó với một niềm tôn kính giống như người Do Thái đối với Nơi Chí Thánh vậy. Người tín đồ cần phải giữ đôi mắt cẩn thận để khỏi nhìn những điều uế tục, phải canh chừng lưỡi mình thận trọng để khỏi nói những lời xấu xa, phải giữ gìn ý tưởng tình cảm mình cẩn mẫn để khỏi nghĩ tới

điều xấu, vì Thượng Đế đã chọn họ để họ thuộc về Ngài, và Ngài bảo họ dâng hiến mọi sự cho Ngài.

Cuộc Sống Được Đức Thánh Linh Đóng ấn -- Bảo Chứng

Sự hiện diện của Đức Thánh Linh chẳng những cho ta quyền năng để sống cuộc đời thánh thiện, đẹp lòng Thượng Đế, mà Ngài còn nắm tay dẫn ta vào cuộc sống ấy (Rô 8: 14, 16; Ê-phê-sô 1: 13; 4: 30). Đó là bằng chứng mạnh mẽ nhất về gia tài trên trời của người tín đồ.

Một vị tuần đạo kia sắp lên giàn hỏa, hàng ngàn nhà tuần đạo đã bị chết cách đó. Đám đông theo sau chế nhạo, nhưng ông vẫn can đảm bước tới. Rồi người ta dùng xiềng mà xích ngang ngực ông. Họ chất củi lên xung quanh ông, rồi đốt lửa. Nhưng ông nói: “Hỡi linh hồn ta, hãy

chúc tụng Chúa”. Lửa cháy đến chân ông, nhưng ông đưa tay lên kêu to, “Tôi biết Đấng Cứu Chuộc tôi vẫn sống, dù cho lửa thiêu nuốt thân tôi, nhưng trong xác thịt tôi, tôi sẽ thấy Thượng Đế”. Thân thể ông bị thiêu hóa, nhưng trong cơn đau đớn quần quai, ông vẫn hát, và cuối cùng kêu lên đắc thắng “Con xin giao linh hồn con trong tay Cha”. Cái gì đã cho ông bảo chứng đó? (II Ti 2: 19-21) đó là do Đức Thánh Linh làm chứng trong ông rằng ông là con Thượng Đế (Ga-la-ti 4: 6)

Cuộc Sống Đầy Dẫy Đức Thánh Linh
-- Phục Vụ

Từ ngữ “ đầy dẫy Đức Thánh Linh “rất quen thuộc trong Tân ước. Chúa Giê-xu được đầy dẫy Đức Thánh Linh trong khi thi hành thánh vụ. Nhiều chỗ ghi lại các môn đồ được đầy dẫy Đức Thánh Linh. Vào lễ Ngũ Tuần, 120 môn

đồ “tất cả đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh” (Công 2: 4). Biển cố này chuẩn bị họ cho công tác thiết lập Hội Thánh. Phi-e-rơ đối diện với đám đông thù nghịch kêu gọi họ, và ba ngàn người đã được biến cải trong một ngày. Ít lâu sau, sự chống đối nổi lên, các môn đồ bị đưa ra công hội, Phi-e-rơ “được đầy dẫy Đức Thánh Linh” đã đưa ra những lời biện luận hùng hồn, kết cuộc là họ được thả ra. Trong buổi nhóm cầu nguyện sau đó, nơi nhóm lại rúng động, ai nấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh” (Công 4: 31)

Phao-lô, trong thư gửi cho người Ê-phê-sô (5: 18) đã đặt trách nhiệm đó trên mỗi người tin khi ông nói “đừng say rượu, vì rượu xui cho luông tuồng, nhưng phải đầy dẫy Đức Thánh Linh”. Như vậy mỗi người tin Chúa, chẳng những được đặc ân có Đức Thánh Linh

ngự trong mình, và cũng cần phải đầy
đầy Thánh Linh nữa.

Chúa đã hứa, “kẻ nào tin ta thì sông
nước hằng sống sẽ chảy từ trong lòng
người đó, như Kinh Thánh đã chép”
(Điều này nói về Đức Thánh Linh, mà
những kẻ tin Ngài sẽ nhận được)”(Giăng
7: 38, 39). Ở đây, Thánh Linh của Thượng
Đế được hình dung như con sông tìm
một ống dẫn để truyền sự sống và tình
yêu thiên thượng đến cho người khác
trong thánh vụ thực tiễn hàng ngày. Hễ
bao lâu ống dẫn vẫn còn khai thông thì
nước vẫn còn chảy.

Cuộc Sống Đắc Thắng - Kết Quả (Rô
5: 5; 8: 2, 9-13; 14: 17; Ga-la-ti 5: 17, 22,
23)

Khi người tin được sanh lại và Đức
Thánh Linh ngự vào thân thể người đó,

người sẽ khám phá ra mình có hai bản tính: nhục tánh (bodily nature) và linh tánh (spiritual nature). Người sẽ thấy thân thể mình vẫn bị phục dưới sự cảm dỗ của xác thịt. Cuộc tranh đấu giữa thiện và ác bên trong con người được mô tả rất linh động trong chương bảy của sách Rô-ma: “Vì tôi biết điều lành chẳng ở trong tôi nghĩa là trong xác thịt tôi, bởi tôi có ý muốn làm điều lành, nhưng không có quyền làm trọn (Rô 7: 18). Trong cuộc xung đột kinh khủng này ở chương bảy, Đức Thánh Linh không được đề cập tới, nhưng trong phần mô tả cuộc sống đắc thắng ở chương tám, Ngài được nhắc tới mười chín lần. Đức Thánh Linh ngự trị trong đời sống người tin là bí quyết đắc thắng tội lỗi.

Địa vị mà người tin dành cho Đức Thánh Linh trong đời sống mình, quyết

định tâm tánh của họ. Tâm tánh con người không phải là cố định. Đó là kết quả của thói quen, tức là những hành động lặp đi lặp lại nhiều lần. Tâm tánh của con người thiên nhiên, hạng người sống để thỏa mãn thân xác mình, là một bức tranh đau buồn. Bảng danh sách những công việc của xác thịt thật trái ngược hẳn những trái của Thánh linh (Ga-la-ti 5: 19-21). Tâm tánh của con người tâm linh, hạng người để cho Đức Thánh Linh hướng dẫn đời sống thì hoàn toàn khác hẳn. Người sản sinh ra những trái lành của cuộc sống theo Chúa. Theo Ga-la-ti 5: 22, ta có ba nhóm trái:

Yêu Thương, Vui Mừng, Bình An

Đây là kinh nghiệm của người tín đồ trong tương quan với Thượng Đế, chỉ khi nào ta sống trong sự đầu phục Đức Thánh Linh, thì tình yêu của Thượng Đế

mới tuôn đổ vào lòng chúng ta (Rô 5: 5), chúng ta được chia sẻ niềm tin của Thánh linh (Công 13; 52) và «sự bình an của Đức Chúa Trời vượt quá mọi sự hiểu biết»(Philip 4: 7)

Nhịn Nhục, Nhơn Từ, Hiền Lành

Đây là kinh nghiệm của người tín đồ trong tương quan với đồng loại. Đức Thánh Linh giúp chúng ta chịu đựng. Trước hết, chúng ta hiến mình cho Chúa, rồi sau là cho những người xung quanh ta. Chúng ta đối xử tử tế và lịch sự với mọi người.

Trung Tín, Mềm Mại, Tiết Độ

Đây là kinh nghiệm Cơ-đốc trong tương quan với chính chúng ta. Hễ chúng ta bước đi trong Thánh Linh, thì chúng ta sẽ trung tín khiêm nhường làm mọi

bốn phận của chúng ta, và kiểm chế mọi tư tưởng hành động của chúng ta. Tội lỗi sẽ không còn cai trị trên anh em (Rô 6: 14)



